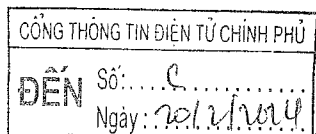


Số: 03 /2014/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2014



THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Nghệ An

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Nghệ An.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Nghệ An.

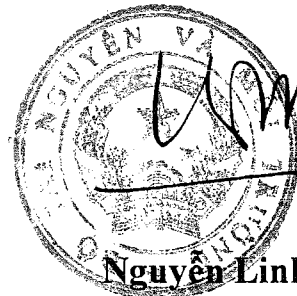
Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2014.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Nội vụ và Sở TN&MT tỉnh Nghệ An;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Cổng Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, PC, ĐBĐVN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Linh Ngọc

DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG
TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIÊN TỈNH NGHỆ AN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03 /2014/TT-BTNMT
ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liên tỉnh Nghệ An được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liên tỉnh Nghệ An được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố, thị xã và các huyện, trong đó:

a) Cột “Địa danh” là các địa danh đã được chuẩn hóa.

b) Cột “Nhóm đối tượng” là ký hiệu các nhóm địa danh; trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột “Tên ĐVHC cấp xã” là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của “phường”, TT. là chữ viết tắt của “thị trấn”.

d) Cột “Tên ĐVHC cấp huyện” là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của “thành phố”, H. là chữ viết tắt của “huyện”, TX. Là chữ viết tắt của “thị xã”.

đ) Cột “Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng” là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột “Địa danh”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột “Tọa độ trung tâm”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột “Tọa độ điểm đầu” và “Tọa độ điểm cuối”.

e) Cột “Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình” là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 sử dụng để thống kê địa danh.

Phần II

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH NGHỆ AN

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Nghệ An gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Vinh	3
2	Thị xã Cửa Lò	17
3	Thị xã Thái Hoà	21
4	Huyện Anh Sơn	28
5	Huyện Con Cuông	40
6	Huyện Diễn Châu	52
7	Huyện Đô Lương	71
8	Huyện Hưng Nguyên	88
9	Huyện Kỳ Sơn	99
10	Huyện Nam Đàn	114
11	Huyện Nghi Lộc	128
12	Huyện Nghĩa Đàn	146
13	Huyện Quế Phong	162
14	Huyện Quỳnh Châu	173
15	Huyện Quỳnh Hợp	183
16	Huyện Quỳnh Lưu	199
17	Huyện Tân Kỳ	225
18	Huyện Thanh Chương	239
19	Huyện Tương Dương	263
20	Huyện Yên Thành	278

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
khối 1	DC	P. Bến Thuỷ	TP. Vinh	18° 40' 01"	105° 42' 03"						E-48-32-C-b	
khối 2	DC	P. Bến Thuỷ	TP. Vinh	18° 40' 04"	105° 42' 12"						E-48-32-C-b	
khối 3	DC	P. Bến Thuỷ	TP. Vinh	18° 39' 52"	105° 41' 55"						E-48-32-C-b	
khối 4	DC	P. Bến Thuỷ	TP. Vinh	18° 39' 53"	105° 42' 02"						E-48-32-C-b	
khối 5	DC	P. Bến Thuỷ	TP. Vinh	18° 39' 54"	105° 42' 13"						E-48-32-C-b	
khối 6	DC	P. Bến Thuỷ	TP. Vinh	18° 39' 42"	105° 41' 49"						E-48-32-C-b	
khối 7	DC	P. Bến Thuỷ	TP. Vinh	18° 39' 44"	105° 41' 55"						E-48-32-C-b	
khối 8	DC	P. Bến Thuỷ	TP. Vinh	18° 39' 44"	105° 42' 05"						E-48-32-C-b	
khối 9	DC	P. Bến Thuỷ	TP. Vinh	18° 39' 35"	105° 41' 53"						E-48-32-C-b	
khối 10	DC	P. Bến Thuỷ	TP. Vinh	18° 39' 38"	105° 42' 13"						E-48-32-C-b	
khối 11	DC	P. Bến Thuỷ	TP. Vinh	18° 39' 25"	105° 41' 52"						E-48-32-C-b	
khối 12	DC	P. Bến Thuỷ	TP. Vinh	18° 39' 21"	105° 42' 05"						E-48-32-C-b	
khối 13	DC	P. Bến Thuỷ	TP. Vinh	18° 39' 26"	105° 42' 11"						E-48-32-C-b	
khối 14	DC	P. Bến Thuỷ	TP. Vinh	18° 39' 13"	105° 41' 56"						E-48-32-C-b	
khối 15	DC	P. Bến Thuỷ	TP. Vinh	18° 39' 03"	105° 42' 13"	18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"		E-48-32-C-b	
đường tỉnh 542	KX	P. Bến Thuỷ	TP. Vinh		105° 42' 24"						E-48-32-C-b	
cầu Bến Thuỷ	KX	P. Bến Thuỷ	TP. Vinh	18° 38' 51"							E-48-32-C-b	
Sông Lam	TV	P. Bến Thuỷ	TP. Vinh			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"		E-48-32-C-b	
đường Nguyễn Du	KX	P. Bến Thuỷ	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"		E-48-32-C-b	
Trường Đại học Vinh	KX	P. Bến Thuỷ	TP. Vinh	18° 39' 35"	105° 41' 37"						E-48-32-C-b	
khối 1	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 08"	105° 39' 58"						E-48-32-C-b	
khối 2	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 16"	105° 40' 14"						E-48-32-C-b	
khối 3	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 25"	105° 39' 58"						E-48-32-C-b	
khối 4	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 13"	105° 39' 54"						E-48-32-C-b	
khối 5	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 02"	105° 40' 06"						E-48-32-C-b	
khối 6A	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 39' 57"	105° 40' 02"						E-48-32-C-b	
khối 6B	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 39' 57"	105° 39' 52"						E-48-32-C-b	
khối 7	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 03"	105° 39' 51"						E-48-32-C-b	
khối 8	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 09"	105° 39' 51"						E-48-32-C-b	
khối 9	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 11"	105° 39' 48"						E-48-32-C-b	
khối 10	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 06"	105° 39' 27"						E-48-32-C-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Kinh độ		
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)		
khối 11	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 06"	105° 39' 15"						E-48-32-C-b	
khối 12	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 05"	105° 39' 06"						E-48-32-C-b	
khối 13	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 19"	105° 39' 05"						E-48-32-C-b	
khối 14	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 17"	105° 38' 55"						E-48-32-C-b	
khối 15	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 43"	105° 38' 48"						E-48-32-C-b	
sông Cầu Đuốc	TV	P. Cửa Nam	TP. Vinh			18° 42' 26"	105° 38' 08"	18° 39' 56"	105° 39' 08"		E-48-32-C-b	
hồ Cửa Nam	TV	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 00"	105° 39' 39"						E-48-32-C-b	
sông Cửa Tiên	TV	P. Cửa Nam	TP. Vinh			18° 39' 55"	105° 39' 07"	18° 38' 25"	105° 42' 16"		E-48-32-C-b	
đường Nguyễn Sinh Sắc	KX	P. Cửa Nam	TP. Vinh			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"		E-48-32-C-b	
đường Phan Đình Phùng	KX	P. Cửa Nam	TP. Vinh			18° 40' 04"	105° 39' 45"	18° 40' 00"	105° 40' 20"		E-48-32-C-b	
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Cửa Nam	TP. Vinh			18° 40' 04"	105° 39' 45"	18° 40' 56"	105° 39' 47"		E-48-32-C-b	
khối 1	DC	P. Đội Cung	TP. Vinh	18° 40' 36"	105° 40' 06"						E-48-32-C-b	
khối 2	DC	P. Đội Cung	TP. Vinh	18° 40' 30"	105° 40' 06"						E-48-32-C-b	
khối 3	DC	P. Đội Cung	TP. Vinh	18° 40' 36"	105° 39' 48"						E-48-32-C-b	
khối 4	DC	P. Đội Cung	TP. Vinh	18° 40' 30"	105° 39' 58"						E-48-32-C-b	
khối 5	DC	P. Đội Cung	TP. Vinh	18° 40' 29"	105° 39' 49"						E-48-32-C-b	
khối 6	DC	P. Đội Cung	TP. Vinh	18° 40' 22"	105° 39' 48"						E-48-32-C-b	
khối 7	DC	P. Đội Cung	TP. Vinh	18° 40' 38"	105° 39' 40"						E-48-32-C-b	
khối 8	DC	P. Đội Cung	TP. Vinh	18° 40' 32"	105° 39' 39"						E-48-32-C-b	
khối 9	DC	P. Đội Cung	TP. Vinh	18° 40' 20"	105° 39' 40"						E-48-32-C-b	
khối 10	DC	P. Đội Cung	TP. Vinh	18° 40' 26"	105° 39' 37"						E-48-32-C-b	
khối 11	DC	P. Đội Cung	TP. Vinh	18° 40' 15"	105° 39' 40"						E-48-32-C-b	
khối 12	DC	P. Đội Cung	TP. Vinh	18° 40' 10"	105° 39' 42"						E-48-32-C-b	
quốc lộ 46	KX	P. Đội Cung	TP. Vinh			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"		E-48-32-C-b	
đường Nguyễn Thái Học	KX	P. Đội Cung	TP. Vinh			18° 40' 40"	105° 39' 46"	18° 40' 39"	105° 40' 21"		E-48-32-C-b	
đường Phan Chu Trinh	KX	P. Đội Cung	TP. Vinh			18° 40' 33"	105° 39' 46"	18° 40' 32"	105° 40' 21"		E-48-32-C-b	
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Đội Cung	TP. Vinh			18° 40' 04"	105° 39' 45"	18° 40' 56"	105° 39' 47"		E-48-32-C-b	
khối 13	DC	P. Đông Vinh	TP. Vinh	18° 41' 00"	105° 39' 38"						E-48-32-C-b	
khối 14	DC	P. Đông Vinh	TP. Vinh	18° 41' 19"	105° 39' 27"						E-48-32-C-b	
khối 19	DC	P. Đông Vinh	TP. Vinh	18° 41' 25"	105° 39' 36"						E-48-32-C-b	
sông Cầu Đuốc	TV	P. Đông Vinh	TP. Vinh			18° 42' 26"	105° 38' 08"	18° 39' 56"	105° 39' 08"		E-48-32-C-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
khối Đại Lợi	DC	P. Đông Vĩnh	TP. Vĩnh	18° 41' 35"	105° 39' 17"	18° 45' 12"	105° 36' 44"	18° 42' 26"	105° 38' 08"	E-48-32-C-b		
sông Kê Gai	TV	P. Đông Vĩnh	TP. Vĩnh							E-48-32-C-b		
khối Mỹ Thành	DC	P. Đông Vĩnh	TP. Vĩnh	18° 41' 12"	105° 39' 17"					E-48-32-C-b		
khối Trung Nghĩa	DC	P. Đông Vĩnh	TP. Vĩnh	18° 41' 37"	105° 39' 33"					E-48-32-C-b		
khối Vĩnh Lâm	DC	P. Đông Vĩnh	TP. Vĩnh	18° 40' 15"	105° 39' 24"					E-48-32-C-b		
khối Vĩnh Quang	DC	P. Đông Vĩnh	TP. Vĩnh	18° 40' 32"	105° 39' 32"					E-48-32-C-b		
khối Vĩnh Thành	DC	P. Đông Vĩnh	TP. Vĩnh	18° 40' 46"	105° 39' 35"					E-48-32-C-b		
khối Vĩnh Thịnh	DC	P. Đông Vĩnh	TP. Vĩnh	18° 40' 37"	105° 39' 28"					E-48-32-C-b		
khối Vĩnh Xuân	DC	P. Đông Vĩnh	TP. Vĩnh	18° 40' 23"	105° 39' 32"					E-48-32-C-b		
khối Vĩnh Yên	DC	P. Đông Vĩnh	TP. Vĩnh	18° 40' 53"	105° 39' 27"					E-48-32-C-b		
khối Yên Duệ	DC	P. Đông Vĩnh	TP. Vĩnh	18° 41' 25"	105° 39' 18"					E-48-32-C-b		
khối Yên Giang	DC	P. Đông Vĩnh	TP. Vĩnh	18° 41' 09"	105° 38' 46"					E-48-32-C-b		
khối 1	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vĩnh	18° 42' 29"	105° 40' 09"					E-48-32-C-b		
khối 2	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vĩnh	18° 42' 16"	105° 40' 15"					E-48-32-C-b		
khối 3	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vĩnh	18° 41' 57"	105° 40' 26"					E-48-32-C-b		
khối 4	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vĩnh	18° 41' 47"	105° 40' 31"					E-48-32-C-b		
khối 5	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vĩnh	18° 41' 39"	105° 40' 30"					E-48-32-C-b		
khối 6	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vĩnh	18° 41' 31"	105° 40' 35"					E-48-32-C-b		
khối 7	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vĩnh	18° 41' 35"	105° 40' 26"					E-48-32-C-b		
khối 8	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vĩnh	18° 41' 29"	105° 40' 26"					E-48-32-C-b		
khối 9	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vĩnh	18° 41' 24"	105° 40' 27"					E-48-32-C-b		
khối 10	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vĩnh	18° 41' 18"	105° 40' 33"					E-48-32-C-b		
khối 11	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vĩnh	18° 41' 23"	105° 40' 39"					E-48-32-C-b		
khối 12	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vĩnh	18° 41' 29"	105° 40' 44"					E-48-32-C-b		
khối 13	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vĩnh	18° 41' 25"	105° 40' 50"					E-48-32-C-b		
khối 14	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vĩnh	18° 41' 31"	105° 41' 01"					E-48-32-C-b		
khối 15	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vĩnh	18° 41' 21"	105° 40' 56"					E-48-32-C-b		
khối 16	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vĩnh	18° 41' 21"	105° 41' 06"					E-48-32-C-b		
khối 17	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vĩnh	18° 41' 17"	105° 41' 17"					E-48-32-C-b		
đường Hà Huy Tập	KX	P. Hà Huy Tập	TP. Vĩnh			18° 41' 59"	105° 40' 23"	18° 41' 15"	105° 40' 46"	E-48-32-C-b		
đường Mai Hắc Đế	KX	P. Hà Huy Tập	TP. Vĩnh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-C-b		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)			
đường Nguyễn Trãi	KX	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-C-b		
khối Tân Hoà	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 21"	105° 41' 20"					E-48-32-C-b		
khối Trung Hoà	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 21"	105° 41' 35"					E-48-32-C-b		
đường Xô Viết Nghệ	KX	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh			18° 41' 16"	105° 41' 25"	18° 43' 13"	105° 40' 12"	E-48-32-C-b		
khối Yên Hoà	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 32"	105° 41' 28"					E-48-32-C-b		
khối Yên Sơn	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 41"	105° 41' 03"					E-48-32-C-b		
khối Yên Toàn	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 39"	105° 40' 53"					E-48-32-C-b		
khối 1	DC	P. Hồng Sơn	TP. Vinh	18° 39' 57"	105° 40' 13"					E-48-32-C-b		
khối 2	DC	P. Hồng Sơn	TP. Vinh	18° 39' 57"	105° 40' 17"					E-48-32-C-b		
khối 3	DC	P. Hồng Sơn	TP. Vinh	18° 39' 56"	105° 40' 26"					E-48-32-C-b		
khối 4	DC	P. Hồng Sơn	TP. Vinh	18° 39' 49"	105° 40' 24"					E-48-32-C-b		
khối 5	DC	P. Hồng Sơn	TP. Vinh	18° 39' 50"	105° 40' 28"					E-48-32-C-b		
khối 6	DC	P. Hồng Sơn	TP. Vinh	18° 39' 58"	105° 40' 38"					E-48-32-C-b		
khối 7	DC	P. Hồng Sơn	TP. Vinh	18° 39' 54"	105° 40' 39"					E-48-32-C-b		
khối 8	DC	P. Hồng Sơn	TP. Vinh	18° 39' 56"	105° 40' 44"					E-48-32-C-b		
khối 9	DC	P. Hồng Sơn	TP. Vinh	18° 39' 56"	105° 40' 48"					E-48-32-C-b		
khối 10	DC	P. Hồng Sơn	TP. Vinh	18° 39' 57"	105° 41' 05"					E-48-32-C-b		
khối 11	DC	P. Hồng Sơn	TP. Vinh	18° 39' 56"	105° 40' 31"					E-48-32-C-b		
khối 12	DC	P. Hồng Sơn	TP. Vinh	18° 39' 54"	105° 40' 34"					E-48-32-C-b		
sông Cửa Tiền	TV	P. Hồng Sơn	TP. Vinh			18° 39' 55"	105° 39' 07"	18° 38' 25"	105° 42' 16"	E-48-32-C-b		
đường Lê Mao	KX	P. Hồng Sơn	TP. Vinh			18° 39' 54"	105° 40' 51"	18° 40' 15"	105° 40' 55"	E-48-32-C-b		
đường Phan Đình Phùng	KX	P. Hồng Sơn	TP. Vinh			18° 40' 04"	105° 39' 45"	18° 40' 00"	105° 40' 20"	E-48-32-C-b		
đường Trần Phú	KX	P. Hồng Sơn	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-C-b		
Chợ Vinh	KX	P. Hồng Sơn	TP. Vinh	18° 39' 51"	105° 40' 18"					E-48-32-C-b		
khối 16	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 28"	105° 40' 45"					E-48-32-C-b		
khối 17	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 22"	105° 40' 52"					E-48-32-C-b		
khối 18	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 44"	105° 40' 27"					E-48-32-C-b		
khối 19	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 44"	105° 40' 39"					E-48-32-C-b		
khối 20	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 58"	105° 40' 46"					E-48-32-C-b		
khối 22	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 47"	105° 40' 49"					E-48-32-C-b		
khối 23	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 41"	105° 40' 59"					E-48-32-C-b		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
khối 24	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 33"	105° 40' 48"						E-48-32-C-b	
khối Bình Yên	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 26"	105° 41' 04"						E-48-32-C-b	
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Hưng Bình	TP. Vinh			18° 40' 39"	105° 40' 21"	18° 40' 36"	105° 41' 33"		E-48-32-C-b	
đường Lê Lợi	KX	P. Hưng Bình	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"		E-48-32-C-b	
khối Liên Cơ	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 33"	105° 40' 44"						E-48-32-C-b	
đường Nguyễn Thị Minh Khai	KX	P. Hưng Bình	TP. Vinh			18° 40' 45"	105° 40' 21"	18° 40' 15"	105° 40' 55"		E-48-32-C-b	
đường Nguyễn Văn Cừ	KX	P. Hưng Bình	TP. Vinh			18° 41' 15"	105° 40' 46"	18° 40' 21"	105° 41' 15"		E-48-32-C-b	
khối Quang Tiến	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 55"	105° 40' 35"						E-48-32-C-b	
khối Tân Tiến	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 48"	105° 40' 32"						E-48-32-C-b	
khối Tân Yên	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 54"	105° 40' 26"						E-48-32-C-b	
khối Trường Tiến	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 34"	105° 41' 02"						E-48-32-C-b	
khối Vinh Quang	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 41' 04"	105° 40' 35"						E-48-32-C-b	
khối Vinh Tiến	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 41' 10"	105° 40' 27"						E-48-32-C-b	
khối Yên Phúc A	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 41' 06"	105° 40' 48"						E-48-32-C-b	
đường tỉnh 535	KX	P. Hưng Dũng	TP. Vinh			18° 39' 59"	105° 41' 16"	18° 46' 13"	105° 45' 02"		E-48-32-C-b	
đường tỉnh 542	KX	P. Hưng Dũng	TP. Vinh			18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"		E-48-32-C-b	
khối Đông Lâm	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 24"	105° 42' 14"						E-48-32-C-b	
khối Đông Thọ	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 17"	105° 42' 16"						E-48-32-C-b	
Sông Lam	TV	P. Hưng Dũng	TP. Vinh			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"		E-48-32-C-b	
sông Rào Đứng	TV	P. Hưng Dũng	TP. Vinh			18° 41' 16"	105° 41' 54"	18° 41' 55"	105° 43' 31"		E-48-32-C-b	
khối Tân Hợp	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 41' 08"	105° 41' 35"						E-48-32-C-b	
khối Tân Lâm	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 26"	105° 42' 00"						E-48-32-C-b	
khối Tân Lộc	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 41"	105° 41' 42"						E-48-32-C-b	
khối Tân Nam	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 13"	105° 42' 08"						E-48-32-C-b	
khối Tân Phúc	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 42"	105° 41' 52"						E-48-32-C-b	
khối Tân Tiến	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 50"	105° 41' 37"						E-48-32-C-b	
khối Trung Định	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 18"	105° 42' 02"						E-48-32-C-b	
khối Trung Đô	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 41' 02"	105° 41' 33"						E-48-32-C-b	
khối Trung Đông	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 41' 11"	105° 41' 50"						E-48-32-C-b	
khối Trung Tiến	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 41' 07"	105° 41' 38"						E-48-32-C-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
khối Trung Yên	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 41' 00"	105° 41' 39"							E-48-32-C-b
khối Văn Tiến	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 49"	105° 41' 55"							E-48-32-C-b
khối Văn Trung	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 36"	105° 42' 04"							E-48-32-C-b
khối Xuân Bắc	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 57"	105° 41' 54"							E-48-32-C-b
khối Xuân Đông	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 41' 05"	105° 42' 11"							E-48-32-C-b
khối Xuân Nam	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 49"	105° 42' 07"							E-48-32-C-b
khối Xuân Tiến	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 53"	105° 42' 11"							E-48-32-C-b
khối Xuân Trung	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 45"	105° 42' 13"							E-48-32-C-b
khối An Vinh	DC	P. Hưng Phúc	TP. Vinh	18° 41' 04"	105° 41' 18"							E-48-32-C-b
khối Hưng Phúc	DC	P. Hưng Phúc	TP. Vinh	18° 41' 06"	105° 40' 53"			18° 40' 39"	105° 40' 21"	18° 40' 36"	105° 41' 33"	E-48-32-C-b
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Hưng Phúc	TP. Vinh	18° 41' 04"	105° 41' 00"							E-48-32-C-b
khối Minh Phúc	DC	P. Hưng Phúc	TP. Vinh					18° 41' 15"	105° 40' 46"	18° 40' 21"	105° 41' 15"	E-48-32-C-b
đường Nguyễn Văn Cừ	KX	P. Hưng Phúc	TP. Vinh	18° 40' 58"	105° 41' 00"							E-48-32-C-b
khối Quang Phúc	DC	P. Hưng Phúc	TP. Vinh	18° 41' 10"	105° 41' 03"							E-48-32-C-b
khối Tân Phúc	DC	P. Hưng Phúc	TP. Vinh	18° 40' 52"	105° 41' 01"							E-48-32-C-b
khối Trường Phúc	DC	P. Hưng Phúc	TP. Vinh	18° 41' 09"	105° 41' 11"							E-48-32-C-b
khối Vinh Phúc	DC	P. Hưng Phúc	TP. Vinh	18° 40' 52"	105° 41' 10"							E-48-32-C-b
khối Yên Bình	DC	P. Hưng Phúc	TP. Vinh	18° 40' 50"	105° 41' 20"							E-48-32-C-b
khối Yên Phúc	DC	P. Hưng Phúc	TP. Vinh	18° 41' 12"	105° 41' 18"							E-48-32-C-b
khối Yên Vinh	DC	P. Hưng Phúc	TP. Vinh	18° 40' 42"	105° 40' 18"							E-48-32-C-b
khối 1	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 40' 45"	105° 40' 13"							E-48-32-C-b
khối 2	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 40' 49"	105° 40' 10"							E-48-32-C-b
khối 3	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 40' 54"	105° 40' 18"							E-48-32-C-b
khối 4	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 40' 58"	105° 40' 16"							E-48-32-C-b
khối 5	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 41' 05"	105° 40' 17"							E-48-32-C-b
khối 6	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 41' 10"	105° 40' 11"							E-48-32-C-b
khối 7	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 40' 51"	105° 39' 51"							E-48-32-C-b
khối 8	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 40' 47"	105° 39' 58"							E-48-32-C-b
khối 9	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 40' 43"	105° 39' 50"							E-48-32-C-b
khối 10	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 40' 45"	105° 39' 41"							E-48-32-C-b
khối 11	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh									E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
khối 12	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 40' 49"	105° 39' 44"						E-48-32-C-b	
khối 13	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 41' 04"	105° 39' 45"						E-48-32-C-b	
khối 14	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 41' 14"	105° 39' 52"						E-48-32-C-b	
khối 15	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 41' 03"	105° 39' 58"						E-48-32-C-b	
khối 16	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 41' 08"	105° 39' 55"						E-48-32-C-b	
đường Lê Lợi	KX	P. Lê Lợi	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"		E-48-32-C-b	
đường Nguyễn Thái Học	KX	P. Lê Lợi	TP. Vinh			18° 40' 40"	105° 39' 46"	18° 40' 39"	105° 40' 21"		E-48-32-C-b	
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Lê Lợi	TP. Vinh			18° 40' 04"	105° 39' 45"	18° 40' 56"	105° 39' 47"		E-48-32-C-b	
đường Lê Mao	KX	P. Lê Mao	TP. Vinh			18° 39' 54"	105° 40' 51"	18° 40' 15"	105° 40' 55"		E-48-32-C-b	
đường Nguyễn Thị Minh Khai	KX	P. Lê Mao	TP. Vinh			18° 40' 45"	105° 40' 21"	18° 40' 15"	105° 40' 55"		E-48-32-C-b	
khối Tân Phong	DC	P. Lê Mao	TP. Vinh	18° 40' 28"	105° 40' 31"						E-48-32-C-b	
khối Tân Quang	DC	P. Lê Mao	TP. Vinh	18° 40' 11"	105° 40' 31"						E-48-32-C-b	
khối Tân Thành 1	DC	P. Lê Mao	TP. Vinh	18° 40' 19"	105° 40' 47"						E-48-32-C-b	
khối Tân Thành 2	DC	P. Lê Mao	TP. Vinh	18° 40' 16"	105° 40' 43"						E-48-32-C-b	
khối Tân Tiến	DC	P. Lê Mao	TP. Vinh	18° 40' 24"	105° 40' 38"						E-48-32-C-b	
khối Tân Vinh	DC	P. Lê Mao	TP. Vinh	18° 40' 14"	105° 40' 37"						E-48-32-C-b	
đường Trần Phú	KX	P. Lê Mao	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"		E-48-32-C-b	
khối Trung Hoà 1	DC	P. Lê Mao	TP. Vinh	18° 40' 05"	105° 40' 44"						E-48-32-C-b	
khối Trung Hoà 2	DC	P. Lê Mao	TP. Vinh	18° 40' 08"	105° 40' 46"						E-48-32-C-b	
khối Trung Mỹ	DC	P. Lê Mao	TP. Vinh	18° 40' 05"	105° 40' 34"						E-48-32-C-b	
khối 1	DC	P. Quán Bàu	TP. Vinh	18° 41' 27"	105° 40' 10"						E-48-32-C-b	
khối 2	DC	P. Quán Bàu	TP. Vinh	18° 41' 29"	105° 40' 04"						E-48-32-C-b	
khối 3	DC	P. Quán Bàu	TP. Vinh	18° 41' 29"	105° 39' 55"						E-48-32-C-b	
khối 4	DC	P. Quán Bàu	TP. Vinh	18° 41' 26"	105° 39' 48"						E-48-32-C-b	
khối 5	DC	P. Quán Bàu	TP. Vinh	18° 41' 39"	105° 40' 05"						E-48-32-C-b	
khối 6	DC	P. Quán Bàu	TP. Vinh	18° 41' 50"	105° 40' 14"						E-48-32-C-b	
khối 7	DC	P. Quán Bàu	TP. Vinh	18° 41' 45"	105° 39' 57"						E-48-32-C-b	
khối 8	DC	P. Quán Bàu	TP. Vinh	18° 41' 52"	105° 39' 50"						E-48-32-C-b	
khối 9	DC	P. Quán Bàu	TP. Vinh	18° 42' 12"	105° 40' 04"						E-48-32-C-b	
khối 10	DC	P. Quán Bàu	TP. Vinh	18° 42' 16"	105° 39' 57"						E-48-32-C-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
khối 11	DC	P. Quán Bàu	TP. Vinh	18° 42' 30"	105° 39' 58"						E-48-32-C-b	
khối 12	DC	P. Quán Bàu	TP. Vinh	18° 42' 46"	105° 39' 59"						E-48-32-C-b	
đường Mai Hắc Đế	KX	P. Quán Bàu	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"		E-48-32-C-b	
đường Nguyễn Trãi	KX	P. Quán Bàu	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"		E-48-32-C-b	
Ga Vinh	KX	P. Quán Bàu	TP. Vinh	18° 41' 19"	105° 39' 45"						E-48-32-C-b	
khối 1	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 05"	105° 40' 23"						E-48-32-C-b	
khối 2	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 10"	105° 40' 23"						E-48-32-C-b	
khối 3	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 14"	105° 40' 26"						E-48-32-C-b	
khối 4	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 17"	105° 40' 22"						E-48-32-C-b	
khối 5	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 18"	105° 40' 25"						E-48-32-C-b	
khối 6	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 28"	105° 40' 25"						E-48-32-C-b	
khối 7	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 31"	105° 40' 26"						E-48-32-C-b	
khối 8	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 35"	105° 40' 23"						E-48-32-C-b	
khối 9	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 36"	105° 40' 27"						E-48-32-C-b	
khối 10	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 29"	105° 40' 15"						E-48-32-C-b	
khối 11	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 22"	105° 40' 15"						E-48-32-C-b	
khối 12	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 04"	105° 40' 12"						E-48-32-C-b	
khối 13	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 11"	105° 40' 14"						E-48-32-C-b	
khối 14	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 36"	105° 40' 15"						E-48-32-C-b	
khối 15	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 28"	105° 40' 19"						E-48-32-C-b	
quốc lộ 46	KX	P. Quang Trung	TP. Vinh			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"		E-48-32-C-b	
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Quang Trung	TP. Vinh			18° 40' 39"	105° 40' 21"	18° 40' 36"	105° 41' 33"		E-48-32-C-b	
đường Nguyễn Thái Học	KX	P. Quang Trung	TP. Vinh			18° 40' 40"	105° 39' 46"	18° 40' 39"	105° 40' 21"		E-48-32-C-b	
đường Nguyễn Thị Minh Khai	KX	P. Quang Trung	TP. Vinh			18° 40' 45"	105° 40' 21"	18° 40' 15"	105° 40' 55"		E-48-32-C-b	
đường Phan Chu Trinh	KX	P. Quang Trung	TP. Vinh			18° 40' 33"	105° 39' 46"	18° 40' 32"	105° 40' 21"		E-48-32-C-b	
đường Phan Đình Phùng	KX	P. Quang Trung	TP. Vinh			18° 40' 04"	105° 39' 45"	18° 40' 00"	105° 40' 20"		E-48-32-C-b	
đường Quang Trung	KX	P. Quang Trung	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"		E-48-32-C-b	
khối 1	DC	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 39' 03"	105° 41' 50"						E-48-32-C-b	
khối 2	DC	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 38' 46"	105° 41' 40"						E-48-32-C-b	
khối 3	DC	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 39' 05"	105° 41' 16"						E-48-32-C-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khối 4	DC	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 39' 17"	105° 41' 23"							E-48-32-C-b
khối 5	DC	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 39' 18"	105° 41' 34"							E-48-32-C-b
khối 6	DC	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 39' 25"	105° 41' 37"							E-48-32-C-b
khối 7	DC	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 39' 38"	105° 41' 25"							E-48-32-C-b
khối 8	DC	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 39' 55"	105° 41' 12"							E-48-32-C-b
khối 9	DC	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 39' 06"	105° 41' 43"							E-48-32-C-b
khối 10	DC	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 39' 12"	105° 41' 36"							E-48-32-C-b
khối 11	DC	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 39' 19"	105° 41' 43"							E-48-32-C-b
khối 12	DC	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 39' 12"	105° 41' 51"							E-48-32-C-b
khối 13	DC	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 39' 47"	105° 41' 17"							E-48-32-C-b
đập Ba Ra	TV	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 38' 38"	105° 41' 50"							E-48-32-C-b
sông Cửa Tiền	TV	P. Trung Đô	TP. Vinh			18° 39' 55"	105° 39' 07"	18° 38' 25"	105° 42' 16"			E-48-32-C-b
Sông Lam	TV	P. Trung Đô	TP. Vinh			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"			E-48-32-C-b
đường Lê Duẩn	KX	P. Trung Đô	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"			E-48-32-C-b
đường Nguyễn Du	KX	P. Trung Đô	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"			E-48-32-C-b
Núi Quyết	SV	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 38' 51"	105° 41' 50"							E-48-32-C-b
khối 1	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 21"	105° 41' 07"							E-48-32-C-b
khối 2	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 28"	105° 41' 13"							E-48-32-C-b
khối 3	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 32"	105° 41' 13"							E-48-32-C-b
khối 4	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 31"	105° 41' 40"							E-48-32-C-b
khối 5	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 05"	105° 41' 55"							E-48-32-C-b
khối 6	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 09"	105° 41' 47"							E-48-32-C-b
khối 7	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 05"	105° 41' 41"							E-48-32-C-b
khối 8	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 39' 51"	105° 41' 40"							E-48-32-C-b
khối 9	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 39' 43"	105° 41' 40"							E-48-32-C-b
khối 10	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 12"	105° 41' 41"							E-48-32-C-b
khối 11	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 39' 57"	105° 41' 43"							E-48-32-C-b
khối 12	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 01"	105° 41' 49"							E-48-32-C-b
khối 13	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 05"	105° 41' 34"							E-48-32-C-b
khối 14	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 14"	105° 41' 34"							E-48-32-C-b
khối 15	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 16"	105° 41' 48"							E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khối 16	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 01"	105° 41' 23"					E-48-32-C-b
khối 17	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 05"	105° 41' 28"					E-48-32-C-b
đường tỉnh 535	KX	P. Trường Thi	TP. Vinh			18° 39' 59"	105° 41' 16"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-b
Hồ Goong	TV	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 26"	105° 41' 38"					E-48-32-C-b
đường Lê Duẩn	KX	P. Trường Thi	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-C-b
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Trường Thi	TP. Vinh			18° 40' 39"	105° 40' 21"	18° 40' 36"	105° 41' 33"	E-48-32-C-b
đường Nguyễn Văn Cừ	KX	P. Trường Thi	TP. Vinh			18° 41' 15"	105° 40' 46"	18° 40' 21"	105° 41' 15"	E-48-32-C-b
đường Trường Thi	KX	P. Trường Thi	TP. Vinh			18° 39' 58"	105° 41' 15"	18° 40' 36"	105° 41' 33"	E-48-32-C-b
khối Cộng Hoà	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh	18° 39' 36"	105° 40' 20"					E-48-32-C-b
sông Cửa Tiền	TV	P. Vinh Tân	TP. Vinh			18° 39' 55"	105° 39' 07"	18° 38' 25"	105° 42' 16"	E-48-32-C-b
Sông Đào	TV	P. Vinh Tân	TP. Vinh			18° 45' 12"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	105° 29' 35"	E-48-32-C-a
khối 1	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh	18° 39' 27"	105° 39' 52"					E-48-32-C-b
khối 2	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh	18° 39' 01"	105° 39' 57"					E-48-32-C-b
đường Phạm Hồng Thái	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh			18° 39' 52"	105° 40' 03"	18° 36' 53"	105° 36' 13"	E-48-32-C-b
khối Phúc Lộc	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh	18° 39' 50"	105° 41' 00"					E-48-32-C-b
khối Phúc Tân	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh	18° 39' 50"	105° 40' 54"					E-48-32-C-b
khối Phúc Vinh	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh	18° 39' 47"	105° 41' 06"					E-48-32-C-b
khối Quang Tiến	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh	18° 39' 49"	105° 40' 46"					E-48-32-C-b
khối Quang Trung	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh	18° 39' 50"	105° 40' 34"					E-48-32-C-b
khối Tân Hoà	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh	18° 39' 34"	105° 40' 30"					E-48-32-C-b
khối Tân Phụng	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh	18° 39' 17"	105° 40' 41"					E-48-32-C-b
khối Vinh Mỹ	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh	18° 39' 47"	105° 39' 28"					E-48-32-C-b
khối Yên Cư	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh	18° 39' 01"	105° 40' 38"					E-48-32-C-b
khối Yên Giang	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh	18° 39' 44"	105° 40' 02"					E-48-32-C-b
xóm 1	DC	xã Hưng Chính	TP. Vinh	18° 40' 26"	105° 38' 39"					E-48-32-C-b
xóm 2	DC	xã Hưng Chính	TP. Vinh	18° 40' 18"	105° 38' 41"					E-48-32-C-b
xóm 3	DC	xã Hưng Chính	TP. Vinh	18° 40' 06"	105° 38' 39"					E-48-32-C-b
xóm 4	DC	xã Hưng Chính	TP. Vinh	18° 39' 56"	105° 38' 51"					E-48-32-C-b
xóm 5	DC	xã Hưng Chính	TP. Vinh	18° 39' 51"	105° 38' 48"					E-48-32-C-b
xóm 6	DC	xã Hưng Chính	TP. Vinh	18° 39' 41"	105° 38' 57"					E-48-32-C-b
xóm 7	DC	xã Hưng Chính	TP. Vinh	18° 39' 36"	105° 39' 16"					E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
xóm 8	DC	xã Hưng Chính	TP. Vinh	18° 40' 09"	105° 38' 22"			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-C-b
quốc lộ 46	KX	xã Hưng Chính	TP. Vinh					18° 42' 26"	105° 38' 08"	18° 39' 56"	105° 39' 08"	E-48-32-C-b
sông Cầu Đước	TV	xã Hưng Chính	TP. Vinh					18° 45' 12"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	105° 29' 35"	E-48-32-C-b
Sông Đào	TV	xã Hưng Chính	TP. Vinh									E-48-32-C-b
xóm Đông Vinh	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 42' 46"	105° 39' 16"							E-48-32-C-b
xóm Mai Lộc	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 41' 37"	105° 38' 35"							E-48-32-C-b
xóm Mỹ Hậu	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 42' 41"	105° 38' 41"							E-48-32-C-b
xóm Mỹ Hoà	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 42' 32"	105° 38' 44"							E-48-32-C-b
xóm Mỹ Long	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 42' 21"	105° 38' 51"							E-48-32-C-b
xóm Trung Mỹ	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 42' 13"	105° 38' 55"							E-48-32-C-b
xóm Trung Thành	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 42' 02"	105° 38' 56"							E-48-32-C-b
xóm Trung Thuận	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 41' 56"	105° 39' 04"							E-48-32-C-b
xóm Trung Tiến	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 41' 45"	105° 39' 10"							E-48-32-C-b
xóm Vinh Xuân	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 42' 42"	105° 38' 56"							E-48-32-C-b
xóm Yên Bình	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 42' 00"	105° 39' 37"							E-48-32-C-b
xóm Yên Khang	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 42' 19"	105° 39' 36"							E-48-32-C-b
xóm Yên Vinh	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 42' 14"	105° 39' 20"							E-48-32-C-b
xóm Yên Xá	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 42' 36"	105° 39' 25"							E-48-32-C-b
đường tỉnh 542	KX	xã Hưng Hoà	TP. Vinh					18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-b
xóm Hoà Lam	DC	xã Hưng Hoà	TP. Vinh	18° 40' 30"	105° 45' 32"							E-48-32-D-a
xóm Khánh Hậu	DC	xã Hưng Hoà	TP. Vinh	18° 40' 41"	105° 43' 31"							E-48-32-C-b
Sông Lam	TV	xã Hưng Hoà	TP. Vinh					19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-b
xóm Phong Đăng	DC	xã Hưng Hoà	TP. Vinh	18° 40' 51"	105° 43' 57"							E-48-32-C-b
xóm Phong Hào	DC	xã Hưng Hoà	TP. Vinh	18° 40' 28"	105° 44' 31"							E-48-32-C-b
xóm Phong Phú	DC	xã Hưng Hoà	TP. Vinh	18° 41' 36"	105° 43' 33"							E-48-32-C-b
xóm Phong Quang	DC	xã Hưng Hoà	TP. Vinh	18° 41' 10"	105° 44' 06"							E-48-32-C-b
xóm Phong Yên	DC	xã Hưng Hoà	TP. Vinh	18° 41' 50"	105° 44' 41"							E-48-32-C-b
sông Rào Đông	TV	xã Hưng Hoà	TP. Vinh					18° 41' 55"	105° 43' 31"	18° 42' 50"	105° 44' 57"	E-48-32-C-b
sông Rào Đứng	TV	xã Hưng Hoà	TP. Vinh					18° 41' 16"	105° 41' 54"	18° 41' 55"	105° 43' 31"	E-48-32-C-b
xóm Thuận 1	DC	xã Hưng Hoà	TP. Vinh	18° 40' 25"	105° 45' 01"							E-48-32-D-a
xóm Thuận 2	DC	xã Hưng Hoà	TP. Vinh	18° 40' 31"	105° 45' 18"							E-48-32-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đường tỉnh 535	KX	xã Hưng Lộc	TP. Vinh			18° 39' 59"	105° 41' 16"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-b
xóm Đức Thịnh	DC	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 42' 13"	105° 43' 01"					E-48-32-C-b
xóm Đức Thọ	DC	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 42' 10"	105° 42' 49"					E-48-32-C-b
xóm Đức Vinh	DC	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 42' 25"	105° 42' 45"					E-48-32-C-b
xóm Hoà Tiến	DC	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 41' 36"	105° 42' 21"					E-48-32-C-b
xóm Mẫu Đơn	DC	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 41' 36"	105° 41' 54"					E-48-32-C-b
xóm Mậu Lâm	DC	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 41' 29"	105° 42' 08"					E-48-32-C-b
xóm Mỹ Hạ	DC	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 41' 55"	105° 42' 37"					E-48-32-C-b
xóm Mỹ Thượng	DC	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 42' 20"	105° 42' 05"					E-48-32-C-b
xóm Mỹ Trung	DC	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 42' 13"	105° 42' 19"					E-48-32-C-b
xóm Ngũ Lộc	DC	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 41' 51"	105° 41' 51"					E-48-32-C-b
xóm Ngũ Phúc	DC	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 41' 40"	105° 42' 00"					E-48-32-C-b
Viện Quân Y 4	KX	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 41' 45"	105° 42' 11"					E-48-32-C-b
sông Rào Đồng	TV	xã Hưng Lộc	TP. Vinh			18° 41' 55"	105° 43' 31"	18° 42' 50"	105° 44' 57"	E-48-32-C-b
sông Rào Đùng	TV	xã Hưng Lộc	TP. Vinh			18° 41' 16"	105° 41' 54"	18° 41' 55"	105° 43' 31"	E-48-32-C-b
Trường Cao đẳng Sư phạm Vinh	KX	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 42' 30"	105° 42' 23"					E-48-32-C-b
xóm Xuân Hùng	DC	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 41' 18"	105° 42' 01"					E-48-32-C-b
xóm Kim Bình	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 44' 26"	105° 41' 24"					E-48-32-C-b
xóm Kim Chi	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 44' 13"	105° 40' 37"					E-48-32-C-b
xóm Kim Đông	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 44' 49"	105° 41' 28"					E-48-32-C-b
xóm Kim Hoà	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 45' 20"	105° 41' 12"					E-48-32-A-d
xóm Kim Hợp	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 45' 01"	105° 41' 12"					E-48-32-A-d
xóm Kim Khánh	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 44' 03"	105° 41' 00"					E-48-32-C-b
xóm Kim Liên	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 45' 04"	105° 40' 42"					E-48-32-A-d
xóm Kim Mỹ	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 43' 52"	105° 40' 52"					E-48-32-C-b
xóm Kim Nghĩa	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 44' 12"	105° 41' 17"					E-48-32-C-b
xóm Kim Phúc	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 44' 55"	105° 40' 26"					E-48-32-C-b
xóm Kim Sơn	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 44' 31"	105° 41' 08"					E-48-32-C-b
xóm Kim Tân	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 44' 58"	105° 40' 58"					E-48-32-A-d
xóm Kim Trung	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 44' 50"	105° 40' 51"					E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu				Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)			
Đường Nghệ An/Xiêng Khoáng	KX	xã Nghi Ân	TP. Vinh			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-A-d, E-48-32-C-b		
xóm Trung Tâm	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 44' 40"	105° 41' 06"					E-48-32-C-b		
đường tỉnh 535	KX	xã Nghi Đức	TP. Vinh			18° 39' 59"	105° 41' 16"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-b		
xóm Hương Tín	DC	xã Nghi Đức	TP. Vinh	18° 43' 03"	105° 41' 38"					E-48-32-C-b		
Trường Cao đẳng Sư phạm Vinh	KX	xã Nghi Đức	TP. Vinh	18° 42' 30"	105° 42' 23"					E-48-32-C-b		
xóm Xuân Bình 13	DC	xã Nghi Đức	TP. Vinh	18° 43' 04"	105° 42' 12"					E-48-32-C-b		
xóm Xuân Bình 14	DC	xã Nghi Đức	TP. Vinh	18° 43' 17"	105° 42' 03"					E-48-32-C-b		
xóm Xuân Đồng	DC	xã Nghi Đức	TP. Vinh	18° 42' 55"	105° 41' 28"					E-48-32-C-b		
xóm Xuân Đức	DC	xã Nghi Đức	TP. Vinh	18° 42' 58"	105° 41' 08"					E-48-32-C-b		
xóm Xuân Hoa	DC	xã Nghi Đức	TP. Vinh	18° 42' 44"	105° 41' 43"					E-48-32-C-b		
xóm Xuân Hương	DC	xã Nghi Đức	TP. Vinh	18° 43' 04"	105° 41' 47"					E-48-32-C-b		
xóm Xuân Mỹ	DC	xã Nghi Đức	TP. Vinh	18° 43' 47"	105° 41' 44"					E-48-32-C-b		
xóm Xuân Thịnh	DC	xã Nghi Đức	TP. Vinh	18° 42' 48"	105° 42' 26"					E-48-32-C-b		
xóm Xuân Tín	DC	xã Nghi Đức	TP. Vinh	18° 43' 18"	105° 41' 25"					E-48-32-C-b		
xóm Xuân Trang	DC	xã Nghi Đức	TP. Vinh	18° 43' 08"	105° 42' 28"					E-48-32-C-b		
xóm 1	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 32"	105° 39' 32"					E-48-32-C-b		
xóm 2	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 21"	105° 39' 33"					E-48-32-C-b		
xóm 3	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 06"	105° 39' 35"					E-48-32-C-b		
xóm 4	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 07"	105° 39' 17"					E-48-32-C-b		
xóm 5	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 35"	105° 39' 07"					E-48-32-C-b		
xóm 6	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 19"	105° 38' 41"					E-48-32-C-b		
xóm 7	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 31"	105° 38' 41"					E-48-32-C-b		
xóm 8	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 34"	105° 38' 52"					E-48-32-C-b		
xóm 9	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 49"	105° 38' 45"					E-48-32-C-b		
xóm 10	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 44' 00"	105° 38' 40"					E-48-32-C-b		
xóm 11	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 23"	105° 38' 56"					E-48-32-C-b		
xóm 12	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 01"	105° 39' 48"					E-48-32-C-b		
xóm 13A	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 11"	105° 39' 55"					E-48-32-C-b		
xóm 13B	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 03"	105° 39' 58"					E-48-32-C-b		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)			
xóm 14	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 20"	105° 39' 50"							E-48-32-C-b
xóm 15	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 32"	105° 39' 47"							E-48-32-C-b
kênh 17	TV	xã Nghi Kim	TP. Vinh			18° 45' 34"	105° 37' 10"	18° 42' 27"	105° 38' 07"			E-48-32-C-b
đường Nghệ An/Xiêng Khoảng	KX	xã Nghi Kim	TP. Vinh			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"			E-48-32-C-b
đường Thăng Long	KX	xã Nghi Kim	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"			E-48-32-C-b
xóm 1	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 44' 36"	105° 38' 45"							E-48-32-C-b
xóm 2	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 44' 19"	105° 38' 49"							E-48-32-C-b
xóm 3	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 44' 02"	105° 39' 01"							E-48-32-C-b
xóm 4	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 44' 15"	105° 39' 09"							E-48-32-C-b
xóm 5	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 44' 23"	105° 39' 21"							E-48-32-C-b
xóm 6	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 44' 38"	105° 39' 21"							E-48-32-C-b
xóm 7	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 44' 52"	105° 39' 07"							E-48-32-C-b
xóm 8	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 45' 05"	105° 39' 06"							E-48-32-A-d
xóm 9	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 44' 34"	105° 39' 45"							E-48-32-C-b
xóm 10	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 44' 56"	105° 39' 30"							E-48-32-C-b
xóm 11	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 45' 30"	105° 39' 20"							E-48-32-A-d
xóm 12	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 45' 41"	105° 39' 18"							E-48-32-A-d
xóm 13	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 45' 39"	105° 39' 03"							E-48-32-A-d
xóm 14	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 45' 30"	105° 38' 47"							E-48-32-A-d
xóm 15	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 44' 37"	105° 39' 08"							E-48-32-C-b
xóm 17	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 44' 46"	105° 39' 37"							E-48-32-C-b
xóm 18A	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 43' 52"	105° 39' 34"							E-48-32-C-b
xóm 18B	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 43' 44"	105° 39' 52"							E-48-32-C-b
xóm 18C	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 43' 59"	105° 39' 41"							E-48-32-C-b
đường Thăng Long	KX	xã Nghi Liên	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"			E-48-32-A-d, E-48-32-C-b
Cảng Hàng không Vinh	KX	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 44' 02"	105° 40' 10"							E-48-32-C-b
xóm 1	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 48"	105° 40' 04"							E-48-32-C-b
xóm 2	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 43' 01"	105° 40' 14"							E-48-32-C-b
xóm 3	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 43' 11"	105° 40' 25"							E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
xóm 4	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 43' 24"	105° 40' 45"						E-48-32-C-b	
xóm 5	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 55"	105° 40' 52"						E-48-32-C-b	
xóm 6	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 43' 04"	105° 40' 43"						E-48-32-C-b	
xóm 7	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 55"	105° 40' 30"						E-48-32-C-b	
xóm 8	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 49"	105° 40' 13"						E-48-32-C-b	
xóm 9	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 36"	105° 40' 19"						E-48-32-C-b	
xóm 10	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 44"	105° 40' 47"						E-48-32-C-b	
xóm 11	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 37"	105° 41' 12"						E-48-32-C-b	
xóm 12	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 31"	105° 41' 02"						E-48-32-C-b	
xóm 13	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 26"	105° 40' 51"						E-48-32-C-b	
xóm 14	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 19"	105° 40' 39"						E-48-32-C-b	
xóm 15	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 22"	105° 40' 29"						E-48-32-C-b	
xóm 16	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 07"	105° 40' 27"						E-48-32-C-b	
xóm 17	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 09"	105° 40' 38"						E-48-32-C-b	
xóm 18	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 41' 54"	105° 40' 38"						E-48-32-C-b	
xóm 19	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 41' 59"	105° 40' 50"						E-48-32-C-b	
xóm 20	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 09"	105° 41' 08"						E-48-32-C-b	
xóm 21	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 19"	105° 41' 17"						E-48-32-C-b	
xóm 22	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 24"	105° 41' 24"						E-48-32-C-b	
xóm 23	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 07"	105° 41' 25"						E-48-32-C-b	
xóm 24	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 41' 46"	105° 41' 28"						E-48-32-C-b	
đường Nghệ An/Xiêng Khoảng	KX	xã Nghi Phú	TP. Vinh			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"		E-48-32-C-b	
đường Nguyễn Trãi	KX	xã Nghi Phú	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"		E-48-32-C-b	
đường Xô Viết Nghệ	KX	xã Nghi Phú	TP. Vinh			18° 41' 16"	105° 41' 25"	18° 43' 13"	105° 40' 12"		E-48-32-C-b	
đường tỉnh 535	KX	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò			18° 39' 59"	105° 41' 16"	18° 46' 13"	105° 45' 02"		E-48-32-A-d, E-48-32-B-c	
đường tỉnh 542	KX	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò			18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"		E-48-32-A-d	
cảng cá Cửa Hội	KX	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò	18° 45' 38"	105° 45' 05"						E-48-32-B-c	
khối Hải Bình	DC	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò	18° 45' 37"	105° 44' 23"						E-48-32-A-d	
khối Hải Giang 1	DC	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò	18° 45' 59"	105° 45' 02"						E-48-32-B-c	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
khối Hải Giang 2	DC	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò	18° 45' 46"	105° 44' 51"							E-48-32-A-d
khối Hải Lam	DC	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò	18° 45' 51"	105° 44' 40"							E-48-32-A-d
khối Hải Tân	DC	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò	18° 45' 38"	105° 44' 03"							E-48-32-A-d
khối Hải Thanh	DC	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò	18° 45' 39"	105° 44' 34"							E-48-32-A-d
khối Hải Triều	DC	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò	18° 45' 37"	105° 44' 13"							E-48-32-A-d
khối Hải Triều	DC	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò	18° 45' 49"	105° 44' 23"							E-48-32-A-d
khối Hải Trung	DC	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò	18° 45' 52"	105° 45' 45"							E-48-32-B-c
Cửa Hội	TV	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"			E-48-32-A-d
Sông Lam	TV	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò									E-48-32-A-d
khối Tân Lộc	DC	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò	18° 45' 11"	105° 44' 07"							E-48-32-A-d
khối Tân Nho	DC	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò	18° 45' 04"	105° 44' 01"							E-48-32-A-d
khối Tân Quang	DC	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò	18° 45' 22"	105° 44' 09"							E-48-32-A-d
đường tỉnh 535	KX	P. Nghi Hoà	TX. Cửa Lò			18° 39' 59"	105° 41' 16"	18° 46' 13"	105° 45' 02"			E-48-32-A-d, E-48-32-B-c
khối Bắc Hoà	DC	P. Nghi Hoà	TX. Cửa Lò	18° 45' 57"	105° 43' 43"							E-48-32-A-d
đường Bình Minh	KX	P. Nghi Hoà	TX. Cửa Lò			18° 49' 10"	105° 42' 56"	18° 46' 13"	105° 45' 02"			E-48-32-A-d
khối Đông Hoà	DC	P. Nghi Hoà	TX. Cửa Lò	18° 45' 54	105° 44' 07"							E-48-32-A-d
khối Hải Bằng 1	DC	P. Nghi Hoà	TX. Cửa Lò	18° 46' 02"	105° 44' 37"							E-48-32-A-d
khối Hải Bằng 2	DC	P. Nghi Hoà	TX. Cửa Lò	18° 46' 20"	105° 44' 42"							E-48-32-A-d
khối Liên Hoà	DC	P. Nghi Hoà	TX. Cửa Lò	18° 45' 34"	105° 43' 59"							E-48-32-A-d
khối Phúc Hoà	DC	P. Nghi Hoà	TX. Cửa Lò	18° 46' 15"	105° 44' 15"							E-48-32-A-d
khối Tân Điện	DC	P. Nghi Hoà	TX. Cửa Lò	18° 45' 12"	105° 43' 59"							E-48-32-A-d
khối Tân Phúc	DC	P. Nghi Hoà	TX. Cửa Lò	18° 45' 21"	105° 44' 00"							E-48-32-A-d
khối Tây Hoà	DC	P. Nghi Hoà	TX. Cửa Lò	18° 45' 46"	105° 43' 41"							E-48-32-A-d
khối Tây Nam	DC	P. Nghi Hoà	TX. Cửa Lò	18° 45' 30"	105° 43' 54"							E-48-32-A-d
khối Trung Hoà	DC	P. Nghi Hoà	TX. Cửa Lò	18° 45' 57"	105° 43' 55"							E-48-32-A-d
khối 1	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 48' 02"	105° 42' 59"							E-48-32-A-d
khối 2	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 47' 47"	105° 43' 06"							E-48-32-A-d
khối 3	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 47' 52"	105° 43' 27"							E-48-32-A-d
khối 4	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 47' 30"	105° 43' 19"							E-48-32-A-d
khối 5	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 47' 20"	105° 43' 20"							E-48-32-A-d
khối 6	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 47' 09"	105° 43' 33"							E-48-32-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khối 7	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 46' 50"	105° 43' 42"							E-48-32-A-d
khối 8	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 46' 41"	105° 43' 52"							E-48-32-A-d
khối 9	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 46' 29"	105° 43' 39"							E-48-32-A-d
khối 10	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 47' 03"	105° 42' 55"							E-48-32-A-d
khối 11	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 47' 04"	105° 42' 26"							E-48-32-A-d
khối 12	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 47' 31"	105° 42' 34"							E-48-32-A-d
khối 13	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 47' 22"	105° 42' 22"							E-48-32-A-d
khối 14	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 47' 34"	105° 42' 14"							E-48-32-A-d
đường Bình Minh	KX	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò			18° 49' 10"	105° 42' 56"	18° 46' 13"	105° 45' 02"			E-48-32-A-d
Hòn Ngự	TV	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 48' 04"	105° 46' 27"							E-48-32-B-c
đường Nguyễn Sinh Cung	KX	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò			18° 47' 55"	105° 43' 41"	18° 59' 59"	105° 28' 38"			E-48-31-B-b, E-48-31-B-d, E-48-32-A-c, E-48-32-A-d
												E-48-32-A-d
												E-48-32-A-d
												E-48-32-A-d
												E-48-32-A-d
												E-48-32-A-d
												E-48-32-A-d
												E-48-32-A-d
												E-48-32-A-d
quốc lộ 46	KX	P. Nghi Tân	TX. Cửa Lò			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"			E-48-32-A-d, E-48-31-B-a, E-48-31-B-c, E-48-32-C-a, E-48-32-C-b, E-48-31-D
												E-48-32-A-d
												E-48-32-A-d
												E-48-32-A-d
												E-48-32-A-d
												E-48-32-A-d
												E-48-32-A-d
												E-48-32-A-d
												E-48-32-A-d
cảng Cửa Lò	KX	P. Nghi Tân	TX. Cửa Lò	18° 49' 47"	105° 42' 21"						E-48-32-A-d	
Núi Gươm	SV	P. Nghi Tân	TX. Cửa Lò	18° 49' 37"	105° 41' 29"						E-48-32-A-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
Núi Hang	SV	P. Nghi Tân	TX. Cửa Lò	18° 49' 08"	105° 42' 09"						E-48-32-A-d	
núi Lô Sơn	SV	P. Nghi Tân	TX. Cửa Lò	18° 49' 25"	105° 42' 05"						E-48-32-A-d	
quốc lộ 46	KX	P. Nghi Thu	TX. Cửa Lò			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"		E-48-32-A-d, E-48-31-B-a, E-48-31-B-c, E-48-32-C-a, E-48-32-C-b, E-48-31-D	
khối Bắc Hải	DC	P. Nghi Thu	TX. Cửa Lò	18° 48' 29"	105° 42' 45"						E-48-32-A-d	
đường Bình Minh	KX	P. Nghi Thu	TX. Cửa Lò			18° 49' 10"	105° 42' 56"	18° 46' 13"	105° 45' 02"		E-48-32-A-d	
khối Cát Liêu	DC	P. Nghi Thu	TX. Cửa Lò	18° 47' 57"	105° 42' 39"						E-48-32-A-d	
khối Đại Thống	DC	P. Nghi Thu	TX. Cửa Lò	18° 48' 11"	105° 42' 06"						E-48-32-A-d	
khối Đông Hải	DC	P. Nghi Thu	TX. Cửa Lò	18° 47' 53"	105° 42' 17"						E-48-32-A-d	
khối Đông Khánh	DC	P. Nghi Thu	TX. Cửa Lò	18° 48' 49"	105° 42' 52"						E-48-32-A-d	
khối Đông Quyền	DC	P. Nghi Thu	TX. Cửa Lò	18° 48' 10"	105° 42' 11"						E-48-32-A-d	
khối Hiếu Hạp	DC	P. Nghi Thu	TX. Cửa Lò	18° 48' 09"	105° 42' 48"						E-48-32-A-d	
khối Hoà Đình	DC	P. Nghi Thu	TX. Cửa Lò	18° 47' 58"	105° 42' 12"						E-48-32-A-d	
khối Nam Phương	DC	P. Nghi Thu	TX. Cửa Lò	18° 48' 03"	105° 41' 55"						E-48-32-A-d	
khối Tây Khánh	DC	P. Nghi Thu	TX. Cửa Lò	18° 48' 50"	105° 42' 28"						E-48-32-A-d	
khối 1	DC	P. Nghi Thuỷ	TX. Cửa Lò	18° 49' 40"	105° 42' 37"						E-48-32-A-d	
khối 2	DC	P. Nghi Thuỷ	TX. Cửa Lò	18° 49' 34"	105° 42' 33"						E-48-32-A-d	
khối 3	DC	P. Nghi Thuỷ	TX. Cửa Lò	18° 49' 19"	105° 42' 44"						E-48-32-A-d	
khối 4	DC	P. Nghi Thuỷ	TX. Cửa Lò	18° 49' 30"	105° 42' 32"						E-48-32-A-d	
khối 5	DC	P. Nghi Thuỷ	TX. Cửa Lò	18° 49' 11"	105° 42' 27"						E-48-32-A-d	
khối 6	DC	P. Nghi Thuỷ	TX. Cửa Lò	18° 49' 26"	105° 42' 44"						E-48-32-A-d	
khối 7	DC	P. Nghi Thuỷ	TX. Cửa Lò	18° 49' 20"	105° 42' 50"						E-48-32-A-d	
khối 8	DC	P. Nghi Thuỷ	TX. Cửa Lò	18° 49' 07"	105° 42' 36"						E-48-32-A-d	
khối 9	DC	P. Nghi Thuỷ	TX. Cửa Lò	18° 49' 31"	105° 42' 39"						E-48-32-A-d	
khối 10	DC	P. Nghi Thuỷ	TX. Cửa Lò	18° 49' 14"	105° 42' 48"						E-48-32-A-d	
sông Cửa Lò	TV	P. Nghi Thuỷ	TX. Cửa Lò			18° 50' 52"	105° 38' 52"	18° 50' 00"	105° 42' 57"		E-48-32-A-d	
Cồn Khe	TV	P. Nghi Thuỷ	TX. Cửa Lò	18° 50' 40"	105° 45' 55"						E-48-32-B-c	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
núi Lan Châu	SV	P. Nghi Thủy	TX. Cửa Lò	18° 49' 16"	105° 43' 11"						E-48-32-A-d	
Cồn Lộng	TV	P. Nghi Thủy	TX. Cửa Lò	18° 49' 59"	105° 43' 29"						E-48-32-A-d	
đường Nguyễn Xý	KX	P. Nghi Thủy	TX. Cửa Lò			18° 49' 13"	105° 43' 03"	18° 50' 22"	105° 38' 59"		E-48-32-A-d	
khối 1	DC	P. Thu Thủy	TX. Cửa Lò	18° 48' 41"	105° 43' 02"						E-48-32-A-d	
khối 2	DC	P. Thu Thủy	TX. Cửa Lò	18° 48' 59"	105° 42' 49"						E-48-32-A-d	
khối 3	DC	P. Thu Thủy	TX. Cửa Lò	18° 49' 02"	105° 42' 49"						E-48-32-A-d	
khối 4	DC	P. Thu Thủy	TX. Cửa Lò	18° 48' 57"	105° 42' 44"						E-48-32-A-d	
khối 5	DC	P. Thu Thủy	TX. Cửa Lò	18° 48' 48"	105° 42' 39"						E-48-32-A-d	
khối 6	DC	P. Thu Thủy	TX. Cửa Lò	18° 48' 41"	105° 42' 36"			18° 49' 10"	105° 42' 56"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-A-d
đường Bình Minh	KX	P. Thu Thủy	TX. Cửa Lò	18° 49' 16"	105° 43' 11"							E-48-32-A-d
núi Lan Châu	SV	P. Thu Thủy	TX. Cửa Lò			18° 49' 13"	105° 43' 03"	18° 50' 22"	105° 38' 59"			E-48-32-A-d
đường Nam Cầm	KX	P. Thu Thủy	TX. Cửa Lò			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"			E-48-19-B-d
quốc lộ 15	KX	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà					19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-19-B-d
quốc lộ 48	KX	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà									E-48-19-B-d
khối Đồng Tâm 1	DC	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 19' 15"	105° 27' 13"							E-48-19-B-d
khối Đồng Tâm 2	DC	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 19' 23"	105° 26' 40"							E-48-19-B-d
khối Đồng Tiến	DC	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 19' 29"	105° 26' 18"							E-48-19-B-d
Cầu Hiếu	KX	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 19' 25"	105° 25' 25"			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
Sông Hiếu	TV	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà									E-48-19-B-d
khối Kim Tân	DC	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 19' 31"	105° 25' 43"							E-48-19-B-d
khối Liên Thắng	DC	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 19' 41"	105° 25' 37"							E-48-19-B-d
ga Nghĩa Đàn	KX	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 19' 21"	105° 26' 19"							E-48-19-B-d
khối Quyết Thắng	DC	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 19' 48"	105° 25' 41"							E-48-19-B-d
Hồ Sen	TV	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 19' 36"	105° 25' 52"							E-48-19-B-d
khối Tân Liên	DC	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 19' 44"	105° 25' 57"							E-48-19-B-d
khối Tân Phú	DC	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 19' 17"	105° 26' 17"							E-48-19-B-d
khối Tân Sơn	DC	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 19' 35"	105° 26' 03"							E-48-19-B-d
khối Tân Thắng	DC	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 20' 02"	105° 25' 48"							E-48-19-B-d
khối Tân Thành	DC	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 19' 22"	105° 26' 02"							E-48-19-B-d
khối Tân Tiến	DC	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 19' 19"	105° 25' 39"							E-48-19-B-d
Khe Tọ	TV	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà			19° 20' 20"	105° 26' 05"	19° 19' 56"	105° 25' 34"			E-48-19-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Núi Tọ	SV	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 20' 13"	105° 26' 12"					E-48-19-B-d
Núi Vẹt	SV	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 19' 35"	105° 27' 06"					E-48-19-B-d
khối 1	DC	P. Long Sơn	TX. Thái Hoà	19° 18' 47"	105° 26' 42"					E-48-19-B-d
khối 2	DC	P. Long Sơn	TX. Thái Hoà	19° 18' 32"	105° 26' 42"					E-48-19-B-d
khối 3	DC	P. Long Sơn	TX. Thái Hoà	19° 18' 59"	105° 26' 08"					E-48-19-B-d
khối 4	DC	P. Long Sơn	TX. Thái Hoà	19° 18' 58"	105° 25' 34"					E-48-19-B-d
khối 5	DC	P. Long Sơn	TX. Thái Hoà	19° 18' 51"	105° 25' 31"					E-48-19-B-d
khối 6	DC	P. Long Sơn	TX. Thái Hoà	19° 18' 43"	105° 25' 34"					E-48-19-B-d
khối 7	DC	P. Long Sơn	TX. Thái Hoà	19° 18' 13"	105° 26' 22"					E-48-19-B-d
khối 8	DC	P. Long Sơn	TX. Thái Hoà	19° 19' 05"	105° 26' 37"					E-48-19-B-d
khối 9	DC	P. Long Sơn	TX. Thái Hoà	19° 18' 57"	105° 26' 23"					E-48-19-B-d
quốc lộ 48	KX	P. Long Sơn	TX. Thái Hoà			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-19-B-d
Hòn Cái	SV	P. Long Sơn	TX. Thái Hoà	19° 18' 17"	105° 27' 02"					E-48-19-B-d
Núi Giồng	SV	P. Long Sơn	TX. Thái Hoà	19° 17' 54"	105° 26' 11"					E-48-19-B-d
Sông Hiếu	TV	P. Long Sơn	TX. Thái Hoà			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
hồ Khe Bưởi	TV	P. Long Sơn	TX. Thái Hoà	19° 18' 54"	105° 27' 07"					E-48-19-B-d
khối Tân Long	DC	P. Long Sơn	TX. Thái Hoà	19° 19' 08"	105° 25' 37"					E-48-19-B-d
quốc lộ 15	KX	P. Quang Phong	TX. Thái Hoà			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-19-B-d
khối Chế Biến Lâm Sản 1	DC	P. Quang Phong	TX. Thái Hoà	19° 20' 11"	105° 25' 25"					E-48-19-B-d
khối Chế Biến Lâm Sản 2	DC	P. Quang Phong	TX. Thái Hoà	19° 20' 19"	105° 25' 33"					E-48-19-B-d
khối Chế Biến Lâm Sản 3	DC	P. Quang Phong	TX. Thái Hoà	19° 20' 12"	105° 25' 37"					E-48-19-B-d
khối Cồn Vang	DC	P. Quang Phong	TX. Thái Hoà	19° 21' 13"	105° 24' 07"					E-48-19-B-d
Suối Dền	TV	P. Quang Phong	TX. Thái Hoà			19° 22' 56"	105° 24' 11"	19° 20' 19"	105° 25' 04"	E-48-19-B-d
Khối Đông	DC	P. Quang Phong	TX. Thái Hoà	19° 20' 55"	105° 24' 36"					E-48-19-B-d
Sông Hiếu	TV	P. Quang Phong	TX. Thái Hoà			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
núi Hòn Bàn	SV	P. Quang Phong	TX. Thái Hoà	19° 20' 39"	105° 25' 59"					E-48-19-B-d
Núi Lện	SV	P. Quang Phong	TX. Thái Hoà	19° 21' 32"	105° 25' 36"					E-48-19-B-d
khe Mè Mè	TV	P. Quang Phong	TX. Thái Hoà			19° 21' 03"	105° 24' 57"	19° 20' 17"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
khối Nam Cường	DC	P. Quang Phong	TX. Thái Hoà	19° 20' 50"	105° 25' 20"					E-48-19-B-d
khối Nghĩa Sơn	DC	P. Quang Phong	TX. Thái Hoà	19° 20' 41"	105° 24' 57"					E-48-19-B-d
đồ Phà Lờ	KX	P. Quang Phong	TX. Thái Hoà	19° 20' 15"	105° 25' 08"					E-48-19-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Khe Tọ	TV	P. Quang Phong	TX. Thái Hoà					19° 20' 20"	105° 26' 05"	19° 19' 56"	105° 25' 34"	E-48-19-B-d
quốc lộ 48	KX	P. Quang Tiến	TX. Thái Hoà					19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-19-B-d
khối 250	DC	P. Quang Tiến	TX. Thái Hoà	19° 19' 46"	105° 25' 03"							E-48-19-B-d
đường tỉnh 545	KX	P. Quang Tiến	TX. Thái Hoà					19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"	E-48-19-B-d
hồ Cao Trai	TV	P. Quang Tiến	TX. Thái Hoà	19° 19' 57"	105° 24' 02"							E-48-19-B-d
khối Dốc Cao	DC	P. Quang Tiến	TX. Thái Hoà	19° 19' 26"	105° 23' 55"							E-48-19-B-d
Cầu Hiếu	KX	P. Quang Tiến	TX. Thái Hoà	19° 19' 25"	105° 25' 25"							E-48-19-B-d
Sông Hiếu	TV	P. Quang Tiến	TX. Thái Hoà					19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
khối Lam Sơn	DC	P. Quang Tiến	TX. Thái Hoà	19° 19' 59"	105° 24' 54"							E-48-19-B-d
khối Lê Lợi	DC	P. Quang Tiến	TX. Thái Hoà	19° 20' 13"	105° 24' 03"							E-48-19-B-d
khối Liên Hương	DC	P. Quang Tiến	TX. Thái Hoà	19° 19' 52"	105° 24' 19"							E-48-19-B-d
Núi Nậy	SV	P. Quang Tiến	TX. Thái Hoà	19° 19' 24"	105° 23' 28"							E-48-19-B-d
đồ Phả Lờ	KX	P. Quang Tiến	TX. Thái Hoà	19° 20' 15"	105° 25' 08"							E-48-19-B-d
khối Quang Phú	DC	P. Quang Tiến	TX. Thái Hoà	19° 19' 34"	105° 25' 18"							E-48-19-B-d
khối Quang Thịnh	DC	P. Quang Tiến	TX. Thái Hoà	19° 19' 48"	105° 25' 17"							E-48-19-B-d
khối Quang Trung	DC	P. Quang Tiến	TX. Thái Hoà	19° 19' 40"	105° 24' 51"							E-48-19-B-d
khối Tây Hồ 1	DC	P. Quang Tiến	TX. Thái Hoà	19° 19' 22"	105° 25' 09"							E-48-19-B-d
khối Tây Hồ 2	DC	P. Quang Tiến	TX. Thái Hoà	19° 19' 26"	105° 24' 56"							E-48-19-B-d
khối Thi Nghiệm	DC	P. Quang Tiến	TX. Thái Hoà	19° 19' 28"	105° 24' 34"							E-48-19-B-d
khối Trung Nghĩa	DC	P. Quang Tiến	TX. Thái Hoà	19° 19' 03"	105° 24' 02"							E-48-19-B-d
quốc lộ 48	KX	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hoà					19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-19-B-d
Khe Cãi	TV	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hoà					19° 15' 34"	105° 29' 33"	19° 14' 29"	105° 27' 44"	E-48-19-B-d
xóm Đông Du 1	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 17' 13"	105° 29' 19"							E-48-19-B-d
xóm Đông Du 2	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 17' 50"	105° 29' 20"							E-48-19-B-d
xóm Đông Hà	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 16' 10"	105° 27' 43"							E-48-19-B-d
xóm Đông Hải	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 16' 50"	105° 28' 29"							E-48-19-B-d
xóm Đông Hồng	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 16' 43"	105° 28' 39"							E-48-19-B-d
xóm Đông Mỹ	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 17' 25"	105° 28' 21"							E-48-19-B-d
xóm Đông Phú	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 15' 25"	105° 29' 39"							E-48-19-B-d
xóm Đông Quang	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 16' 10"	105° 25' 48"							E-48-19-B-d
xóm Đông Sơn	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 15' 28"	105° 27' 42"							E-48-19-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Đông Thắng	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 15' 39"	105° 26' 48"							E-48-19-B-d
xóm Đông Thành	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 16' 39"	105° 27' 09"							E-48-19-B-d
xóm Đông Thịnh	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 16' 36"	105° 29' 01"							E-48-19-B-d
xóm Đông Tiến	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 15' 44"	105° 28' 34"							E-48-19-B-d
xóm Đông Xuân	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 17' 14"	105° 28' 40"							E-48-19-B-d
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hoà			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"			E-48-19-B-d
cầu Làng Mệ	KX	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 15' 43"	105° 29' 33"							E-48-19-B-d
Khe Sơn	TV	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hoà			19° 13' 37"	105° 31' 20"	19° 15' 34"	105° 29' 33"			E-48-19-B-d
xóm 1	DC	xã Nghĩa Hoà	TX. Thái Hoà	19° 17' 43"	105° 26' 06"							E-48-19-B-d
xóm 2	DC	xã Nghĩa Hoà	TX. Thái Hoà	19° 17' 24"	105° 26' 22"							E-48-19-B-d
xóm 3	DC	xã Nghĩa Hoà	TX. Thái Hoà	19° 16' 56"	105° 25' 52"							E-48-19-B-d
xóm 4	DC	xã Nghĩa Hoà	TX. Thái Hoà	19° 16' 16"	105° 25' 07"							E-48-19-B-d
xóm 5	DC	xã Nghĩa Hoà	TX. Thái Hoà	19° 17' 25"	105° 25' 19"							E-48-19-B-d
xóm Đông Hoà	DC	xã Nghĩa Hoà	TX. Thái Hoà	19° 17' 10"	105° 25' 44"							E-48-19-B-d
Núi Giang	SV	xã Nghĩa Hoà	TX. Thái Hoà	19° 16' 55"	105° 26' 30"							E-48-19-B-d
Núi Giồng	SV	xã Nghĩa Hoà	TX. Thái Hoà	19° 17' 54"	105° 26' 11"							E-48-19-B-d
Sông Hiếu	TV	xã Nghĩa Hoà	TX. Thái Hoà			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"			E-48-19-B-d
Hòn Hương	SV	xã Nghĩa Hoà	TX. Thái Hoà	19° 14' 49"	105° 25' 43"							E-48-19-D-b
Hòn Láo	SV	xã Nghĩa Hoà	TX. Thái Hoà	19° 17' 49"	105° 26' 49"							E-48-19-B-d
quốc lộ 48	KX	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"			E-48-19-B-d
xóm Bệnh Viện	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 18' 43"	105° 27' 15"							E-48-19-B-d
xóm Đông Hưng	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 18' 24"	105° 27' 17"							E-48-19-B-d
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"			E-48-19-B-d
hồ Khe Bưởi	TV	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 18' 54"	105° 27' 07"							E-48-19-B-d
hồ Khe Vĩnh	TV	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 18' 01"	105° 27' 14"							E-48-19-B-d
Hòn Láo	SV	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 17' 49"	105° 26' 49"							E-48-19-B-d
xóm Long Hạ	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 18' 03"	105° 27' 35"							E-48-19-B-d
xóm Long Thượng	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 17' 48"	105° 27' 41"							E-48-19-B-d
Núi Ngang	SV	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 17' 27"	105° 27' 03"							E-48-19-B-d
xóm Nghĩa Dũng	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 18' 35"	105° 27' 32"							E-48-19-B-d
xóm Nghĩa Thắng	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 18' 58"	105° 27' 47"							E-48-19-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
Núi Ôi	SV	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 17' 10"	105° 27' 24"					E-48-19-B-d
núi Ông Quí	SV	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 18' 43"	105° 29' 52"					E-48-19-B-d
xóm Thịnh Mỹ	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 17' 52"	105° 28' 10"					E-48-19-B-d
xóm Tiên Lộ	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 18' 51"	105° 28' 49"					E-48-19-B-d
xóm Tiên Phúc	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 18' 41"	105° 28' 33"					E-48-19-B-d
Hồ Trúm	TV	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 17' 53"	105° 27' 41"					E-48-19-B-d
xóm Trung Đình	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 17' 43"	105° 27' 52"					E-48-19-B-d
xóm Trung Mỹ	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 18' 26"	105° 28' 37"					E-48-19-B-d
xóm Xuân Thọ	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 18' 02"	105° 27' 59"					E-48-19-B-d
xóm Yên Mỹ	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 17' 55"	105° 28' 41"					E-48-19-B-d
xóm Yên Thọ	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 18' 00"	105° 27' 52"					E-48-19-B-d
xóm 1	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 15' 06"	105° 30' 36"					E-48-20-A-c
xóm 2	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 15' 22"	105° 30' 33"					E-48-20-A-c
xóm 3	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 16' 16"	105° 29' 57"					E-48-20-A-c
xóm 4	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 15' 28"	105° 30' 01"					E-48-19-B-d
xóm 5A	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 16' 05"	105° 30' 37"					E-48-20-A-c
xóm 5B	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 16' 00"	105° 29' 51"					E-48-19-B-d
xóm 6	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 16' 10"	105° 30' 07"					E-48-19-B-d
xóm 7A	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 15' 51"	105° 29' 23"					E-48-19-B-d
xóm 7B	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 16' 10"	105° 29' 32"					E-48-19-B-d
xóm 8	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 16' 18"	105° 29' 00"					E-48-19-B-d
xóm 9	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 16' 32"	105° 28' 08"					E-48-19-B-d
xóm 10	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 16' 23"	105° 29' 30"					E-48-19-B-d
xóm 11	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 17' 11"	105° 29' 37"					E-48-19-B-d
xóm 12	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 16' 49"	105° 30' 18"					E-48-20-A-c
xóm 13	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 17' 18"	105° 30' 17"					E-48-20-A-c
xóm 14	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 17' 59"	105° 30' 32"					E-48-20-A-c
xóm 15A	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 17' 12"	105° 31' 06"					E-48-20-A-c
xóm 15B	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 17' 45"	105° 30' 56"					E-48-20-A-c
xóm 16	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 16' 44"	105° 29' 38"					E-48-19-B-d
xóm 20	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 15' 07"	105° 30' 15"					E-48-19-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 21	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 16' 42"	105° 28' 19"							E-48-19-B-d
hồ 32	TV	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 16' 42"	105° 29' 49"							E-48-19-B-d
quốc lộ 48	KX	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"			E-48-19-B-d, E-48-20-A-c, E-48-20-C-a
núi Ba Động	SV	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 17' 22"	105° 29' 49"							E-48-19-B-d
Đập Bồng	TV	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 16' 34"	105° 30' 31"							E-48-20-A-c
núi Chóp Đỉnh	SV	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 15' 29"	105° 32' 01"							E-48-20-A-c
núi Cột Cờ	SV	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 18' 31"	105° 30' 41"							E-48-20-A-c
núi K7	SV	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 17' 32"	105° 31' 44"							E-48-20-A-c
đập Khe Dừa	TV	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 15' 57"	105° 30' 57"							E-48-20-A-c
đập Khe Lăng	TV	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 14' 50"	105° 31' 06"							E-48-20-C-a
hồ Khe Lau 1	TV	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 17' 37"	105° 29' 32"							E-48-19-B-d
hồ Khe Thung	TV	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 18' 00"	105° 30' 57"							E-48-20-A-c
cầu Làng Mệ	KX	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 15' 43"	105° 29' 33"							E-48-19-B-d
Núi Lọ	SV	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 18' 43"	105° 29' 52"							E-48-19-B-d
ga Nghĩa Thuận	KX	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 16' 16"	105° 29' 15"							E-48-19-B-d
Khe Sơn	TV	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà			19° 13' 37"	105° 31' 20"	19° 15' 34"	105° 29' 33"			E-48-19-B-d, E-48-20-A-c, E-48-20-C-a
xóm 1	DC	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hoà	19° 18' 27"	105° 25' 02"							E-48-19-B-d
xóm 2	DC	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hoà	19° 18' 15"	105° 25' 02"							E-48-19-B-d
xóm 3	DC	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hoà	19° 18' 04"	105° 25' 02"							E-48-19-B-d
xóm 4	DC	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hoà	19° 18' 10"	105° 22' 54"							E-48-19-B-d
xóm 5	DC	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hoà	19° 18' 33"	105° 23' 02"							E-48-19-B-d
xóm 6	DC	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hoà	19° 18' 57"	105° 23' 35"							E-48-19-B-d
xóm 7	DC	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hoà	19° 19' 08"	105° 23' 14"							E-48-19-B-d
xóm 8	DC	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hoà	19° 17' 52"	105° 22' 52"							E-48-19-B-d
xóm 9	DC	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hoà	19° 18' 44"	105° 25' 08"							E-48-19-B-d
xóm 10	DC	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hoà	19° 18' 54"	105° 24' 56"							E-48-19-B-d
quốc lộ 48	KX	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hoà			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"			E-48-19-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
đường tỉnh 545	KX	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hoà			19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"	E-48-19-B-d		
xóm An Ninh	DC	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hoà	19° 19' 15"	105° 24' 37"					E-48-19-B-d		
xóm Chế Biến 1	DC	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hoà	19° 18' 44"	105° 25' 08"					E-48-19-B-d		
xóm Chế Biến 2	DC	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hoà	19° 19' 00"	105° 24' 54"					E-48-19-B-d		
Núi Dân	SV	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hoà	19° 18' 44"	105° 23' 31"					E-48-19-B-d		
Núi Ân	SV	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hoà	19° 17' 24"	105° 24' 00"					E-48-19-B-d		
Sông Hiếu	TV	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hoà			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d		
Hồ Mỹ	TV	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hoà	19° 18' 44"	105° 24' 06"					E-48-19-B-d		
Núi Nậy	SV	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hoà	19° 19' 24"	105° 23' 28"					E-48-19-B-d		
đường tỉnh 531	KX	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-B-c		
đường tỉnh 545	KX	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà			19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"	E-48-19-B-d		
hồ 26/3	TV	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 16' 17"	105° 21' 09"					E-48-19-B-c		
xóm An Ninh	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 19' 15"	105° 24' 37"					E-48-19-B-d		
Núi Ân	SV	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 17' 24"	105° 24' 00"					E-48-19-B-d		
Hồ Gián	TV	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 16' 09"	105° 23' 29"					E-48-19-B-d		
Sông Hiếu	TV	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d		
xóm Hiếu Thành	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 18' 33"	105° 25' 11"					E-48-19-B-d		
xóm Hưng Bắc	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 19' 00"	105° 24' 54"					E-48-19-B-d		
xóm Hưng Công	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 15' 54"	105° 21' 14"					E-48-19-B-c		
xóm Hưng Lợi	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 17' 49"	105° 24' 24"					E-48-19-B-d		
xóm Hưng Nam	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 17' 23"	105° 24' 17"					E-48-19-B-d		
xóm Hưng Phú	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 18' 58"	105° 25' 01"					E-48-19-B-d		
xóm Hưng Tân	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 17' 44"	105° 24' 50"					E-48-19-B-d		
xóm Hưng Tây	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 18' 08"	105° 24' 19"					E-48-19-B-d		
xóm Hưng Thành	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 15' 19"	105° 21' 00"					E-48-19-B-c		
xóm Hưng Thịnh	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 17' 35"	105° 24' 26"					E-48-19-B-d		
xóm Hưng Xuân	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 17' 59"	105° 24' 28"					E-48-19-B-d		
xóm Hưng Xuân	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 17' 59"	105° 24' 28"					E-48-19-B-d		
xóm Nghĩa Hưng	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 18' 34"	105° 24' 18"					E-48-19-B-d		
xóm Phú An	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 17' 49"	105° 24' 45"					E-48-19-B-d		
xóm Phú Cường	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 16' 21"	105° 21' 15"					E-48-19-B-c		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
xóm Phú Mỹ	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 16' 22"	105° 23' 27"						E-48-19-B-d	
xóm Phú Tân	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 16' 32"	105° 24' 39"						E-48-19-B-d	
xóm Phú Thuận	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 16' 58"	105° 23' 14"						E-48-19-B-d	
hồ Thống Nhất	TV	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 16' 54"	105° 21' 44"						E-48-19-B-c	
xóm Thống Nhất	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 16' 25"	105° 22' 00"						E-48-19-B-c	
khối 1A	DC	TT. Anh Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 12"	105° 04' 29"						E-48-31-A	
khối 1B	DC	TT. Anh Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 07"	105° 04' 37"						E-48-31-A	
khối 2	DC	TT. Anh Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 03"	105° 04' 30"						E-48-31-A	
khối 3	DC	TT. Anh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 44"	105° 04' 47"						E-48-31-A	
khối 4A	DC	TT. Anh Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 05"	105° 04' 46"						E-48-31-A	
khối 4B	DC	TT. Anh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 55"	105° 05' 07"						E-48-31-A	
khối 5	DC	TT. Anh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 41"	105° 05' 04"						E-48-31-A	
khối 6A	DC	TT. Anh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 53"	105° 05' 28"						E-48-31-A	
khối 6B	DC	TT. Anh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 52"	105° 05' 42"						E-48-31-A	
khối 7	DC	TT. Anh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 20"	105° 05' 36"						E-48-31-A	
quốc lộ 7	KX	TT. Anh Sơn	H. Anh Sơn			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"		E-48-31-A	
Sông Lam	TV	TT. Anh Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"		E-48-31-A	
Khe Lê	TV	TT. Anh Sơn	H. Anh Sơn			18° 54' 33"	105° 05' 05"	18° 56' 12"	105° 05' 02"		E-48-31-A	
xóm 1	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 36"	105° 04' 26"						E-48-19-C	
xóm 2	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 02"	105° 04' 16"						E-48-19-C	
xóm 3	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 19"	105° 04' 03"						E-48-19-C	
xóm 4	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 01"	105° 03' 48"						E-48-19-C	
xóm 5	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 25"	105° 03' 45"						E-48-19-C	
xóm 6	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 25"	105° 03' 26"						E-48-19-C	
xóm 7	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 28"	105° 04' 06"						E-48-19-C	
xóm 8	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 31"	105° 03' 40"						E-48-19-C	
xóm 9	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 48"	105° 02' 52"						E-48-19-C	
xóm 10	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 42"	105° 02' 36"						E-48-19-C	
xóm 11	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 21"	105° 02' 32"						E-48-19-C	
xóm 12	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 03"	105° 02' 28"						E-48-19-C	
xóm 13	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 49"	105° 02' 01"						E-48-19-C	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 14	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 09"	105° 02' 02"					E-48-19-C
xóm 15	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 32"	105° 02' 05"					E-48-19-C
xóm 16	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 48"	105° 01' 26"					E-48-19-C
đồi 28	SV	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 55"	105° 00' 53"					E-48-19-C
núi Bù Thành	SV	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 46"	104° 59' 55"					E-48-19-C
Núi Con	SV	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 50"	105° 02' 04"					E-48-19-C
Sông Con	TV	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
Suối Loà	TV	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn			19° 06' 14"	105° 06' 00"	19° 03' 05"	105° 03' 02"	E-48-19-C
Suối Nhạp	TV	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn			19° 04' 37"	105° 00' 34"	19° 03' 51"	105° 01' 16"	E-48-19-C
Núi Thán	SV	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 30"	105° 03' 10"					E-48-19-C
Suối Tráng	TV	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn			19° 09' 28"	105° 03' 27"	19° 03' 41"	105° 01' 16"	E-48-19-C
quốc lộ 7	KX	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-18-D, E-48-30-B, E-48-30-D
thôn 1/5	DC	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	19° 00' 32"	104° 58' 38"					E-48-18-D
Núi Bạm	SV	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 57"	104° 59' 18"					E-48-18-D
thôn Cẩm Hoà	DC	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 26"	104° 59' 40"					E-48-18-D
thôn Cẩm Lợi	DC	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 59"	104° 58' 50"					E-48-30-B, E-48-30-D
thôn Cẩm Thắng	DC	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 02"	104° 58' 24"					E-48-18-D
đập Cây Chọi	TV	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	19° 00' 36"	104° 57' 58"					E-48-18-D
núi Cây Vang	SV	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 59"	105° 00' 56"					E-48-19-C
thôn Hạ Du	DC	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 14"	104° 58' 17"					E-48-18-D
thôn Hội Lâm	DC	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	19° 00' 42"	104° 58' 43"					E-48-18-D
thôn Kê May	DC	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 07"	104° 59' 17"					E-48-30-B, E-48-30-D
Sông Lam	TV	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-18-D, E-48-30-B, E-48-30-D
núi Mối Môn	SV	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 42"	105° 00' 24"					E-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Nhân Tài	DC	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 21"	104° 58' 28"							E-48-30-B, E-48-30-D
thôn Nhân Tiến	DC	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 10"	104° 58' 50"							E-48-30-B, E-48-30-D
thôn Tân Lâm	DC	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 15"	104° 58' 33"							E-48-18-D
thôn Tân Tiến	DC	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	19° 00' 21"	104° 58' 00"							E-48-18-D
Suối Tùm	TV	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn			18° 58' 41"	104° 58' 21"	18° 59' 56"	104° 59' 11"			E-48-30-B, E-48-30-D
thôn 1	DC	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 22"	105° 09' 14"							E-48-31-A
thôn 2	DC	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 22"	105° 09' 54"							E-48-31-A
thôn 3	DC	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 23"	105° 10' 27"							E-48-31-A
thôn 4	DC	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 53' 49"	105° 11' 31"							E-48-31-A
thôn 5	DC	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 52' 30"	105° 10' 35"							E-48-31-A
thôn 6	DC	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 52' 47"	105° 09' 49"							E-48-31-A
thôn 7	DC	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 35"	105° 11' 13"							E-48-31-A
thôn 8	DC	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 52"	105° 11' 34"							E-48-31-A
thôn 9	DC	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 20"	105° 12' 17"							E-48-31-A
thôn 10	DC	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 53' 52"	105° 08' 49"							E-48-31-A
đồi 81	SV	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 53' 48"	105° 11' 02"							E-48-31-A
đồi 103	SV	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 53' 09"	105° 09' 59"							E-48-31-A
đồi Cây Quế	SV	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 12"	105° 08' 23"							E-48-31-A
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"			E-48-31-A
Núi Sím	SV	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 35"	105° 09' 16"							E-48-31-A
thôn 1	DC	xã Đình Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 09"	104° 56' 01"							E-48-18-D
thôn 2	DC	xã Đình Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 35"	104° 56' 34"							E-48-18-D
thôn 3	DC	xã Đình Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 24"	104° 57' 12"							E-48-18-D
thôn 4	DC	xã Đình Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 26"	104° 57' 35"							E-48-18-D
thôn 5	DC	xã Đình Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 30"	104° 57' 56"							E-48-18-D
thôn 6	DC	xã Đình Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 18"	104° 57' 31"							E-48-18-D
quốc lộ 7	KX	xã Đình Sơn	H. Anh Sơn			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"			E-48-18-D
thôn 7	DC	xã Đình Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 28"	104° 58' 36"							E-48-18-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
thôn 8	DC	xã Đình Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 46"	104° 56' 11"						E-48-18-D	
thôn 8	DC	xã Đình Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 40"	104° 57' 19"						E-48-18-D	
thôn 323	DC	xã Đình Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 30"	104° 56' 14"						E-48-18-D	
thôn 3/2	DC	xã Đình Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 40"	104° 56' 19"						E-48-18-D	
thôn 19/5	DC	xã Đình Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 13"	104° 56' 55"						E-48-18-D	
thôn Cây Chanh	DC	xã Đình Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 16"	104° 57' 16"						E-48-18-D	
Sông Con	TV	xã Đình Sơn	H. Anh Sơn			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"		E-48-19-D-d, E-48-18-D	
thôn Hoà Tiến	DC	xã Đình Sơn	H. Anh Sơn	19° 00' 47"	104° 57' 11"						E-48-18-D	
Sông Lam	TV	xã Đình Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"		E-48-18-D	
núi Lèn Quán	SV	xã Đình Sơn	H. Anh Sơn	19° 00' 26"	104° 56' 04"						E-48-18-D	
Núi Vung	SV	xã Đình Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 19"	104° 57' 24"						E-48-31-A	
thôn 1	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 20"	105° 02' 59"						E-48-31-A	
thôn 2	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 12"	105° 03' 22"						E-48-31-A	
thôn 3	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 55"	105° 03' 17"						E-48-31-A	
thôn 4	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 49"	105° 03' 30"						E-48-31-A	
thôn 5	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 04"	105° 03' 46"						E-48-31-A	
thôn 6	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 50"	105° 03' 56"						E-48-31-A	
thôn 7	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 42"	105° 04' 06"						E-48-31-A	
thôn 8	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 23"	105° 03' 54"						E-48-31-A	
thôn 9	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 26"	105° 04' 31"						E-48-31-A	
thôn 10	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 37"	105° 04' 24"						E-48-31-A	
thôn 11	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 09"	105° 04' 18"						E-48-31-A	
thôn 12	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 27"	105° 04' 44"						E-48-31-A	
thôn 13	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 11"	105° 04' 50"						E-48-31-A	
thôn 14	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 24"	105° 04' 54"						E-48-31-A	
thôn 15	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 12"	105° 05' 18"						E-48-31-A	
thôn 16	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 57"	105° 05' 18"						E-48-31-A	
thôn 17	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 45"	105° 05' 47"						E-48-31-A	
hồ 32	TV	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 12"	105° 03' 46"						E-48-31-A	
núi Bù Cây Trung	SV	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 20"	105° 07' 19"						E-48-31-A	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
đập Chồ Xà	TV	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 42"	105° 04' 37"							E-48-31-A
núi Đa Bạc	SV	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 51"	105° 06' 55"							E-48-31-A
Suối Dài	TV	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn			18° 58' 57"	105° 06' 33"	18° 57' 46"	105° 05' 41"			E-48-31-A
núi Khe Táy	SV	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 56"	105° 06' 31"							E-48-31-A
Sông Lam	TV	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"			E-48-31-A
Khe Nậy	TV	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn			19° 00' 06"	105° 05' 10"	18° 59' 55"	105° 04' 14"			E-48-31-A
thôn Trung Tâm	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 15"	105° 04' 03"							E-48-31-A
thôn 1	DC	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 39"	105° 02' 51"							E-48-31-A
thôn 2	DC	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 14"	105° 02' 52"							E-48-31-A
thôn 3	DC	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 14"	105° 03' 23"							E-48-31-A
thôn 4	DC	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 38"	105° 02' 27"							E-48-31-A
thôn 5	DC	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 54"	105° 02' 11"							E-48-31-A
thôn 6	DC	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 24"	105° 01' 58"							E-48-31-A
quốc lộ 7	KX	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"			E-48-31-A
thôn 7	DC	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 19"	105° 02' 06"							E-48-31-A
thôn 8	DC	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 03"	105° 02' 16"							E-48-31-A
thôn 9	DC	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 00"	105° 02' 24"							E-48-31-A
thôn 10	DC	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 50"	105° 03' 23"							E-48-31-A
thôn 11	DC	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 06"	105° 02' 33"							E-48-31-A
thôn 12	DC	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 42"	105° 01' 52"							E-48-31-A
Khe Cạn	TV	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn			18° 55' 19"	105° 01' 04"	18° 56' 45"	105° 02' 48"			E-48-31-A
lên Kim Nhan	SV	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 30"	105° 03' 13"							E-48-31-A
Sông Lam	TV	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"			E-48-31-A
Suối Sừng	TV	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn			18° 56' 29"	105° 01' 00"	18° 56' 24"	105° 04' 24"			E-48-31-A
thôn 1	DC	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 29"	105° 03' 01"							E-48-31-A
thôn 2	DC	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 14"	105° 03' 23"							E-48-31-A
thôn 3	DC	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 28"	105° 03' 43"							E-48-31-A
thôn 4	DC	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 28"	105° 03' 57"							E-48-31-A
thôn 5	DC	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 35"	105° 04' 20"							E-48-31-A
thôn 6	DC	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 48"	105° 04' 18"							E-48-31-A
quốc lộ 7	KX	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"			E-48-31-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 7	DC	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 02"	105° 04' 13"					E-48-31-A
thôn 8	DC	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 10"	105° 04' 20"					E-48-31-A
thôn 9	DC	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 25"	105° 04' 08"					E-48-31-A
thôn 10	DC	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 28"	105° 02' 25"					E-48-31-A
Sông Giảng	TV	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn			18° 52' 29"	104° 50' 11"	18° 50' 07"	105° 16' 38"	E-48-31-A
Sông Lam	TV	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-A
Khe Sừng	TV	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn			18° 56' 29"	105° 01' 00"	18° 56' 24"	105° 04' 24"	E-48-31-A
núi Trèo Vòng	SV	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 41"	105° 01' 10"					E-48-31-A
đập Vĩnh Kim	TV	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 07"	105° 03' 01"					E-48-31-A
thôn 1	DC	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn	19° 00' 21"	104° 59' 43"					E-48-18-D
thôn 2	DC	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 53"	104° 59' 41"					E-48-30-B, E-48-30-D
thôn 3	DC	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 52"	105° 00' 08"					E-48-18-D
thôn 4	DC	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 41"	105° 00' 03"					E-48-31-A
thôn 5	DC	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn	19° 00' 02"	105° 00' 14"					E-48-19-C
thôn 6	DC	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 56"	105° 00' 35"					E-48-31-A
thôn 7	DC	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn	19° 00' 06"	105° 01' 00"					E-48-19-C
thôn 8	DC	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn	19° 00' 02"	105° 01' 14"					E-48-31-A
thôn 9	DC	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn	19° 00' 04"	105° 01' 33"					E-48-19-C
núi Cây Vang	SV	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 59"	105° 00' 56"					E-48-19-C
Núi Con	SV	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 50"	105° 02' 04"					E-48-19-C
Sông Lam	TV	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-18-D, E-48-30-B, E-48-30-D, E-48-31-A
núi Làng Điền	SV	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 23"	105° 02' 16"					E-48-19-C
Núi Thán	SV	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 30"	105° 03' 10"					E-48-19-C
thôn 1	DC	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 59"	105° 08' 33"					E-48-31-A
thôn 2	DC	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 09"	105° 08' 48"					E-48-31-A
thôn 3	DC	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 26"	105° 08' 43"					E-48-31-A
thôn 4	DC	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 28"	105° 09' 08"					E-48-31-A
thôn 5	DC	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 06"	105° 09' 07"					E-48-31-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 6	DC	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 18"	105° 09' 24"							E-48-31-A
quốc lộ 7	KX	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn									E-48-31-A
thôn 7	DC	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 08"	105° 09' 42"			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-31-A
thôn 8	DC	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 03"	105° 10' 12"							E-48-31-A
thôn 9	DC	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 15"	105° 08' 35"							E-48-31-A
đập Chò Quan	TV	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 18"	105° 08' 59"							E-48-31-A
Núi Chuông	SV	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 14"	105° 08' 16"							E-48-31-A
núi Đa Dương	SV	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 28"	105° 09' 11"							E-48-31-A
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn					19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-31-A
Sông Lam	TV	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn					19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-A
cầu Trí Lễ	KX	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 57"	105° 09' 27"							E-48-31-A
Núi Trướng	SV	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 32"	105° 09' 46"							E-48-31-A
thôn 1	DC	xã Lạng Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 23"	105° 09' 31"							E-48-31-A
thôn 2	DC	xã Lạng Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 58"	105° 10' 05"							E-48-31-A
thôn 3	DC	xã Lạng Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 49"	105° 10' 32"							E-48-31-A
thôn 4	DC	xã Lạng Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 57"	105° 11' 36"							E-48-31-A
thôn 5	DC	xã Lạng Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 47"	105° 11' 07"							E-48-31-A
thôn 6	DC	xã Lạng Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 39"	105° 11' 33"							E-48-31-A
thôn 7	DC	xã Lạng Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 55"	105° 12' 13"							E-48-31-A
thôn 8	DC	xã Lạng Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 48"	105° 12' 28"							E-48-31-A
thôn 9	DC	xã Lạng Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 30"	105° 12' 24"							E-48-31-A
hồ Đồng Quan	TV	xã Lạng Sơn	H. Anh Sơn	105° 11' 30"	18° 57' 22"							E-48-31-A
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Lạng Sơn	H. Anh Sơn					19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-31-A
Sông Lam	TV	xã Lạng Sơn	H. Anh Sơn					19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-A
cầu Trí Lễ	KX	xã Lạng Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 57"	105° 09' 27"							E-48-31-A
thôn 1	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 52"	105° 11' 25"							E-48-31-A
thôn 2	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 14"	105° 11' 59"							E-48-31-A
thôn 3	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 23"	105° 12' 34"							E-48-31-A
thôn 4	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 39"	105° 12' 59"							E-48-31-A
thôn 5	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 43"	105° 13' 14"							E-48-31-A
thôn 6	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 40"	105° 13' 22"							E-48-31-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
quốc lộ 7	KX	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-31-A		
thôn 7	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 39"	105° 13' 31"					E-48-31-A		
thôn 8	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 28"	105° 13' 55"					E-48-31-A		
thôn 9	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 10"	105° 14' 04"					E-48-31-A		
thôn 10	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 52"	105° 13' 28"					E-48-31-A		
thôn 11	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 25"	105° 13' 57"					E-48-31-A		
thôn 12	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 15"	105° 14' 00"					E-48-31-A		
thôn 13	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 26"	105° 14' 35"					E-48-31-A		
thôn 14	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 41"	105° 14' 39"					E-48-31-A		
núi Đồng Cao	SV	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 48"	105° 12' 42"					E-48-31-A		
Sông Lam	TV	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-A		
thôn 1	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 58"	105° 06' 49"					E-48-31-A		
thôn 2	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 45"	105° 07' 00"					E-48-31-A		
thôn 3	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 40"	105° 07' 11"					E-48-31-A		
thôn 4	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 10"	105° 06' 55"					E-48-31-A		
thôn 5	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 10"	105° 07' 03"					E-48-31-A		
thôn 6	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 43"	105° 07' 05"					E-48-31-A		
quốc lộ 7	KX	xã Long Sơn	H. Anh Sơn			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-31-A		
thôn 7	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 59"	105° 07' 20"					E-48-31-A		
thôn 8	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 02"	105° 07' 43"					E-48-31-A		
thôn 9	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 39"	105° 07' 52"					E-48-31-A		
thôn 10	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 48"	105° 07' 47"					E-48-31-A		
thôn 11	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 50"	105° 08' 16"					E-48-31-A		
thôn 12	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 53' 00"	105° 08' 11"					E-48-31-A		
thôn 13	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 12"	105° 08' 02"					E-48-31-A		
thôn 14	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 37"	105° 06' 35"					E-48-31-A		
thôn 15	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 23"	105° 07' 16"					E-48-31-A		
hồ Ba Cười	TV	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 18"	105° 06' 58"					E-48-31-A		
đồi Bàu Dung	SV	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 53' 42"	105° 07' 36"					E-48-31-A		
núi Cồn Sen	SV	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 07"	105° 06' 23"					E-48-31-A		
Sông Lam	TV	xã Long Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-A		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 1	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 49"	105° 05' 54"					E-48-31-A
thôn 3	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 44"	105° 06' 03"					E-48-31-A
thôn 4	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 50"	105° 06' 19"					E-48-31-A
thôn 5	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 05"	105° 06' 30"					E-48-31-A
thôn 6	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 07"	105° 06' 19"					E-48-31-A
quốc lộ 7	KX	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-31-A
thôn 7	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 12"	105° 06' 16"					E-48-31-A
thôn 8	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 03"	105° 06' 07"					E-48-31-A
thôn 9	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 33"	105° 06' 12"					E-48-31-A
thôn 10	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 06"	105° 05' 50"					E-48-31-A
thôn 11	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 11"	105° 05' 45"					E-48-31-A
thôn 12	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 23"	105° 05' 59"					E-48-31-A
thôn 13	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 34"	105° 05' 54"					E-48-31-A
thôn 14	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 53' 34"	105° 04' 56"					E-48-31-A
thôn 15	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 54"	105° 05' 12"					E-48-31-A
thôn 16	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 56"	105° 05' 32"					E-48-31-A
thôn Bãi Đá	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 53' 18"	105° 04' 15"					E-48-31-A
thôn Bãi Lim	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 53' 44"	105° 02' 46"					E-48-31-A
hồ Cao Cang	TV	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 01"	105° 05' 07"					E-48-31-A
bản Cao Vầu 1	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 51' 01"	105° 00' 33"					E-48-31-A
thôn Cao Vầu 2	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 51' 27"	105° 00' 39"					E-48-31-A
bản Cao Vầu 3	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 51' 20"	105° 01' 39"					E-48-31-A
bản Cao Vầu 4	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 51' 00"	105° 02' 03"					E-48-31-A
thôn Cồn Đèn	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 20"	105° 05' 36"					E-48-31-A
núi Cồn Sen	SV	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 07"	105° 06' 23"					E-48-31-A
Sông Giảng	TV	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn			18° 52' 29"	104° 50' 11"	18° 50' 07"	105° 16' 38"	E-48-31-A
Nông trường Chè Kim Long	KX	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 53' 55"	105° 06' 02"					E-48-31-A
lên Kim Nhan	SV	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 30"	105° 03' 13"					E-48-31-A
thôn Kim Tiến	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 00"	105° 05' 33"					E-48-31-A
Sông Lam	TV	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)			
Khe Lê	TV	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn			18° 54' 33"	105° 05' 05"	18° 56' 12"	105° 05' 02"	E-48-31-A		
Đập Môn	TV	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 36"	105° 04' 17"					E-48-31-A		
thôn Trà Lân	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 08"	105° 04' 28"					E-48-31-A		
dãy Trường Sơn	SV	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	16° 28' 51"	106° 54' 56"					E-48-30-B, E-48-30-D		
Suối Vèo	TV	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn			18° 50' 25"	104° 57' 50"	18° 50' 37"	105° 00' 03"	E-48-30-B, E-48-30-D		
suối Vực Bù	TV	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn			18° 52' 00"	105° 03' 48"	18° 51' 33"	105° 02' 35"	E-48-31-A		
Suối Yên	TV	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn			18° 51' 17"	104° 55' 17"	18° 54' 28"	104° 59' 19"	E-48-30-B, E-48-30-D		
thôn 1	DC	xã Tam Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 59"	104° 54' 13"					E-48-18-D		
thôn 2	DC	xã Tam Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 56"	104° 54' 35"					E-48-18-D		
thôn 3	DC	xã Tam Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 48"	104° 55' 28"					E-48-18-D		
thôn 4	DC	xã Tam Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 44"	104° 55' 56"					E-48-18-D		
thôn 5	DC	xã Tam Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 32"	104° 56' 08"					E-48-18-D		
thôn 6	DC	xã Tam Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 30"	104° 56' 22"					E-48-18-D		
thôn 7	DC	xã Tam Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 31"	104° 56' 33"					E-48-18-D		
thôn 8	DC	xã Tam Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 41"	104° 56' 52"					E-48-18-D		
thôn 9	DC	xã Tam Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 32"	104° 56' 56"					E-48-18-D		
Sông Lam	TV	xã Tam Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-18-D		
thôn 1	DC	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 52"	105° 12' 56"					E-48-31-A		
thôn 2	DC	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 17"	105° 14' 18"					E-48-31-A		
thôn 3	DC	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 11"	105° 14' 00"					E-48-31-A		
thôn 4	DC	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 17"	105° 13' 09"					E-48-31-A		
thôn 5	DC	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 24"	105° 13' 54"					E-48-31-A		
thôn 6	DC	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 19"	105° 12' 58"					E-48-31-A		
thôn 7	DC	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 24"	105° 13' 46"					E-48-31-A		
thôn 8	DC	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 25"	105° 13' 39"					E-48-31-A		
thôn 9	DC	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 30"	105° 13' 30"					E-48-31-A		
thôn 10	DC	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 16"	105° 14' 01"					E-48-31-A		
thôn 11	DC	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 19"	105° 13' 46"					E-48-31-A		
thôn 12	DC	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 50"	105° 13' 36"					E-48-31-A		
núi Cồn Đới	SV	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 59"	105° 12' 04"					E-48-31-A		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Núi Hội	SV	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 33"	105° 14' 35"							E-48-31-A
hồ Khe Chung	TV	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 31"	105° 13' 10"							E-48-31-A
Sông Lam	TV	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"			E-48-31-A
núi Tào Diên	SV	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 12"	105° 11' 50"							E-48-31-A
thôn 1	DC	xã Thạch Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 40"	105° 05' 38"							E-48-31-A
thôn 2	DC	xã Thạch Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 24"	105° 05' 37"							E-48-31-A
thôn 3	DC	xã Thạch Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 26"	105° 05' 23"							E-48-31-A
thôn 4	DC	xã Thạch Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 32"	105° 05' 13"							E-48-31-A
thôn 5	DC	xã Thạch Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 44"	105° 05' 20"							E-48-31-A
thôn 6	DC	xã Thạch Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 54"	105° 05' 31"							E-48-31-A
thôn 7	DC	xã Thạch Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 44"	105° 05' 07"							E-48-31-A
Sông Lam	TV	xã Thạch Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"			E-48-31-A
Khe Lê	TV	xã Thạch Sơn	H. Anh Sơn			18° 54' 33"	105° 05' 05"	18° 56' 12"	105° 05' 02"			E-48-31-A
xóm 1	DC	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 19"	105° 00' 36"							E-48-19-C
xóm 2	DC	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 19"	105° 00' 36"							E-48-19-C
xóm 3	DC	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 27"	104° 59' 12"							E-48-18-D
xóm 4	DC	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 28"	104° 59' 37"							E-48-19-C
xóm 5	DC	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 54"	104° 59' 02"							E-48-18-D
xóm 6	DC	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 45"	104° 59' 40"							E-48-19-C
xóm 7	DC	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 13"	104° 59' 06"							E-48-19-C
xóm 8	DC	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 37"	104° 59' 19"							E-48-18-D
đồi 2B	SV	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 55"	105° 00' 53"							E-48-19-C
núi Bù Thành	SV	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 46"	104° 59' 55"							E-48-19-C
Sông Con	TV	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"			E-48-19-D-d, E-48-18-D
Suối Nhạp	TV	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn			19° 04' 37"	105° 00' 34"	19° 03' 51"	105° 01' 16"			E-48-19-C
Suối Trắng	TV	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn			19° 09' 28"	105° 03' 27"	19° 03' 41"	105° 01' 16"			E-48-19-C
Suối Xan	TV	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn			19° 04' 47"	104° 56' 12"	19° 03' 14"	104° 59' 31"			E-48-18-D
xóm 1	DC	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 07' 18"	105° 02' 22"							E-48-19-C
xóm 2	DC	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 06' 26"	105° 02' 04"							E-48-19-C
xóm 3	DC	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 05' 58"	105° 02' 11"							E-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 4	DC	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 05' 43"	105° 02' 15"						E-48-19-C	
xóm 5	DC	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 05' 26"	105° 02' 06"						E-48-19-C	
xóm 6	DC	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 05' 14"	105° 02' 14"						E-48-19-C	
xóm 7	DC	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 05' 14"	105° 02' 33"						E-48-19-C	
xóm 8	DC	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 04' 35"	105° 02' 33"						E-48-19-C	
xóm 9	DC	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 05' 06"	105° 01' 57"						E-48-19-C	
xóm 10	DC	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 04' 46"	105° 01' 19"						E-48-19-C	
xóm 11	DC	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 05' 03"	105° 00' 31"						E-48-19-C	
núi Bù Chấn	SV	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 07' 28"	105° 01' 20"						E-48-19-C	
núi Con Gà	SV	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 06' 06"	105° 01' 05"						E-48-19-C	
núi Hang Trâu	SV	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 07' 56"	105° 03' 06"						E-48-19-C	
núi Pa Lò	SV	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 05' 51"	105° 02' 43"						E-48-19-C	
Suối Trắng	TV	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn			19° 09' 28"	105° 03' 27"	19° 03' 41"	105° 01' 16"		E-48-19-C	
thôn 1	DC	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 37"	105° 00' 06"						E-48-31-A	
thôn 2	DC	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 51"	105° 00' 24"						E-48-31-A	
thôn 3	DC	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 32"	105° 00' 55"						E-48-31-A	
thôn 4	DC	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 46"	105° 01' 09"						E-48-31-A	
thôn 5	DC	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 23"	105° 01' 01"						E-48-31-A	
thôn 6	DC	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 10"	105° 01' 22"						E-48-31-A	
quốc lộ 7	KX	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"		E-48-30-B, E-48-30-D, E-48-31-A	
thôn 7	DC	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 28"	105° 02' 14"						E-48-31-A	
thôn 8	DC	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 54"	105° 01' 54"						E-48-31-A	
thôn 9	DC	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 57"	105° 01' 45"						E-48-31-A	
thôn 10	DC	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 05"	105° 01' 38"						E-48-31-A	
thôn 11	DC	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 13"	105° 01' 32"						E-48-31-A	
thôn 12	DC	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 26"	105° 01' 21"						E-48-31-A	
bản Giã Hóp	DC	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 24"	104° 59' 56"						E-48-30-B, E-48-30-D	
Sông Lam	TV	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"		E-48-31-A	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
bản Ô Ô	DC	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 03"	104° 59' 04"							E-48-31-A
suối Q Ô	TV	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn			18° 57' 12"	104° 59' 38"	18° 56' 02"	105° 00' 16"			E-48-30-B, E-48-30-D
Suối Sừng	TV	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn				105° 01' 00"	18° 56' 24"	105° 04' 24"			E-48-31-A
thôn 1	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 03"	105° 07' 15"							E-48-31-A
thôn 2	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 12"	105° 07' 00"							E-48-31-A
thôn 3	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 20"	105° 06' 39"							E-48-31-A
thôn 4	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 17"	105° 07' 21"							E-48-31-A
thôn 5	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 33"	105° 07' 42"							E-48-31-A
thôn 6	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 47"	105° 07' 31"							E-48-31-A
thôn 7	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 16"	105° 07' 52"							E-48-31-A
thôn 8	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 09"	105° 08' 23"							E-48-31-A
thôn 9	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 17"	105° 08' 38"							E-48-31-A
núi 150	SV	xã Vĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 02"	105° 08' 24"							E-48-31-A
núi Châm Phù	SV	xã Vĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 20"	105° 07' 19"							E-48-31-A
núi Đá Bàn	SV	xã Vĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 35"	105° 07' 48"							E-48-31-A
Sông Lam	TV	xã Vĩnh Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"			E-48-31-A
khối 1	DC	TT. Con Cường	H. Con Cường	19° 02' 53"	104° 52' 58"							E-48-18-D
khối 2	DC	TT. Con Cường	H. Con Cường	19° 03' 05"	104° 53' 08"							E-48-18-D
khối 3	DC	TT. Con Cường	H. Con Cường	19° 03' 10"	104° 52' 50"							E-48-18-D
khối 4	DC	TT. Con Cường	H. Con Cường	19° 03' 12"	104° 52' 15"							E-48-18-D
khối 5	DC	TT. Con Cường	H. Con Cường	19° 03' 05"	104° 52' 38"							E-48-18-D
khối 6	DC	TT. Con Cường	H. Con Cường	19° 03' 07"	104° 52' 31"							E-48-18-D
khối 7	DC	TT. Con Cường	H. Con Cường	19° 03' 01"	104° 52' 33"							E-48-18-D
quốc lộ 7	KX	TT. Con Cường	H. Con Cường			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"			E-48-18-D
khối 8	DC	TT. Con Cường	H. Con Cường	19° 03' 03"	104° 52' 25"							E-48-18-D
khối 9	DC	TT. Con Cường	H. Con Cường	19° 02' 46"	104° 53' 05"							E-48-18-D
Sông Lam	TV	TT. Con Cường	H. Con Cường			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"			E-48-18-D
quốc lộ 48C	KX	xã Bình Chuẩn	H. Con Cường			19° 08' 56"	104° 41' 13"	19° 21' 39"	105° 16' 45"			E-48-18-D
núi Can Nạp	SV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cường	19° 12' 33"	104° 59' 06"							E-48-18-D
núi Cha Hàng	SV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cường	19° 11' 14"	104° 56' 50"							E-48-18-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
khe Cha Lan	TV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông			19° 16' 46"	104° 57' 06"	19° 13' 55"	104° 54' 31"	E-48-18-D		
Khe Chọi	TV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông			19° 11' 22"	104° 57' 15"	19° 11' 32"	104° 51' 14"	E-48-18-D		
Khe Chon	TV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông			19° 13' 55"	104° 54' 31"	19° 14' 42"	104° 40' 03"	E-48-18-D		
Nằm Cỏ	TV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông			19° 18' 36"	104° 58' 30"	19° 17' 44"	104° 57' 28"	E-48-18-B		
Núi Cồng	SV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 11' 16"	104° 55' 53"					E-48-18-D		
Núi Cúm	SV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 14' 36"	104° 59' 29"					E-48-18-D		
Khe Củng	TV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông			19° 11' 32"	104° 51' 04"	19° 07' 42"	104° 47' 25"	E-48-18-D		
Bản Đình	DC	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 14' 06"	104° 54' 37"					E-48-18-D		
khe Khỏ Khê	TV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông			19° 21' 00"	104° 58' 57"	19° 18' 36"	104° 58' 30"	E-48-18-B		
Bản Mết	DC	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 14' 07"	104° 54' 14"					E-48-18-D		
Khe Mết	TV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông			19° 18' 27"	104° 55' 00"	19° 13' 55"	104° 54' 31"	E-48-18-D, E-48-18-B		
Núi Muồng	SV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 12' 34"	104° 51' 32"					E-48-18-D		
bản Nà Cọ	DC	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 14' 17"	104° 55' 29"					E-48-18-D		
Khe Nậy	TV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông			19° 17' 44"	104° 57' 28"	19° 17' 44"	104° 57' 28"	E-48-18-B		
bản Piềng Tồng	DC	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 14' 12"	104° 53' 32"					E-48-18-D		
núi Pù Chè	SV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 13' 33"	104° 57' 39"					E-48-18-D		
núi Pù Cườm	SV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 14' 15"	104° 58' 53"					E-48-18-D		
bản Pù Lăn	DC	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 14' 32"	104° 56' 04"					E-48-18-D		
Bản Quăn	DC	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 13' 49"	104° 52' 41"					E-48-18-D		
Khe Quăn	TV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông			19° 14' 32"	104° 57' 31"	19° 14' 56"	104° 56' 56"	E-48-18-D		
Bản Quệ	DC	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 12' 18"	104° 52' 00"					E-48-18-D		
Núi Quệ	SV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 13' 11"	104° 56' 43"					E-48-18-D		
Bản Tồng	DC	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 14' 08"	104° 53' 33"					E-48-18-D		
bản Trung Poọng	DC	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 14' 06"	104° 55' 34"					E-48-18-D		
Bản Xiềng	DC	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 14' 09"	104° 55' 05"					E-48-18-D		
quốc lộ 7	KX	xã Bồng Khê	H. Con Cuông			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-18-D		
thôn 2/9	DC	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 02' 14"	104° 55' 13"					E-48-18-D		
núi Ba Hoàng	SV	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 04' 05"	104° 53' 58"					E-48-18-D		
núi Cây kéo	SV	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 03' 41"	104° 54' 23"					E-48-18-D		
núi Cua Giao	SV	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 01' 53"	104° 52' 28"					E-48-18-D		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
Khe Diêm	TV	xã Bồng Khê	H. Con Cuông			19° 01' 04"	104° 53' 20"	19° 02' 28"	104° 55' 31"	E-48-18-D		
thôn Khe Rạn	DC	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 03' 17"	104° 53' 12"					E-48-18-D		
Sông Lam	TV	xã Bồng Khê	H. Con Cuông			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-18-D		
thôn Lam Bồng	DC	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 02' 36"	104° 53' 50"					E-48-18-D		
thôn Lam Trà	DC	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 02' 38"	104° 53' 04"					E-48-18-D		
thôn Liên Tân	DC	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 02' 37"	104° 53' 21"					E-48-18-D		
khe Ông Thọ	TV	xã Bồng Khê	H. Con Cuông				19° 02' 21"	104° 53' 07"	19° 02' 42"	E-48-18-D		
thôn Tân Dân	DC	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 02' 37"	104° 53' 35"					E-48-18-D		
thôn Tân Hoà	DC	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 04' 10"	104° 51' 23"					E-48-18-D		
thôn Tân Lập	DC	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 02' 46"	104° 52' 07"					E-48-18-D		
thôn Tân Trà	DC	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 02' 45"	104° 52' 49"					E-48-18-D		
thôn Thanh Đào	DC	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 03' 49"	104° 52' 01"					E-48-18-D		
thôn Thành Nam	DC	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 03' 42"	104° 52' 34"					E-48-18-D		
thôn Vĩnh Hoàn	DC	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 02' 18"	104° 54' 49"					E-48-18-D		
bản Bạch Sơn	DC	xã Cam Lâm	H. Con Cuông	19° 09' 50"	104° 47' 03"					E-48-18-D		
suối Bạch Sơn	TV	xã Cam Lâm	H. Con Cuông			19° 10' 44"	104° 46' 28"	19° 09' 19"	104° 46' 43"	E-48-18-D		
Bản Cai	DC	xã Cam Lâm	H. Con Cuông	19° 08' 50"	104° 48' 21"					E-48-18-D		
Bản Cam	DC	xã Cam Lâm	H. Con Cuông	19° 10' 21"	104° 48' 27"					E-48-18-D		
núi Cẩn Hin	SV	xã Cam Lâm	H. Con Cuông	19° 10' 29"	104° 50' 20"					E-48-18-D		
Bản Cống	DC	xã Cam Lâm	H. Con Cuông	19° 07' 54"	104° 47' 37"					E-48-18-D		
Suối Củng	TV	xã Cam Lâm	H. Con Cuông			19° 11' 32"	104° 51' 04"	19° 07' 42"	104° 47' 25"	E-48-18-D		
núi Kha Côn	SV	xã Cam Lâm	H. Con Cuông	19° 12' 28"	104° 47' 43"					E-48-18-D		
Sông Lam	TV	xã Cam Lâm	H. Con Cuông			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-18-D		
bản Liên Hồng	DC	xã Cam Lâm	H. Con Cuông	19° 06' 32"	104° 47' 30"					E-48-18-D		
Khe Nguồn	TV	xã Cam Lâm	H. Con Cuông			19° 09' 53"	104° 46' 11"	19° 09' 19"	104° 46' 43"	E-48-18-D		
núi Ô O	SV	xã Cam Lâm	H. Con Cuông	19° 11' 31"	104° 46' 30"					E-48-18-D		
núi Pha Pun	SV	xã Cam Lâm	H. Con Cuông	19° 12' 25"	104° 48' 44"					E-48-18-D		
Khe Phên	TV	xã Cam Lâm	H. Con Cuông			19° 10' 10"	104° 58' 31"	19° 05' 54"	104° 47' 48"	E-48-18-D		
đồi Phòng Không	SV	xã Cam Lâm	H. Con Cuông	19° 06' 29"	104° 49' 00"					E-48-18-D		
núi Pù Coac	SV	xã Cam Lâm	H. Con Cuông	19° 08' 44"	104° 47' 03"					E-48-18-D		
Khe Quạ	TV	xã Cam Lâm	H. Con Cuông			19° 07' 07"	104° 48' 32"	19° 06' 47"	104° 48' 30"	E-48-18-D		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
quốc lộ 7	KX	xã Châu Khê	H. Con Cuông			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-18-D
thôn 2/9	DC	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 07' 52"	104° 46' 34"					E-48-18-D
bản Bái Gạo	DC	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 07' 32"	104° 47' 22"					E-48-18-D
Bản Búng	DC	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 06' 06"	104° 46' 19"					E-48-18-D
Núi Can	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 01' 59"	104° 46' 11"					E-48-18-D
Suối Chai	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			19° 38' 29"	105° 05' 16"	19° 38' 24"	105° 01' 11"	E-48-7-C
Suối Chang	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			18° 57' 31"	104° 40' 31"	18° 58' 40"	104° 42' 48"	E-48-30-A
Núi Chát	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	18° 54' 32"	104° 38' 18"					E-48-30-A
bản Châu Định	DC	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 05' 52"	104° 47' 41"					E-48-18-D
bản Châu Sơn	DC	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 06' 24"	104° 46' 56"					E-48-18-D
Dốc Chò	KX	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 06' 48"	104° 45' 50"					E-48-18-D
Suối Choang	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			19° 04' 58"	104° 45' 06"	19° 06' 26"	104° 47' 21"	E-48-18-D
Suối Chồang	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			18° 58' 40"	104° 42' 48"	19° 02' 35"	104° 43' 40"	E-48-18-C
núi Đen Đin	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	18° 56' 31"	104° 33' 18"					E-48-30-A
Bản Diễm	DC	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 05' 00"	104° 45' 11"					E-48-18-D
suối Đồn Cản	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			18° 57' 03"	104° 32' 55"	18° 59' 39"	104° 35' 49"	E-48-30-A
núi Đồn Cản	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	18° 58' 56"	104° 33' 29"					E-48-30-A
Núi Hiêng	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 06' 58"	104° 46' 55"					E-48-18-D
Núi Hoi	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 06' 30"	104° 45' 54"					E-48-18-D
núi Huổi Ngao	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	18° 53' 46"	104° 38' 08"					E-48-30-A
bản Khe Bu	DC	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 02' 31"	104° 43' 48"					E-48-18-C
thôn Khe Chồang	DC	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 06' 39"	104° 46' 58"					E-48-18-D
cầu Khe Lội	KX	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 05' 31"	104° 47' 37"					E-48-18-D
bản Khe Nà	DC	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 02' 45"	104° 44' 00"					E-48-18-C
Sông Lam	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-18-D
Suối Mạt	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			18° 59' 45"	104° 39' 34"	19° 00' 42"	104° 38' 57"	E-48-18-C
Suối Mọc	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			18° 54' 21"	104° 45' 53"	18° 57' 46"	104° 41' 33"	E-48-30-A
Suối Na	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			18° 57' 02"	104° 34' 39"	18° 56' 28"	104° 37' 45"	E-48-30-A
suối Nam Pu	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			19° 00' 42"	104° 38' 57"	19° 02' 35"	104° 43' 40"	E-48-18-C
Suối Ngao	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			18° 51' 53"	104° 39' 20"	18° 57' 38"	104° 40' 25"	E-48-30-A
Núi Nhông	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	18° 57' 41"	104° 37' 00"					E-48-30-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu			Toạ độ điểm cuối			
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Suối Nóng	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			18° 58' 43"	104° 47' 32"	18° 59' 57"	104° 45' 23"	E-48-30-B, E-48-30-D		
Suối Noong	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			18° 59' 57"	104° 45' 23"	19° 01' 07"	104° 44' 13"	E-48-18-D		
Khe Pát	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			18° 57' 22"	104° 45' 02"	18° 58' 40"	104° 42' 48"	E-48-30-A		
núi Pha Phá	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 05' 45"	104° 47' 02"					E-48-18-D		
núi Phu Nồng	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	18° 57' 44"	104° 45' 54"					E-48-30-A		
Suối Phương	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông				18° 56' 25"	18° 57' 38"	104° 40' 26"	E-48-30-A		
Nậm Pu	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông				18° 59' 20"	19° 00' 42"	104° 38' 57"	E-48-30-A		
Suối Pu	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông				18° 57' 56"	18° 57' 31"	104° 40' 31"	E-48-30-A		
dãy Trường Sơn	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	16° 28' 51"	106° 54' 56"					E-48-30-A		
núi Xam Hoi	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	18° 57' 04"	104° 34' 28"					E-48-30-A		
núi Xam Nga	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 02' 27"	104° 39' 59"					E-48-18-C		
núi Xanh Liềm	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 01' 37"	104° 33' 47"					E-48-18-C		
Bản Xát	DC	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 05' 28"	104° 45' 43"					E-48-18-D		
quốc lộ 7	KX	xã Chi Khê	H. Con Cuông			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-18-D		
thôn Bải Ổi	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 04' 28"	104° 50' 13"					E-48-18-D		
thôn Bải Ván	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 04' 29"	104° 49' 40"					E-48-18-D		
Núi Can	SV	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 01' 59"	104° 46' 11"					E-48-18-D		
núi Cây Chanh	SV	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 06' 18"	104° 50' 15"					E-48-18-D		
Khe Chải	TV	xã Chi Khê	H. Con Cuông			19° 02' 52"	104° 47' 41"	19° 04' 06"	104° 49' 49"	E-48-18-D		
thôn Chấn Nán	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 04' 55"	104° 48' 40"					E-48-18-D		
Núi Đuôn	SV	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 06' 31"	104° 49' 18"					E-48-18-D		
cầu Khe Lợi	KX	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 05' 31"	104° 47' 37"					E-48-18-D		
xóm Khe Lợi	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 03' 21"	104° 50' 53"					E-48-18-D		
xóm Khe Rùn	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 03' 50"	104° 50' 50"					E-48-18-D		
thôn Khe Tát	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 03' 31"	104° 51' 08"					E-48-18-D		
Sông Lam	TV	xã Chi Khê	H. Con Cuông			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-18-D		
thôn Lam Khê	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 04' 59"	104° 49' 17"					E-48-18-D		
thôn Liên Đình	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 03' 11"	104° 49' 36"					E-48-18-D		
Đồi Mè	SV	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 04' 31"	104° 51' 01"					E-48-18-D		
thôn Nam Đình	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 03' 04"	104° 49' 39"					E-48-18-D		
xóm Pải Cầm	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 05' 17"	104° 47' 58"					E-48-18-D		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
núi Pha Phá	SV	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 05' 45"	104° 47' 02"						E-48-18-D	
đồi Phòng Không	SV	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 06' 29"	104° 49' 00"						E-48-18-D	
thôn Quyết Tiến	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 04' 05"	104° 50' 46"						E-48-18-D	
thôn Sơn Khê	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 02' 50"	104° 49' 19"						E-48-18-D	
Suối Tai	TV	xã Chi Khê	H. Con Cuông			19° 02' 57"	104° 46' 55"	19° 04' 59"	104° 48' 47"		E-48-18-D	
xóm Trung Cong	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 02' 31"	104° 50' 42"						E-48-18-D	
thôn Thủy Khê	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 03' 51"	104° 50' 24"						E-48-18-D	
thôn Tiến Thành	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 03' 49"	104° 51' 30"						E-48-18-D	
thôn Tổng Chai	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 03' 38"	104° 49' 23"						E-48-18-D	
thôn Trung Đình	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 03' 10"	104° 49' 31"						E-48-18-D	
núi Bù Lư	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 10' 25"	104° 52' 03"						E-48-18-D	
núi Cấn Hìn	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 10' 29"	104° 50' 20"						E-48-18-D	
núi Cây Chanh	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 06' 18"	104° 50' 15"						E-48-18-D	
núi Cha Hàng	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 11' 14"	104° 56' 50"						E-48-18-D	
núi Chà Hia	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 08' 51"	104° 52' 40"						E-48-18-D	
khe Chũ Hụ	TV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông			19° 05' 54"	104° 49' 39"	19° 06' 53"	104° 49' 11"		E-48-18-D	
khe Co Chanh	TV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông			19° 06' 10"	104° 50' 39"	19° 06' 37"	104° 50' 28"		E-48-18-D	
bản Hồng Điện	DC	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 08' 25"	104° 52' 09"						E-48-18-D	
bản Hồng Thắng	DC	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 08' 08"	104° 51' 46"						E-48-18-D	
thôn Hợp Thành	DC	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 05' 59"	104° 52' 20"						E-48-18-D	
Khe Phên	TV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông			19° 10' 10"	104° 58' 31"	19° 05' 54"	104° 47' 48"		E-48-18-D	
đồi Phòng Không	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 06' 29"	104° 49' 00"						E-48-18-D	
Bản Phục	DC	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 06' 50"	104° 51' 20"						E-48-18-D	
núi Pù Cà	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 08' 18"	104° 48' 35"						E-48-18-D	
núi Pù Cỏ	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 08' 34"	104° 49' 36"						E-48-18-D	
núi Pù Công	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 11' 16"	104° 55' 53"						E-48-18-D	
núi Pù Đuôn	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 06' 31"	104° 49' 18"						E-48-18-D	
núi Pù Hòm	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 09' 18"	104° 51' 31"						E-48-18-D	
núi Pù Làn	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 09' 01"	104° 54' 29"						E-48-18-D	
núi Pù Loòng	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 07' 44"	104° 49' 54"						E-48-18-D	
núi Pù Tàn	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 11' 08"	104° 53' 22"						E-48-18-D	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
bản Tổng Tiến	DC	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 06' 55"	104° 49' 35"							E-48-18-D
bản Tổng Tờ	DC	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 06' 58"	104° 49' 13"							E-48-18-D
núi Xán Cang	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 12' 08"	104° 59' 07"							E-48-18-D
Bản Xiềng	DC	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 07' 14"	104° 51' 45"							E-48-18-D
quốc lộ 7	KX	xã Lạng Khê	H. Con Cuông			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"			E-48-18-C, E-48-18-D
Bản Boong	DC	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 07' 37"	104° 45' 31"							E-48-18-D
Dốc Chồ	KX	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 06' 48"	104° 45' 50"							E-48-18-D
bản Chôm Lôm	DC	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 08' 35"	104° 44' 38"							E-48-18-C
khe Chôm Lôm	TV	xã Lạng Khê	H. Con Cuông			19° 11' 57"	104° 46' 06"	19° 08' 29"	104° 44' 52"			E-48-18-C, E-48-18-D
Khe Đá	TV	xã Lạng Khê	H. Con Cuông			19° 06' 57"	104° 34' 49"	19° 05' 35"	104° 38' 26"			E-48-18-C
suối Đồng Đàm	TV	xã Lạng Khê	H. Con Cuông			19° 11' 49"	104° 45' 19"	19° 08' 09"	104° 43' 35"			E-48-18-C, E-48-18-D
bản Đồng Tiến	DC	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 08' 20"	104° 43' 06"							E-48-18-C
bản Huồi Mác	DC	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 07' 58"	104° 44' 19"							E-48-18-C
bản Khe Thơi	DC	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 08' 01"	104° 44' 37"							E-48-18-C
Khe Khố	TV	xã Lạng Khê	H. Con Cuông			19° 02' 28"	104° 38' 45"	19° 05' 42"	104° 41' 29"			E-48-18-C
núi Kim Gia	SV	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 10' 01"	104° 43' 04"							E-48-18-C
Sông Lam	TV	xã Lạng Khê	H. Con Cuông			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"			E-48-18-C, E-48-18-D
núi Mu Nấu	SV	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 06' 32"	104° 41' 48"							E-48-18-C
Núi Nhoong	SV	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 05' 23"	104° 42' 40"							E-48-18-C
núi Ô Ó	SV	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 11' 31"	104° 46' 30"							E-48-18-D
núi Pa Cu	SV	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 09' 31"	104° 43' 47"							E-48-18-C
bản Piềng Khử	DC	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 08' 08"	104° 44' 40"							E-48-18-C
bản Piềng Pục	DC	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 07' 06"	104° 44' 03"							E-48-18-C
núi Pù Coạc	SV	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 08' 44"	104° 47' 03"							E-48-18-D
núi Xam Nga	SV	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 02' 27"	104° 39' 59"							E-48-18-C
núi Xo Le	SV	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 11' 22"	104° 43' 22"							E-48-18-C
bản Yên Hoà	DC	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 07' 22"	104° 45' 53"							E-48-18-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Bù Ông	SV	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 59' 34"	104° 54' 41"					E-48-30-B, E-48-30-D
Khe Cá	TV	xã Lục Dạ	H. Con Cuông			18° 55' 50"	104° 50' 07"	18° 58' 33"	104° 53' 09"	E-48-30-B, E-48-30-D
Lâm trường Con Cuông	KX	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 56' 30"	104° 48' 44"					E-48-30-B, E-48-30-D
bản Hồng Sơn	DC	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 58' 27"	104° 54' 47"					E-48-30-B, E-48-30-D
bản Hua Nà	DC	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 58' 35"	104° 55' 26"					E-48-30-B, E-48-30-D
bản Kim Đa	DC	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 58' 40"	104° 54' 30"					E-48-30-B, E-48-30-D
bản Liên Sơn	DC	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 58' 50"	104° 54' 29"					E-48-30-B, E-48-30-D
bản Lục Sơn	DC	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 57' 55"	104° 52' 44"					E-48-30-B, E-48-30-D
Bản Mết	DC	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 57' 40"	104° 54' 59"					E-48-30-B, E-48-30-D
Bản Mọi	DC	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 58' 29"	104° 51' 28"					E-48-30-B, E-48-30-D
Khe Mọi	TV	xã Lục Dạ	H. Con Cuông			18° 56' 58"	104° 46' 21"	18° 57' 41"	104° 48' 57"	E-48-30-B, E-48-30-D
Suối Mọi	TV	xã Lục Dạ	H. Con Cuông			19° 12' 06"	104° 41' 12"	19° 12' 17"	104° 39' 58"	E-48-18-C
núi Phu Luông	SV	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 55' 48"	104° 50' 04"					E-48-30-B, E-48-30-D
núi Phu Nông	SV	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 57' 44"	104° 45' 54"					E-48-30-A
Suối Sú	TV	xã Lục Dạ	H. Con Cuông			18° 55' 37"	104° 52' 23"	18° 58' 04"	104° 54' 01"	E-48-30-B, E-48-30-D
Kênh Tả	TV	xã Lục Dạ	H. Con Cuông			18° 58' 38"	104° 53' 25"	18° 58' 15"	104° 54' 46"	E-48-30-B, E-48-30-D
bản Tân Hợp	DC	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 57' 48"	104° 54' 39"					E-48-30-B, E-48-30-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
bản Trung Thành	DC	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 58' 44"	104° 54' 02"						E-48-30-B, E-48-30-D	
Bản Xăng	DC	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 58' 52"	104° 52' 35"						E-48-30-B, E-48-30-D	
Suối Xộc	TV	xã Lục Dạ	H. Con Cuông			18° 59' 25"	104° 48' 31"	18° 58' 49"	104° 50' 04"		E-48-30-B, E-48-30-D	
bản Yên Hoà	DC	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 57' 46"	104° 53' 45"						E-48-30-B, E-48-30-D	
bản Yên Thành	DC	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 58' 44"	104° 53' 35"						E-48-30-B, E-48-30-D	
Suối Bồi	TV	xã Mậu Đức	H. Con Cuông			19° 07' 40"	104° 57' 05"	19° 04' 47"	104° 56' 13"		E-48-18-D	
Khe Cang	TV	xã Mậu Đức	H. Con Cuông			19° 08' 48"	104° 54' 32"	19° 07' 14"	104° 54' 19"		E-48-18-D	
Khe Chan	TV	xã Mậu Đức	H. Con Cuông			19° 04' 47"	104° 56' 12"	19° 03' 14"	104° 59' 31"		E-48-18-D	
bản Chờm Bồi	DC	xã Mậu Đức	H. Con Cuông	19° 06' 10"	104° 53' 22"						E-48-18-D	
bản Chờm Muống	DC	xã Mậu Đức	H. Con Cuông	19° 06' 43"	104° 53' 29"						E-48-18-D	
Suối Chuông Luống	TV	xã Mậu Đức	H. Con Cuông			19° 06' 37"	104° 55' 19"	19° 04' 47"	104° 56' 12"		E-48-18-D	
núi Đồng Mẻ	SV	xã Mậu Đức	H. Con Cuông	19° 03' 55"	104° 55' 41"						E-48-18-D	
bản Kẻ Mẻ	DC	xã Mậu Đức	H. Con Cuông	19° 04' 41"	104° 56' 31"						E-48-18-D	
bản Kẻ Nóc	DC	xã Mậu Đức	H. Con Cuông	19° 05' 28"	104° 53' 47"						E-48-18-D	
bản Kẻ Sùng	DC	xã Mậu Đức	H. Con Cuông	19° 04' 55"	104° 55' 01"						E-48-18-D	
bản Kẻ Trắng	DC	xã Mậu Đức	H. Con Cuông	19° 04' 54"	104° 55' 33"						E-48-18-D	
Khe Khướng	TV	xã Mậu Đức	H. Con Cuông			19° 09' 02"	104° 54' 37"	19° 07' 46"	104° 56' 08"		E-48-18-D	
Núi Làn	SV	xã Mậu Đức	H. Con Cuông	19° 09' 01"	104° 54' 29"						E-48-18-D	
bản Nà Đười	DC	xã Mậu Đức	H. Con Cuông	19° 05' 32"	104° 53' 49"						E-48-18-D	
núi Pù Ôm	SV	xã Mậu Đức	H. Con Cuông	19° 07' 20"	104° 57' 04"						E-48-18-D	
Suối Sán	TV	xã Mậu Đức	H. Con Cuông			19° 06' 31"	104° 55' 07"	19° 05' 16"	104° 54' 14"		E-48-18-D	
thôn Thông Nhất	DC	xã Mậu Đức	H. Con Cuông	19° 05' 47"	104° 53' 11"						E-48-18-D	
bản Bắc Sơn	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 56' 48"	104° 57' 38"						E-48-30-B, E-48-30-D	
Khe Bè	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 50' 51"	104° 40' 08"	18° 53' 20"	104° 45' 22"		E-48-30-A	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)			
Suối Bè	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 49' 47"	104° 43' 04"	18° 52' 00"	104° 46' 58"	E-48-30-B, E-48-30-D		
Khe Bòn	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 54' 58"	104° 56' 21"	18° 55' 52"	104° 57' 38"	E-48-30-B, E-48-30-D		
Khe Búng	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 47' 21"	104° 54' 09"	18° 52' 29"	104° 50' 11"	E-48-30-B, E-48-30-D		
Suối Ca	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 47' 10"	104° 48' 14"	18° 51' 33"	104° 49' 47"	E-48-30-B, E-48-30-D		
Suối Cang	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 50' 20"	104° 55' 51"	18° 52' 59"	104° 52' 27"	E-48-30-B, E-48-30-D		
bản Cò Phạt	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 53' 07"	104° 52' 25"					E-48-30-B, E-48-30-D		
Khe Còng	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 50' 28"	104° 48' 12"	18° 52' 07"	104° 48' 29"	E-48-30-B, E-48-30-D		
Suối Còng	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 47' 34"	104° 47' 20"	18° 50' 28"	104° 48' 12"	E-48-30-B, E-48-30-D		
bản Cửa Rào	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 56' 53"	104° 57' 12"					E-48-30-B, E-48-30-D		
Sông Giảng	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 52' 29"	104° 50' 11"	18° 50' 07"	105° 16' 38"	E-48-30-B, E-48-30-D		
Suối Khăng	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 54' 05"	104° 42' 56"	18° 52' 29"	104° 50' 11"	E-48-30-B, E-48-30-D		
bản Khe Búng	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 52' 24"	104° 50' 13"					E-48-30-B, E-48-30-D		
bản Khe Ló	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 57' 14"	104° 55' 23"					E-48-30-B, E-48-30-D		
bản Làng Càng	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 57' 10"	104° 55' 49"					E-48-30-B, E-48-30-D		
bản Làng Yên	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 54' 24"	104° 59' 19"					E-48-30-B, E-48-30-D		
Khe Màng	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 55' 22"	104° 49' 34"	18° 53' 01"	104° 51' 28"	E-48-30-B, E-48-30-D		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
Khe Mọi	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 55' 00"	104° 46' 29"	18° 56' 41"	104° 57' 06"	E-48-30-B, E-48-30-D		
bản Nam Sơn	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 56' 06"	104° 57' 11"					E-48-30-B, E-48-30-D		
Khe Nghen	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 48' 10"	104° 44' 15"	18° 51' 49"	104° 48' 03"	E-48-30-B, E-48-30-D		
núi Pù Loóng	SV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 55' 48"	104° 50' 04"					E-48-30-B, E-48-30-D		
bản Tân Hoà	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 55' 05"	104° 58' 28"					E-48-30-B, E-48-30-D		
bản Tân Sơn	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 57' 12"	104° 56' 59"					E-48-30-B, E-48-30-D		
bản Thái Hoà	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 55' 23"	104° 58' 01"					E-48-30-B, E-48-30-D		
bản Thái Sơn 1	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 56' 34"	104° 56' 40"					E-48-30-B, E-48-30-D		
bản Thái Sơn 2	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 56' 48"	104° 56' 49"					E-48-30-B, E-48-30-D		
Bản Xiềng	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 56' 54"	104° 55' 55"					E-48-30-B, E-48-30-D		
dãy Trường Sơn	SV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	16° 28' 51"	106° 54' 56"					30-B+ĐE-48-30-A		
Suối Yên	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 50' 38"	104° 56' 15"	18° 54' 28"	104° 59' 19"	E-48-30-B, E-48-30-D		
bản Bá Hạ	DC	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 10' 48"	105° 01' 00"					E-48-19-C		
núi Bù Chấn	SV	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 05' 48"	104° 59' 06"					E-48-19-C		
Khe Chan	TV	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông			19° 04' 47"	104° 56' 12"	19° 03' 14"	104° 59' 31"	E-48-18-D		
núi Cheo Heo	SV	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 09' 30"	105° 01' 36"					E-48-19-C		
Suối Đông	TV	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông			19° 08' 44"	105° 01' 26"	19° 03' 50"	104° 58' 38"	E-48-18-D		
bản Đông Tâm	DC	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 03' 51"	104° 58' 56"					E-48-18-D		
bản Đông Thắng	DC	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 04' 08"	104° 58' 52"					E-48-18-D		
Suối Gia	TV	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông			19° 11' 18"	104° 59' 07"	19° 03' 27"	104° 58' 38"	E-48-18-D		
bản Ké Đa	DC	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 06' 49"	104° 58' 50"					E-48-18-D		
bản Ké Tát	DC	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 08' 41"	104° 59' 40"					E-48-18-D		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
bản Kê Trai	DC	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 04' 25"	104° 57' 27"						E-48-18-D	
bản Kê Tre	DC	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 05' 56"	104° 57' 14"						E-48-18-D	
bản Khe Đóng	DC	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 04' 51"	104° 59' 24"						E-48-18-D	
Khe Mũi	TV	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông			19° 06' 40"	104° 56' 13"	19° 05' 29"	104° 58' 03"		E-48-18-D	
núi Pù Ôm	SV	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 07' 20"	104° 57' 04"						E-48-18-D	
bản Thạch Sơn	DC	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 08' 03"	104° 59' 17"						E-48-18-D	
bản Thạch Tiến	DC	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 04' 43"	104° 59' 42"						E-48-18-D	
bản Thanh Bình	DC	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 04' 15"	104° 58' 04"						E-48-18-D	
bản Tổng Xan	DC	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 04' 34"	104° 58' 29"						E-48-18-D	
xóm Xám Mới	DC	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 04' 03"	104° 57' 26"						E-48-18-D	
núi Xán Cang	SV	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 12' 08"	104° 59' 07"	19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"		E-48-18-D	
quốc lộ 7	KX	xã Yên Khê	H. Con Cuông								E-48-18-D	
thôn Bản Nưa	DC	xã Yên Khê	H. Con Cuông	19° 00' 58"	104° 53' 01"						E-48-18-D	
thôn Bản Pha	DC	xã Yên Khê	H. Con Cuông	19° 01' 58"	104° 53' 54"						E-48-18-D	
thôn Bản Tờ	DC	xã Yên Khê	H. Con Cuông	19° 01' 04"	104° 53' 09"						E-48-18-D	
thôn Bản Trung Chính	DC	xã Yên Khê	H. Con Cuông	18° 59' 50"	104° 49' 58"						E-48-30-B, E-48-30-D	
thôn Bản Trung Hương	DC	xã Yên Khê	H. Con Cuông	19° 00' 29"	104° 50' 23"						E-48-18-D	
núi Bù Càn	SV	xã Yên Khê	H. Con Cuông	19° 00' 15"	104° 51' 24"						E-48-18-D	
Khe Cù	TV	xã Yên Khê	H. Con Cuông			18° 59' 50"	104° 50' 04"	19° 00' 40"	104° 51' 00"		30-D	
Khe Diêm	TV	xã Yên Khê	H. Con Cuông								E-48-18-D	
Suối Khai	TV	xã Yên Khê	H. Con Cuông								E-48-18-D	
thôn Khe Tín	DC	xã Yên Khê	H. Con Cuông	19° 01' 03"	104° 51' 08"						E-48-31-A	
khe Nà An	TV	xã Yên Khê	H. Con Cuông								E-48-18-D	
núi Nà Mườì	SV	xã Yên Khê	H. Con Cuông	19° 00' 40"	104° 53' 49"						E-48-18-D	
núi Pha Tấu	SV	xã Yên Khê	H. Con Cuông	19° 00' 46"	104° 52' 22"						E-48-18-D	
núi Quan Hựu	SV	xã Yên Khê	H. Con Cuông	19° 00' 26"	104° 56' 04"						E-48-18-D	
bản Tân Hương	DC	xã Yên Khê	H. Con Cuông	19° 00' 49"	104° 53' 08"						E-48-18-D	
thôn Trung Thành	DC	xã Yên Khê	H. Con Cuông	19° 00' 53"	104° 50' 47"						E-48-18-D	
thôn Trung Yên	DC	xã Yên Khê	H. Con Cuông	19° 01' 16"	104° 51' 24"						E-48-18-D	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu			Toạ độ điểm cuối			
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Tung Tán	SV	xã Yên Khê	H. Con Cuông	19° 00' 03"	104° 52' 54"							E-48-18-D
Suối Xộc	TV	xã Yên Khê	H. Con Cuông			18° 59' 25"	104° 48' 31"	18° 58' 49"	104° 50' 04"			E-48-30-B, E-48-30-D
quốc lộ 1	KX	TT. Diễn Châu	H. Diễn Châu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"			E-48-32-A-a
khối 1	DC	TT. Diễn Châu	H. Diễn Châu	18° 59' 24"	105° 35' 56"							E-48-32-A-a
khối 2	DC	TT. Diễn Châu	H. Diễn Châu	18° 59' 15"	105° 35' 55"							E-48-32-A-a
khối 3	DC	TT. Diễn Châu	H. Diễn Châu	18° 58' 58"	105° 35' 54"							E-48-32-A-a
khối 4	DC	TT. Diễn Châu	H. Diễn Châu	18° 58' 41"	105° 36' 00"							E-48-32-A-a
khối 5	DC	TT. Diễn Châu	H. Diễn Châu	18° 58' 26"	105° 36' 03"							E-48-32-A-a
khối 6	DC	TT. Diễn Châu	H. Diễn Châu	18° 58' 15"	105° 35' 52"							E-48-32-A-a
quốc lộ 7	KX	TT. Diễn Châu	H. Diễn Châu			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"			E-48-32-A-a
Sông Bùng	TV	TT. Diễn Châu	H. Diễn Châu			18° 57' 10"	105° 28' 49"	19° 00' 18"	105° 35' 24"			E-48-32-A-a
cầu Diễn Thành	KX	TT. Diễn Châu	H. Diễn Châu	18° 59' 27"	105° 35' 46"							E-48-32-A-a
quốc lộ 1	KX	xã Diễn An	H. Diễn Châu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"			E-48-32-A-a
xóm 1	DC	xã Diễn An	H. Diễn Châu	18° 55' 47"	105° 35' 44"							E-48-32-A-a
xóm 2	DC	xã Diễn An	H. Diễn Châu	18° 55' 13"	105° 35' 56"							E-48-32-A-a
xóm 3	DC	xã Diễn An	H. Diễn Châu	18° 55' 25"	105° 35' 52"							E-48-32-A-a
xóm 4	DC	xã Diễn An	H. Diễn Châu	18° 55' 09"	105° 36' 08"							E-48-32-A-a
xóm 5	DC	xã Diễn An	H. Diễn Châu	18° 55' 00"	105° 36' 14"							E-48-32-A-a
xóm 9	DC	xã Diễn An	H. Diễn Châu	18° 55' 08"	105° 36' 19"							E-48-32-A-a
xóm 12	DC	xã Diễn An	H. Diễn Châu	18° 53' 58"	105° 36' 03"							E-48-32-A-a
xóm 13	DC	xã Diễn An	H. Diễn Châu	18° 53' 34"	105° 36' 01"							E-48-32-A-a
xóm 14	DC	xã Diễn An	H. Diễn Châu	18° 55' 17"	105° 36' 23"							E-48-32-A-a
đền An Dương Vương	KX	xã Diễn An	H. Diễn Châu	18° 54' 20"	105° 36' 11"							E-48-32-A-a
Rú Lịn	SV	xã Diễn An	H. Diễn Châu	18° 53' 46"	105° 36' 16"			18° 50' 52"	105° 38' 50"	18° 58' 35"	105° 34' 23"	E-48-32-A-a
kênh Nhà Lê	TV	xã Diễn An	H. Diễn Châu									E-48-32-A-a
xóm Bắc Chiến Thắng	DC	xã Diễn Bích	H. Diễn Châu	19° 00' 48"	105° 36' 23"							E-48-20-C-c
xóm Chiến Thắng	DC	xã Diễn Bích	H. Diễn Châu	19° 00' 50"	105° 36' 18"							E-48-20-C-c
xóm Hải Bắc	DC	xã Diễn Bích	H. Diễn Châu	19° 00' 53"	105° 35' 56"							E-48-20-C-c
xóm Hải Đông	DC	xã Diễn Bích	H. Diễn Châu	19° 00' 36"	105° 36' 10"							E-48-20-C-c
xóm Hải Nam	DC	xã Diễn Bích	H. Diễn Châu	19° 00' 30"	105° 36' 09"							E-48-20-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
xóm Hải Trung	DC	xã Diên Bích	H. Diên Châu	19° 00' 38"	105° 35' 58"						E-48-20-C-c	
sông Lạch Vạn	TV	xã Diên Bích	H. Diên Châu			19° 01' 43"	105° 36' 04"	18° 59' 00"	105° 36' 48"		E-48-20-C-c	
xóm Quyết Thắng	DC	xã Diên Bích	H. Diên Châu	19° 00' 35"	105° 36' 18"						E-48-20-C-c	
xóm Quyết Thành	DC	xã Diên Bích	H. Diên Châu	19° 00' 43"	105° 36' 12"						E-48-20-C-c	
xóm 1	DC	xã Diên Bình	H. Diên Châu	18° 57' 39"	105° 32' 24"						E-48-32-A-a	
xóm 2	DC	xã Diên Bình	H. Diên Châu	18° 57' 49"	105° 32' 28"						E-48-32-A-a	
xóm 3	DC	xã Diên Bình	H. Diên Châu	18° 57' 59"	105° 32' 38"						E-48-32-A-a	
xóm 4	DC	xã Diên Bình	H. Diên Châu	18° 58' 11"	105° 32' 32"						E-48-32-A-a	
xóm 5	DC	xã Diên Bình	H. Diên Châu	18° 58' 02"	105° 32' 19"						E-48-32-A-a	
xóm 6	DC	xã Diên Bình	H. Diên Châu	18° 58' 05"	105° 32' 10"						E-48-32-A-a	
quốc lộ 7	KX	xã Diên Bình	H. Diên Châu			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"		E-48-32-A-a	
xóm 7	DC	xã Diên Bình	H. Diên Châu	18° 58' 04"	105° 32' 02"						E-48-32-A-a	
Sông Bùng	TV	xã Diên Bình	H. Diên Châu			18° 57' 10"	105° 28' 49"	19° 00' 18"	105° 35' 24"		E-48-32-A-a	
núi Lèn Hai Vai	SV	xã Diên Bình	H. Diên Châu	18° 57' 36"	105° 31' 50"						E-48-32-A-a	
xóm 1	DC	xã Diên Cát	H. Diên Châu	18° 57' 45"	105° 33' 55"						E-48-32-A-a	
xóm 3	DC	xã Diên Cát	H. Diên Châu	18° 57' 43"	105° 33' 18"						E-48-32-A-a	
xóm 4	DC	xã Diên Cát	H. Diên Châu	18° 57' 45"	105° 33' 03"						E-48-32-A-a	
xóm 5	DC	xã Diên Cát	H. Diên Châu	18° 57' 28"	105° 33' 13"						E-48-32-A-a	
xóm 6	DC	xã Diên Cát	H. Diên Châu	18° 57' 08"	105° 33' 14"						E-48-32-A-a	
quốc lộ 7	KX	xã Diên Cát	H. Diên Châu			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"		E-48-32-A-a	
xóm 7	DC	xã Diên Cát	H. Diên Châu	18° 57' 21"	105° 33' 28"						E-48-32-A-a	
xóm 8	DC	xã Diên Cát	H. Diên Châu	18° 57' 59"	105° 33' 39"						E-48-32-A-a	
xóm 2A	DC	xã Diên Cát	H. Diên Châu	18° 58' 14"	105° 33' 55"						E-48-32-A-a	
xóm 2B	DC	xã Diên Cát	H. Diên Châu	18° 58' 14"	105° 33' 44"						E-48-32-A-a	
Sông Bùng	TV	xã Diên Cát	H. Diên Châu			18° 57' 10"	105° 28' 49"	19° 00' 18"	105° 35' 24"		E-48-32-A-a	
kênh N201	TV	xã Diên Cát	H. Diên Châu			18° 56' 26"	105° 25' 04"	18° 57' 40"	105° 36' 17"		E-48-20-C-a	
kênh Nhà Lê	TV	xã Diên Cát	H. Diên Châu			18° 50' 52"	105° 38' 50"	18° 58' 35"	105° 34' 23"		E-48-32-A-a	
xóm 1	DC	xã Diên Doài	H. Diên Châu	19° 07' 19"	105° 35' 29"						E-48-20-C-c	
xóm 2	DC	xã Diên Doài	H. Diên Châu	19° 07' 08"	105° 35' 24"						E-48-20-C-c	
xóm 3	DC	xã Diên Doài	H. Diên Châu	19° 07' 06"	105° 35' 08"						E-48-20-C-c	
xóm 4	DC	xã Diên Doài	H. Diên Châu	19° 07' 01"	105° 35' 02"						E-48-20-C-c	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 5	DC	xã Diên Doài	H. Diên Châu	19° 06' 52"	105° 35' 02"					E-48-20-C-c
xóm 6	DC	xã Diên Doài	H. Diên Châu	19° 06' 42"	105° 34' 59"					E-48-20-C-c
xóm 7	DC	xã Diên Doài	H. Diên Châu	19° 06' 36"	105° 34' 52"					E-48-20-C-c
xóm 8	DC	xã Diên Doài	H. Diên Châu	19° 06' 26"	105° 34' 48"					E-48-20-C-c
xóm 9	DC	xã Diên Doài	H. Diên Châu	19° 06' 18"	105° 34' 41"					E-48-20-C-c
xóm 10	DC	xã Diên Doài	H. Diên Châu	19° 06' 09"	105° 34' 38"					E-48-20-C-c
xóm 12	DC	xã Diên Doài	H. Diên Châu	19° 06' 28"	105° 35' 13"					E-48-20-C-c
xóm 14	DC	xã Diên Doài	H. Diên Châu	19° 06' 33"	105° 33' 31"					E-48-20-C-c
xóm 15	DC	xã Diên Doài	H. Diên Châu	19° 06' 00"	105° 34' 32"					E-48-20-C-c
xóm 16	DC	xã Diên Doài	H. Diên Châu	19° 07' 22"	105° 34' 12"					E-48-20-C-c
quốc lộ 48	KX	xã Diên Doài	H. Diên Châu			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-20-C-a E-48-20-C-c
xóm Cao Minh	DC	xã Diên Doài	H. Diên Châu	19° 06' 36"	105° 35' 16"					E-48-20-C-c
đập Cây Xôi	TV	xã Diên Doài	H. Diên Châu	19° 07' 39"	105° 34' 26"					E-48-20-C-c
núi Hòn Đàng	SV	xã Diên Doài	H. Diên Châu	19° 06' 42"	105° 34' 01"					E-48-20-C-c
núi Hòn Trỏ	SV	xã Diên Doài	H. Diên Châu	19° 06' 13"	105° 33' 31"					E-48-20-C-c
núi Hòn Voi	SV	xã Diên Doài	H. Diên Châu	19° 18' 12"	105° 37' 52"					E-48-20-A-d
cầu Khe Cát	KX	xã Diên Doài	H. Diên Châu	19° 05' 46"	105° 34' 34"					E-48-20-C-c
kênh N13	TV	xã Diên Doài	H. Diên Châu			19° 06' 30"	105° 34' 08"	19° 05' 35"	105° 35' 43"	E-48-20-C-c
kênh N201	TV	xã Diên Doài	H. Diên Châu			18° 56' 26"	105° 25' 04"	18° 57' 40"	105° 36' 17"	E-48-20-C-a
Núi Sợi	SV	xã Diên Doài	H. Diên Châu	19° 07' 17"	105° 33' 42"					E-48-20-C-c
xóm Xuân Chi	DC	xã Diên Doài	H. Diên Châu	19° 06' 01"	105° 34' 55"					E-48-20-C-c
xóm 1	DC	xã Diên Đồng	H. Diên Châu	19° 00' 14"	105° 33' 04"					E-48-20-C-c
xóm 2	DC	xã Diên Đồng	H. Diên Châu	19° 00' 24"	105° 33' 07"					E-48-20-C-c
xóm 3	DC	xã Diên Đồng	H. Diên Châu	19° 00' 33"	105° 33' 00"					E-48-20-C-c
xóm 4	DC	xã Diên Đồng	H. Diên Châu	19° 00' 52"	105° 33' 03"					E-48-20-C-c
xóm 5	DC	xã Diên Đồng	H. Diên Châu	19° 01' 03"	105° 32' 16"					E-48-20-C-c
xóm 6	DC	xã Diên Đồng	H. Diên Châu	19° 00' 34"	105° 32' 24"					E-48-20-C-c
đường tỉnh 538	KX	xã Diên Đồng	H. Diên Châu			19° 00' 42"	105° 35' 09"	18° 55' 25"	105° 26' 30"	E-48-20-C-c
xóm Diên Phúc	DC	xã Diên Đồng	H. Diên Châu	19° 00' 17"	105° 32' 34"					E-48-20-C-c
xóm Đồng Trung	DC	xã Diên Đồng	H. Diên Châu	19° 00' 15"	105° 32' 24"					E-48-20-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
Sông Sở	TV	xã Diễn Đồng	H. Diễn Châu					19° 01' 55"	105° 32' 22"	19° 00' 11"	105° 33' 01"	E-48-20-C-c
xóm 1	DC	xã Diễn Hải	H. Diễn Châu	19° 03' 37"	105° 37' 40"							E-48-20-C-d
xóm 2	DC	xã Diễn Hải	H. Diễn Châu	19° 03' 41"	105° 37' 34"							E-48-20-C-d
xóm 3	DC	xã Diễn Hải	H. Diễn Châu	19° 03' 10"	105° 37' 22"							E-48-20-C-c
xóm 4	DC	xã Diễn Hải	H. Diễn Châu	19° 03' 02"	105° 37' 34"							E-48-20-C-c
xóm 5	DC	xã Diễn Hải	H. Diễn Châu	19° 02' 45"	105° 37' 29"							E-48-20-C-c
xóm 6	DC	xã Diễn Hải	H. Diễn Châu	19° 02' 33"	105° 37' 22"							E-48-20-C-c
xóm 7	DC	xã Diễn Hải	H. Diễn Châu	19° 02' 51"	105° 37' 13"							E-48-20-C-c
xóm 8	DC	xã Diễn Hải	H. Diễn Châu	19° 02' 42"	105° 37' 13"							E-48-20-C-c
xóm 9	DC	xã Diễn Hải	H. Diễn Châu	19° 02' 54"	105° 37' 05"							E-48-20-C-c
xóm 10	DC	xã Diễn Hải	H. Diễn Châu	19° 02' 43"	105° 36' 48"							E-48-20-C-c
sông Nhà Lê	TV	xã Diễn Hải	H. Diễn Châu					19° 03' 52"	105° 37' 18"	19° 06' 11"	105° 39' 43"	E-48-20-C-c
kênh Sơn Tinh	TV	xã Diễn Hải	H. Diễn Châu					19° 04' 16"	105° 34' 42"	19° 03' 30"	105° 37' 27"	E-48-20-C-c
xóm 1	DC	xã Diễn Hạnh	H. Diễn Châu	18° 59' 59"	105° 33' 51"							E-48-32-A-a
xóm 2	DC	xã Diễn Hạnh	H. Diễn Châu	18° 59' 59"	105° 34' 01"							E-48-32-A-a
xóm 3	DC	xã Diễn Hạnh	H. Diễn Châu	18° 59' 40"	105° 34' 02"							E-48-32-A-a
xóm 4	DC	xã Diễn Hạnh	H. Diễn Châu	18° 59' 31"	105° 34' 04"							E-48-32-A-a
xóm 5	DC	xã Diễn Hạnh	H. Diễn Châu	18° 59' 18"	105° 34' 09"							E-48-32-A-a
xóm 6	DC	xã Diễn Hạnh	H. Diễn Châu	18° 59' 09"	105° 34' 12"							E-48-32-A-a
xóm 7	DC	xã Diễn Hạnh	H. Diễn Châu	18° 59' 21"	105° 34' 18"							E-48-32-A-a
xóm 8	DC	xã Diễn Hạnh	H. Diễn Châu	18° 59' 35"	105° 34' 15"			18° 57' 10"	105° 28' 49"	19° 00' 18"	105° 35' 24"	E-48-32-A-a
Sông Bùng	TV	xã Diễn Hạnh	H. Diễn Châu									E-48-32-A-a
xóm 1	DC	xã Diễn Hoa	H. Diễn Châu	18° 59' 48"	105° 34' 47"							E-48-32-A-a
xóm 2	DC	xã Diễn Hoa	H. Diễn Châu	18° 59' 49"	105° 34' 59"							E-48-32-A-a
xóm 3	DC	xã Diễn Hoa	H. Diễn Châu	18° 59' 40"	105° 34' 55"							E-48-32-A-a
xóm 4	DC	xã Diễn Hoa	H. Diễn Châu	18° 59' 38"	105° 35' 02"							E-48-32-A-a
xóm 5	DC	xã Diễn Hoa	H. Diễn Châu	18° 59' 32"	105° 34' 57"							E-48-32-A-a
xóm 6	DC	xã Diễn Hoa	H. Diễn Châu	18° 59' 10"	105° 34' 55"							E-48-32-A-a
xóm 7	DC	xã Diễn Hoa	H. Diễn Châu	18° 59' 08"	105° 34' 40"							E-48-32-A-a
Sông Bùng	TV	xã Diễn Hoa	H. Diễn Châu					18° 57' 10"	105° 28' 49"	19° 00' 18"	105° 35' 24"	E-48-32-A-a
sông Cầu Bùng	TV	xã Diễn Hoa	H. Diễn Châu					19° 00' 18"	105° 35' 24"	19° 01' 43"	105° 36' 04"	E-48-20-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 1	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 06' 14"	105° 38' 37"					E-48-20-C-d
xóm 2	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 05' 51"	105° 38' 30"					E-48-20-C-d
xóm 3	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 06' 01"	105° 38' 25"					E-48-20-C-d
xóm 4	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 05' 57"	105° 38' 19"					E-48-20-C-d
xóm 5	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 05' 51"	105° 38' 09"					E-48-20-C-d
xóm 6	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 05' 45"	105° 37' 49"					E-48-20-C-d
xóm 7	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 05' 32"	105° 37' 19"					E-48-20-C-c
xóm 8	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 05' 27"	105° 37' 27"					E-48-20-C-c
xóm 9	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 05' 33"	105° 37' 40"					E-48-20-C-d
xóm 10	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 05' 25"	105° 37' 45"					E-48-20-C-d
xóm 11	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 05' 17"	105° 37' 44"					E-48-20-C-d
xóm 12	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 05' 09"	105° 37' 45"					E-48-20-C-d
xóm 13	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 05' 00"	105° 38' 00"					E-48-20-C-d
xóm 14	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 04' 58"	105° 37' 51"					E-48-20-C-d
xóm 15	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 04' 44"	105° 37' 25"					E-48-20-C-c
xóm 16	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 05' 03"	105° 37' 01"					E-48-20-C-c
xóm 17	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 04' 52"	105° 37' 02"					E-48-20-C-c
xóm 18	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 04' 52"	105° 36' 50"					E-48-20-C-c
núi Hòn Thè	SV	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 06' 19"	105° 38' 30"					E-48-20-C-d
sông Nhà Lê	TV	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu			19° 03' 52"	105° 37' 18"	19° 06' 11"	105° 39' 43"	E-48-20-C-c
kênh Sơn Tinh	TV	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu			19° 04' 16"	105° 34' 42"	19° 03' 30"	105° 37' 27"	E-48-20-C-c
quốc lộ 1	KX	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-C-c
xóm Ái Quốc	DC	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 03' 11"	105° 35' 02"					E-48-20-C-c
Khối Bắc	DC	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 03' 07"	105° 34' 51"					E-48-20-C-c
xóm Bắc Hồng	DC	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 03' 30"	105° 35' 09"					E-48-20-C-c
Chợ Dàn	KX	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 02' 47"	105° 34' 48"					E-48-20-C-c
xóm Hoa Thành	DC	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 02' 36"	105° 35' 02"					E-48-20-C-c
xóm Hồng Thịnh	DC	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 02' 18"	105° 35' 09"					E-48-20-C-c
Cầu Lỗi	KX	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 03' 31"	105° 34' 48"					E-48-20-C-c
kênh N201	TV	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu			18° 56' 26"	105° 25' 04"	18° 57' 40"	105° 36' 17"	E-48-20-C-a
Khối Nam	DC	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 02' 38"	105° 34' 53"					E-48-20-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
xóm Trung Hồng	DC	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 02' 55"	105° 34' 59"						E-48-20-C-c	
xóm Trung Thành	DC	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 02' 53"	105° 35' 09"						E-48-20-C-c	
kênh Vách Bắc	TV	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu			19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"		E-48-20-C-c	
xóm Xuân Đình	DC	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 02' 26"	105° 35' 06"						E-48-20-C-c	
xóm 1	DC	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 05' 21"	105° 39' 11"						E-48-20-C-d	
xóm 2	DC	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 05' 08"	105° 38' 56"						E-48-20-C-d	
xóm 3	DC	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 05' 14"	105° 38' 34"						E-48-20-C-d	
xóm 4	DC	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 04' 51"	105° 38' 42"						E-48-20-C-d	
xóm 5	DC	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 04' 58"	105° 38' 18"						E-48-20-C-d	
xóm 6A	DC	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 04' 46"	105° 38' 11"						E-48-20-C-d	
xóm 6B	DC	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 04' 30"	105° 38' 25"						E-48-20-C-d	
xóm 7	DC	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 04' 18"	105° 38' 16"						E-48-20-C-d	
xóm 8	DC	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 04' 19"	105° 37' 50"						E-48-20-C-d	
xóm 9	DC	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 04' 10"	105° 37' 46"						E-48-20-C-d	
xóm 10	DC	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 03' 59"	105° 37' 40"						E-48-20-C-d	
xóm 11	DC	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 05' 27"	105° 38' 28"	19° 03' 52"	105° 37' 18"	19° 06' 11"	105° 39' 43"		E-48-20-C-d	
sông Nhà Lê	TV	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu								E-48-20-C-d	
xóm Bắc Liên	DC	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu	19° 01' 34"	105° 36' 45"						E-48-20-C-c	
sông Cầu Bùng	TV	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu			19° 00' 18"	105° 35' 24"	19° 01' 43"	105° 36' 04"		E-48-20-C-c	
xóm Đại Thành	DC	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu	19° 02' 11"	105° 37' 04"						E-48-20-C-c	
xóm Hoàng Châu	DC	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu	19° 01' 47"	105° 37' 07"						E-48-20-C-c	
xóm Kim Liên	DC	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu	19° 01' 24"	105° 36' 39"						E-48-20-C-c	
cửa Lạch Vạn	TV	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu	18° 59' 00"	105° 36' 48"						E-48-32-A-a	
sông Lạch Vạn	TV	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu			19° 01' 43"	105° 36' 04"	18° 59' 00"	105° 36' 48"		E-48-20-C-c, E-48-32-A-a	
xóm Nam Liên	DC	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu	19° 01' 14"	105° 36' 31"						E-48-20-C-c	
xóm Phú Thành	DC	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu	19° 02' 06"	105° 37' 09"						E-48-20-C-c	
xóm Thái Thịnh	DC	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu	19° 01' 26"	105° 36' 50"						E-48-20-C-c	
xóm Thịnh Thành	DC	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu	19° 02' 17"	105° 36' 57"						E-48-20-C-c	
xóm Tiên Tiến	DC	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu	19° 01' 20"	105° 36' 47"						E-48-20-C-c	
xóm Tiên Tiến 1	DC	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu	19° 01' 14"	105° 36' 52"						E-48-20-C-c	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Tiền Tiến 2	DC	xã Diên Kim	H. Diên Châu	19° 01' 06"	105° 36' 42"					E-48-20-C-c
xóm Xuân Châu	DC	xã Diên Kim	H. Diên Châu	19° 01' 35"	105° 37' 01"					E-48-20-C-c
xóm Yên Thịnh	DC	xã Diên Kim	H. Diên Châu	19° 01' 19"	105° 37' 00"					E-48-20-C-c
quốc lộ 1	KX	xã Diên Kỳ	H. Diên Châu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-C-c
đường tỉnh 538	KX	xã Diên Kỳ	H. Diên Châu			19° 00' 42"	105° 35' 09"	18° 55' 25"	105° 26' 30"	E-48-20-C-c
Cầu Bùng	KX	xã Diên Kỳ	H. Diên Châu	19° 00' 34"	105° 35' 10"					E-48-20-C-c
sông Cầu Bùng	TV	xã Diên Kỳ	H. Diên Châu			19° 00' 18"	105° 35' 24"	19° 01' 43"	105° 36' 04"	E-48-20-C-c
thôn Cầu Bùng	DC	xã Diên Kỳ	H. Diên Châu	19° 00' 41"	105° 35' 12"					E-48-20-C-c
thôn Đồng Kỳ A	DC	xã Diên Kỳ	H. Diên Châu	19° 01' 22"	105° 35' 15"					E-48-20-C-c
thôn Đồng Kỳ B	DC	xã Diên Kỳ	H. Diên Châu	19° 01' 11"	105° 35' 13"					E-48-20-C-c
thôn Đồng Trại	DC	xã Diên Kỳ	H. Diên Châu	19° 00' 56"	105° 34' 47"					E-48-20-C-c
thôn Hưng Tân	DC	xã Diên Kỳ	H. Diên Châu	19° 01' 30"	105° 35' 02"					E-48-20-C-c
thôn Mỹ Lý	DC	xã Diên Kỳ	H. Diên Châu	19° 00' 32"	105° 34' 40"					E-48-20-C-c
Chợ Sy	KX	xã Diên Kỳ	H. Diên Châu	19° 00' 36"	105° 35' 14"					E-48-20-C-c
Ga Sy	KX	xã Diên Kỳ	H. Diên Châu	19° 00' 33"	105° 34' 26"					E-48-20-C-c
thôn Tân Trại	DC	xã Diên Kỳ	H. Diên Châu	19° 02' 00"	105° 35' 02"					E-48-20-C-c
thôn Xuân Khánh A	DC	xã Diên Kỳ	H. Diên Châu	19° 00' 51"	105° 35' 01"					E-48-20-C-c
thôn Xuân Khánh B	DC	xã Diên Kỳ	H. Diên Châu	19° 00' 56"	105° 34' 55"					E-48-20-C-c
quốc lộ 48	KX	xã Diên Lâm	H. Diên Châu			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-20-C-a, E-48-20-C-c
xóm 1 Bắc Lâm	DC	xã Diên Lâm	H. Diên Châu	19° 08' 13"	105° 33' 07"					E-48-20-C-a
xóm 1 Nam Lâm	DC	xã Diên Lâm	H. Diên Châu	19° 06' 59"	105° 33' 14"					E-48-20-C-c
xóm 2 Bắc Lâm	DC	xã Diên Lâm	H. Diên Châu	19° 08' 30"	105° 33' 16"					E-48-20-C-a
xóm 2 Nam Lâm	DC	xã Diên Lâm	H. Diên Châu	19° 07' 12"	105° 33' 19"					E-48-20-C-c
xóm 3 Bắc Lâm	DC	xã Diên Lâm	H. Diên Châu	19° 08' 33"	105° 33' 33"					E-48-20-C-a
xóm 3 Nam Lâm	DC	xã Diên Lâm	H. Diên Châu	19° 07' 20"	105° 32' 28"					E-48-20-C-c
xóm 4 Bắc Lâm	DC	xã Diên Lâm	H. Diên Châu	19° 08' 52"	105° 33' 21"					E-48-20-C-a
xóm 4 Nam Lâm	DC	xã Diên Lâm	H. Diên Châu	19° 07' 20"	105° 32' 01"					E-48-20-C-a
xóm 5 Bắc Lâm	DC	xã Diên Lâm	H. Diên Châu	19° 09' 11"	105° 33' 24"					E-48-20-C-a
xóm 5 Nam Lâm	DC	xã Diên Lâm	H. Diên Châu	19° 07' 31"	105° 33' 18"					E-48-20-C-a
xóm 6 Bắc Lâm	DC	xã Diên Lâm	H. Diên Châu	19° 09' 37"	105° 33' 12"					E-48-20-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 6 Nam Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 07' 42"	105° 33' 15"					E-48-20-C-a
xóm 7 Bắc Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 53"	105° 32' 50"					E-48-20-C-a
xóm 7 Nam Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 08' 14"	105° 33' 32"					E-48-20-C-a
xóm 8 Bắc Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 57"	105° 32' 30"					E-48-20-C-a
xóm 8 Nam Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 08' 20"	105° 33' 20"					E-48-20-C-a
xóm 9 Bắc Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 32"	105° 32' 34"					E-48-20-C-a
xóm 9 Nam Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 08' 34"	105° 31' 57"					E-48-20-C-a
xóm 10 Bắc Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 16"	105° 32' 20"					E-48-20-C-a
xóm 10 Nam Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 08' 14"	105° 32' 15"					E-48-20-C-a
xóm 11 Bắc Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 08' 58"	105° 32' 10"					E-48-20-C-a
xóm 11 Nam Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 08' 06"	105° 32' 02"					E-48-20-C-a
xóm 12 Bắc Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 09"	105° 32' 12"					E-48-20-C-a
xóm 12 Nam Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 07' 57"	105° 31' 40"					E-48-20-C-a
đập Bàu Da	TV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 08' 28"	105° 31' 37"					E-48-20-C-a
đập Bàu Gáo	TV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 19"	105° 32' 07"					E-48-20-C-a
cầu Bình Minh	KX	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 22"	105° 32' 45"					E-48-20-C-a
đập Đình Du	TV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 10' 16"	105° 32' 20"					E-48-20-C-a
xóm Đồng Nông	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 07"	105° 30' 25"					E-48-20-C-a
núi Hòn Đàm	SV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 03"	105° 33' 50"					E-48-20-C-d
núi Hòn Gai	SV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 06' 19"	105° 38' 30"					E-48-20-C-a
đồi Hòn Lê	SV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 38"	105° 32' 02"					E-48-20-C-a
đồi Hòn Ngang	SV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 39"	105° 32' 51"					E-48-20-C-a
núi Hòn Nghè	SV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 07' 36"	105° 33' 54"					E-48-20-C-a
đồi Hòn Nhọn	SV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 42"	105° 32' 30"					E-48-20-C-a
núi Hòn Thờ	SV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 10' 08"	105° 32' 31"					E-48-20-C-a
đồi Hòn Voi	SV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 26"	105° 32' 15"					E-48-20-C-a
xóm Hùng Sơn	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 08' 16"	105° 33' 57"					E-48-20-C-a
đập Khe Rọ	TV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 10' 19"	105° 31' 59"					E-48-20-C-a
suối Mã Tổ	TV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu			19° 10' 06"	105° 30' 18"	19° 08' 57"	105° 30' 41"	E-48-20-C-a
Núi Sỏi	SV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 07' 17"	105° 33' 42"					E-48-20-C-c
cầu Tảo 1	KX	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 07' 54"	105° 33' 09"					E-48-20-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
cầu Tảo 2	KX	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 08' 32"	105° 33' 06"					E-48-20-C-a
núi Trưỡng Trảng	SV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 38"	105° 29' 40"					E-48-19-D-b
xóm 1	DC	xã Diễn Liên	H. Diễn Châu	19° 01' 03"	105° 33' 05"					E-48-20-C-c
xóm 2	DC	xã Diễn Liên	H. Diễn Châu	19° 01' 14"	105° 33' 10"					E-48-20-C-c
xóm 3	DC	xã Diễn Liên	H. Diễn Châu	19° 01' 28"	105° 33' 14"					E-48-20-C-c
xóm 4	DC	xã Diễn Liên	H. Diễn Châu	19° 01' 50"	105° 33' 14"					E-48-20-C-c
xóm 5	DC	xã Diễn Liên	H. Diễn Châu	19° 01' 32"	105° 32' 20"					E-48-20-C-c
xóm 6	DC	xã Diễn Liên	H. Diễn Châu	19° 01' 57"	105° 33' 09"					E-48-20-C-c
xóm 7	DC	xã Diễn Liên	H. Diễn Châu	19° 02' 10"	105° 33' 10"					E-48-20-C-c
xóm 8	DC	xã Diễn Liên	H. Diễn Châu	19° 02' 13"	105° 33' 18"					E-48-20-C-c
xóm 9	DC	xã Diễn Liên	H. Diễn Châu	19° 02' 21"	105° 33' 09"					E-48-20-C-c
xóm 10	DC	xã Diễn Liên	H. Diễn Châu	19° 02' 31"	105° 33' 06"					E-48-20-C-c
xóm 11	DC	xã Diễn Liên	H. Diễn Châu	19° 02' 27"	105° 33' 20"					E-48-20-C-c
kênh 26/3	TV	xã Diễn Liên	H. Diễn Châu			19° 00' 37"	105° 32' 41"	19° 04' 02"	105° 33' 00"	E-48-20-C-c
Sông Sở	TV	xã Diễn Liên	H. Diễn Châu			19° 01' 55"	105° 32' 22"	19° 00' 11"	105° 33' 01"	E-48-20-C-c
xóm 1	DC	xã Diễn Lộc	H. Diễn Châu	18° 56' 18"	105° 34' 51"					E-48-32-A-a
xóm 2	DC	xã Diễn Lộc	H. Diễn Châu	18° 55' 55"	105° 35' 02"					E-48-32-A-a
xóm 3	DC	xã Diễn Lộc	H. Diễn Châu	18° 55' 45"	105° 34' 58"					E-48-32-A-a
xóm 4	DC	xã Diễn Lộc	H. Diễn Châu	18° 55' 34"	105° 35' 09"					E-48-32-A-a
xóm 5	DC	xã Diễn Lộc	H. Diễn Châu	18° 55' 28"	105° 34' 51"					E-48-32-A-a
xóm 6	DC	xã Diễn Lộc	H. Diễn Châu	18° 55' 08"	105° 35' 01"					E-48-32-A-a
xóm 7	DC	xã Diễn Lộc	H. Diễn Châu	18° 54' 41"	105° 35' 07"					E-48-32-A-a
xóm 8	DC	xã Diễn Lộc	H. Diễn Châu	18° 54' 24"	105° 35' 24"					E-48-32-A-a
xóm 9	DC	xã Diễn Lộc	H. Diễn Châu	18° 56' 07"	105° 35' 16"					E-48-32-A-a
xóm 10	DC	xã Diễn Lộc	H. Diễn Châu	18° 56' 24"	105° 35' 10"					E-48-32-A-a
xóm 11	DC	xã Diễn Lộc	H. Diễn Châu	18° 53' 56"	105° 35' 43"					E-48-32-A-a
xóm 12	DC	xã Diễn Lộc	H. Diễn Châu	18° 56' 09"	105° 35' 38"					E-48-32-A-a
xóm 13	DC	xã Diễn Lộc	H. Diễn Châu	18° 56' 14"	105° 35' 38"					E-48-32-A-a
xóm 14	DC	xã Diễn Lộc	H. Diễn Châu	18° 56' 24"	105° 35' 34"					E-48-32-A-a
xóm 15	DC	xã Diễn Lộc	H. Diễn Châu	18° 56' 35"	105° 35' 34"					E-48-32-A-a
xóm 16	DC	xã Diễn Lộc	H. Diễn Châu	18° 53' 07"	105° 35' 50"					E-48-32-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
Núi Bạc	SV	xã Diên Lộc	H. Diên Châu	18° 53' 46"	105° 35' 37"						E-48-32-A-a	
Núi Mưa	SV	xã Diên Lộc	H. Diên Châu	18° 54' 21"	105° 34' 48"						E-48-32-A-a	
kênh Nhà Lê	TV	xã Diên Lộc	H. Diên Châu			18° 50' 52"	105° 38' 50"	18° 58' 35"	105° 34' 23"		E-48-32-A-a	
xóm 1	DC	xã Diên Lợi	H. Diên Châu	18° 56' 18"	105° 33' 35"						E-48-32-A-a	
xóm 2	DC	xã Diên Lợi	H. Diên Châu	18° 56' 08"	105° 33' 23"						E-48-32-A-a	
xóm 3	DC	xã Diên Lợi	H. Diên Châu	18° 56' 12"	105° 33' 10"						E-48-32-A-a	
xóm 4	DC	xã Diên Lợi	H. Diên Châu	18° 56' 31"	105° 33' 00"						E-48-32-A-a	
xóm 5	DC	xã Diên Lợi	H. Diên Châu	18° 55' 36"	105° 32' 30"						E-48-32-A-a	
xóm 6	DC	xã Diên Lợi	H. Diên Châu	18° 56' 03"	105° 32' 24"						E-48-32-A-a	
xóm 7	DC	xã Diên Lợi	H. Diên Châu	18° 55' 53"	105° 32' 31"						E-48-32-A-a	
xóm 8	DC	xã Diên Lợi	H. Diên Châu	18° 55' 22"	105° 32' 38"						E-48-32-A-a	
xóm 9	DC	xã Diên Lợi	H. Diên Châu	18° 55' 09"	105° 32' 29"						E-48-32-A-a	
xóm 10	DC	xã Diên Lợi	H. Diên Châu	18° 54' 50"	105° 32' 30"	18° 54' 35"	105° 31' 22"	18° 57' 10"	105° 28' 49"		E-48-32-A-a	
Khe Cát	TV	xã Diên Lợi	H. Diên Châu								E-48-32-A-a	
xóm 1	DC	xã Diên Minh	H. Diên Châu	18° 57' 21"	105° 31' 32"						E-48-32-A-a	
xóm 2	DC	xã Diên Minh	H. Diên Châu	18° 57' 18"	105° 31' 18"						E-48-32-A-a	
xóm 3	DC	xã Diên Minh	H. Diên Châu	18° 57' 21"	105° 31' 22"						E-48-32-A-a	
xóm 4	DC	xã Diên Minh	H. Diên Châu	18° 57' 32"	105° 31' 27"						E-48-32-A-a	
xóm 5	DC	xã Diên Minh	H. Diên Châu	18° 57' 54"	105° 31' 13"						E-48-32-A-a	
xóm 6	DC	xã Diên Minh	H. Diên Châu	18° 58' 08"	105° 31' 04"						E-48-32-A-a	
xóm 7	DC	xã Diên Minh	H. Diên Châu	18° 58' 15"	105° 31' 06"	18° 57' 10"	105° 28' 49"	19° 00' 18"	105° 35' 24"		E-48-32-A-a	
Sông Bùng	TV	xã Diên Minh	H. Diên Châu								E-48-32-A-a	
núi Lèn Hai Vai	SV	xã Diên Minh	H. Diên Châu	18° 57' 36"	105° 31' 50"						E-48-32-A-a	
xóm 1	DC	xã Diên Mỹ	H. Diên Châu	19° 03' 10"	105° 36' 38"						E-48-20-C-c	
xóm 2	DC	xã Diên Mỹ	H. Diên Châu	19° 03' 21"	105° 36' 46"						E-48-20-C-c	
xóm 3	DC	xã Diên Mỹ	H. Diên Châu	19° 03' 24"	105° 36' 47"						E-48-20-C-c	
xóm 4	DC	xã Diên Mỹ	H. Diên Châu	19° 03' 37"	105° 36' 43"						E-48-20-C-c	
xóm 5	DC	xã Diên Mỹ	H. Diên Châu	19° 03' 39"	105° 36' 52"						E-48-20-C-c	
xóm 6	DC	xã Diên Mỹ	H. Diên Châu	19° 03' 42"	105° 37' 01"						E-48-20-C-c	
xóm 7	DC	xã Diên Mỹ	H. Diên Châu	19° 03' 55"	105° 36' 14"						E-48-20-C-c	
xóm 8	DC	xã Diên Mỹ	H. Diên Châu	19° 03' 55"	105° 36' 47"						E-48-20-C-c	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 9	DC	xã Diễn Mỹ	H. Diễn Châu	19° 03' 54"	105° 37' 01"					E-48-20-C-c
xóm 10	DC	xã Diễn Mỹ	H. Diễn Châu	19° 03' 55"	105° 37' 14"					E-48-20-C-c
xóm 11	DC	xã Diễn Mỹ	H. Diễn Châu	19° 04' 04"	105° 37' 10"					E-48-20-C-c
xóm 12	DC	xã Diễn Mỹ	H. Diễn Châu	19° 04' 21"	105° 37' 22"					E-48-20-C-c
xóm 13	DC	xã Diễn Mỹ	H. Diễn Châu	19° 04' 29"	105° 37' 27"					E-48-20-C-c
xóm 14	DC	xã Diễn Mỹ	H. Diễn Châu	19° 04' 09"	105° 36' 43"					E-48-20-C-c
sông Nhà Lê	TV	xã Diễn Mỹ	H. Diễn Châu			19° 03' 52"	105° 37' 18"	19° 06' 11"	105° 39' 43"	E-48-20-C-c
kênh Sơn Tinh	TV	xã Diễn Mỹ	H. Diễn Châu			19° 04' 16"	105° 34' 42"	19° 03' 30"	105° 37' 27"	E-48-20-C-c
quốc lộ 1	KX	xã Diễn Ngọc	H. Diễn Châu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-C-c, E-48-32-A-a
sông Cầu Bùng	TV	xã Diễn Ngọc	H. Diễn Châu			19° 00' 18"	105° 35' 24"	19° 01' 43"	105° 36' 04"	E-48-20-C-c
cầu Diễn Thành	KX	xã Diễn Ngọc	H. Diễn Châu	18° 59' 27"	105° 35' 46"					E-48-32-A-a
xóm Đông Lộc	DC	xã Diễn Ngọc	H. Diễn Châu	19° 00' 03"	105° 36' 10"					E-48-20-C-c
xóm Hồng Yên	DC	xã Diễn Ngọc	H. Diễn Châu	19° 00' 23"	105° 35' 55"					E-48-20-C-c
sông Lạch Vạn	TV	xã Diễn Ngọc	H. Diễn Châu			19° 01' 43"	105° 36' 04"	18° 59' 00"	105° 36' 48"	E-48-20-C-c, E-48-32-A-a
xóm Nam Thịnh	DC	xã Diễn Ngọc	H. Diễn Châu	19° 00' 14"	105° 36' 02"					E-48-20-C-c
xóm Ngọc Minh	DC	xã Diễn Ngọc	H. Diễn Châu	18° 59' 38"	105° 36' 07"					E-48-32-A-a
xóm Ngọc Tân	DC	xã Diễn Ngọc	H. Diễn Châu	19° 00' 00"	105° 35' 34"					E-48-20-C-c
xóm Ngọc Ván	DC	xã Diễn Ngọc	H. Diễn Châu	19° 00' 06"	105° 35' 49"					E-48-32-A-a
xóm Tây Lộc	DC	xã Diễn Ngọc	H. Diễn Châu	19° 00' 08"	105° 35' 54"					E-48-20-C-c
xóm Trung Thành	DC	xã Diễn Ngọc	H. Diễn Châu	19° 00' 22"	105° 36' 06"					E-48-20-C-c
xóm Trung Yên	DC	xã Diễn Ngọc	H. Diễn Châu	19° 00' 06"	105° 35' 45"					E-48-20-C-c
xóm Trường Tiến	DC	xã Diễn Ngọc	H. Diễn Châu	19° 00' 16"	105° 35' 42"					E-48-20-C-c
xóm Yên Quang	DC	xã Diễn Ngọc	H. Diễn Châu	18° 59' 56"	105° 35' 58"					E-48-20-C-c
xóm Yên Thịnh	DC	xã Diễn Ngọc	H. Diễn Châu	19° 00' 15"	105° 36' 13"					E-48-20-C-c
Sông Bùng	TV	xã Diễn Nguyên	H. Diễn Châu			18° 57' 10"	105° 28' 49"	19° 00' 18"	105° 35' 24"	E-48-32-A-a
sông Cầu Bà	TV	xã Diễn Nguyên	H. Diễn Châu			19° 01' 08"	105° 30' 16"	18° 58' 29"	105° 31' 24"	E-48-20-C-c
xóm Tân Cảnh	DC	xã Diễn Nguyên	H. Diễn Châu	18° 59' 04"	105° 31' 48"					E-48-32-A-a
xóm Tân Cao	DC	xã Diễn Nguyên	H. Diễn Châu	18° 59' 42"	105° 32' 34"					E-48-32-A-a
xóm Tân Châu	DC	xã Diễn Nguyên	H. Diễn Châu	18° 59' 29"	105° 32' 02"					E-48-32-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Tân Ninh	DC	xã Diễn Nguyên	H. Diễn Châu	18° 59' 28"	105° 32' 31"					E-48-32-A-a
xóm Tân Phong 1	DC	xã Diễn Nguyên	H. Diễn Châu	18° 59' 02"	105° 32' 16"					E-48-32-A-a
xóm Tân Phong 2	DC	xã Diễn Nguyên	H. Diễn Châu	18° 59' 03"	105° 32' 06"					E-48-32-A-a
xóm Tân Thịnh	DC	xã Diễn Nguyên	H. Diễn Châu	18° 58' 55"	105° 32' 34"					E-48-32-A-a
xóm Đậu Vĩnh	DC	xã Diễn Phong	H. Diễn Châu	19° 02' 54"	105° 35' 27"					E-48-20-C-c
xóm Đồng Tác	DC	xã Diễn Phong	H. Diễn Châu	19° 02' 56"	105° 35' 52"					E-48-20-C-c
xóm Dương Đoài	DC	xã Diễn Phong	H. Diễn Châu	19° 03' 12"	105° 35' 58"					E-48-20-C-c
xóm Dương Đông	DC	xã Diễn Phong	H. Diễn Châu	19° 03' 13"	105° 36' 09"					E-48-20-C-c
xóm Dương Tiên	DC	xã Diễn Phong	H. Diễn Châu	19° 03' 10"	105° 35' 22"					E-48-20-C-c
xóm Nha Nghi	DC	xã Diễn Phong	H. Diễn Châu	19° 03' 03"	105° 35' 42"					E-48-20-C-c
xóm Tây Hồ	DC	xã Diễn Phong	H. Diễn Châu	19° 02' 47"	105° 36' 02"	19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"	E-48-20-C-c
kênh Vách Bắc	TV	xã Diễn Phong	H. Diễn Châu							E-48-32-A-a
xóm 1	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 52' 58"	105° 35' 34"					E-48-32-A-a
xóm 2	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 53' 05"	105° 35' 13"					E-48-32-A-a
xóm 3	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 53' 18"	105° 34' 43"					E-48-32-A-a
xóm 4	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 53' 24"	105° 34' 19"					E-48-32-A-a
xóm 5	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 54' 43"	105° 34' 44"					E-48-32-A-a
xóm 6	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 54' 41"	105° 34' 30"					E-48-32-A-a
xóm 7	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 54' 27"	105° 34' 22"					E-48-32-A-a
xóm 8	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 54' 00"	105° 34' 37"					E-48-32-A-a
xóm 9	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 53' 52"	105° 34' 18"					E-48-32-A-a
xóm 10	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 53' 59"	105° 35' 01"					E-48-32-A-a
xóm 11	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 53' 43"	105° 35' 27"					E-48-32-A-a
xóm 12	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 53' 27"	105° 33' 48"					E-48-32-A-a
xóm 13	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 53' 37"	105° 33' 20"					E-48-32-A-a
xóm 14	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 53' 43"	105° 32' 52"					E-48-32-A-a
xóm 15	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 54' 11"	105° 32' 56"					E-48-32-A-a
xóm 16	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 54' 37"	105° 32' 55"					E-48-32-A-a
xóm 17	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 54' 24"	105° 33' 22"					E-48-32-A-a
xóm 18	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 54' 22"	105° 33' 32"					E-48-32-A-a
xóm 19	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 54' 11"	105° 33' 30"					E-48-32-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm			Toạ độ điểm đầu			Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	(Độ, phút, giây)	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ		
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)			
xóm 20	DC	xã Diên Phú	H. Diên Châu	18° 54' 24"	105° 33' 39"						E-48-32-A-a	
xóm 21	DC	xã Diên Phú	H. Diên Châu	18° 54' 13"	105° 33' 56"						E-48-32-A-a	
xóm 22	DC	xã Diên Phú	H. Diên Châu	18° 54' 07"	105° 34' 07"						E-48-32-A-a	
xóm 23	DC	xã Diên Phú	H. Diên Châu	18° 53' 53"	105° 33' 41"						E-48-32-A-a	
Núi Bạc	SV	xã Diên Phú	H. Diên Châu	18° 53' 46"	105° 35' 37"						E-48-32-A-a	
Núi Chạch	SV	xã Diên Phú	H. Diên Châu	18° 53' 03"	105° 34' 06"						E-48-32-A-a	
núi Đại Bạc	SV	xã Diên Phú	H. Diên Châu	18° 51' 37"	105° 33' 10"						E-48-32-A-c	
rủ Động Lim	SV	xã Diên Phú	H. Diên Châu	18° 53' 48"	105° 32' 03"						E-48-32-A-a	
Núi Mác	SV	xã Diên Phú	H. Diên Châu	18° 54' 05"	105° 33' 46"						E-48-32-A-a	
Núi Mưa	SV	xã Diên Phú	H. Diên Châu	18° 54' 21"	105° 34' 48"						E-48-32-A-a	
kênh Nhà Lê	TV	xã Diên Phú	H. Diên Châu			18° 50' 52"	105° 38' 50"	18° 58' 35"	105° 34' 23"		E-48-32-A-a, E-48-32-A-c	
núi Thần Vũ	SV	xã Diên Phú	H. Diên Châu	18° 52' 02"	105° 35' 42"						E-48-32-A-c	
hồ Xuân Dương	TV	xã Diên Phú	H. Diên Châu	18° 52' 50"	105° 33' 15"						E-48-32-A-a	
quốc lộ 7	KX	xã Diên Phúc	H. Diên Châu			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"		E-48-32-A-a	
xóm 7	DC	xã Diên Phúc	H. Diên Châu	18° 58' 30"	105° 35' 17"						E-48-32-A-a	
Sông Bùng	TV	xã Diên Phúc	H. Diên Châu			18° 57' 10"	105° 28' 49"	19° 00' 18"	105° 35' 24"		E-48-32-A-a	
kênh Nhà Lê	TV	xã Diên Phúc	H. Diên Châu			18° 50' 52"	105° 38' 50"	18° 58' 35"	105° 34' 23"		E-48-32-A-a	
xóm Phúc Nguyên	DC	xã Diên Phúc	H. Diên Châu	18° 58' 22"	105° 34' 26"						E-48-32-A-a	
xóm Phúc Thiêm	DC	xã Diên Phúc	H. Diên Châu	18° 57' 45"	105° 34' 33"						E-48-32-A-a	
Xóm Sò	DC	xã Diên Phúc	H. Diên Châu	18° 58' 03"	105° 35' 54"						E-48-32-A-a	
xóm Tân Đoài	DC	xã Diên Phúc	H. Diên Châu	18° 58' 00"	105° 35' 34"						E-48-32-A-a	
xóm Tân Minh	DC	xã Diên Phúc	H. Diên Châu	18° 58' 06"	105° 35' 43"						E-48-32-A-a	
xóm Trảng Thán	DC	xã Diên Phúc	H. Diên Châu	18° 58' 16"	105° 35' 16"						E-48-32-A-a	
xóm Yên Xuân	DC	xã Diên Phúc	H. Diên Châu	18° 58' 26"	105° 35' 10"						E-48-32-A-a	
xóm 1	DC	xã Diên Quảng	H. Diên Châu	18° 59' 10"	105° 33' 57"						E-48-32-A-a	
xóm 2	DC	xã Diên Quảng	H. Diên Châu	18° 58' 53"	105° 33' 57"						E-48-32-A-a	
xóm 3	DC	xã Diên Quảng	H. Diên Châu	18° 58' 35"	105° 33' 18"						E-48-32-A-a	
xóm 4	DC	xã Diên Quảng	H. Diên Châu	18° 59' 36"	105° 33' 07"						E-48-32-A-a	
xóm 5	DC	xã Diên Quảng	H. Diên Châu	19° 00' 06"	105° 32' 45"						E-48-20-C-c	
Sông Bùng	TV	xã Diên Quảng	H. Diên Châu			18° 57' 10"	105° 28' 49"	19° 00' 18"	105° 35' 24"		E-48-32-A-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
xóm 1	DC	xã Diên Tân	H. Diên Châu	18° 57' 21"	105° 34' 23"						E-48-32-A-a	
xóm 2	DC	xã Diên Tân	H. Diên Châu	18° 57' 18"	105° 34' 39"						E-48-32-A-a	
xóm 3	DC	xã Diên Tân	H. Diên Châu	18° 57' 12"	105° 34' 32"						E-48-32-A-a	
xóm 4	DC	xã Diên Tân	H. Diên Châu	18° 56' 51"	105° 35' 34"						E-48-32-A-a	
xóm 5	DC	xã Diên Tân	H. Diên Châu	18° 57' 04"	105° 35' 27"						E-48-32-A-a	
xóm 6	DC	xã Diên Tân	H. Diên Châu	18° 57' 01"	105° 35' 52"						E-48-32-A-a	
xóm 7	DC	xã Diên Tân	H. Diên Châu	18° 57' 14"	105° 35' 48"						E-48-32-A-a	
xóm 8	DC	xã Diên Tân	H. Diên Châu	18° 57' 30"	105° 35' 40"						E-48-32-A-a	
xóm 9	DC	xã Diên Tân	H. Diên Châu	18° 57' 39"	105° 35' 34"						E-48-32-A-a	
kênh N201	TV	xã Diên Tân	H. Diên Châu			18° 56' 26"	105° 25' 04"	18° 57' 40"	105° 36' 17"		E-48-20-C-a	
kênh Nhà Lê	TV	xã Diên Tân	H. Diên Châu			18° 50' 52"	105° 38' 50"	18° 58' 35"	105° 34' 23"		E-48-32-A-a	
xóm 1	DC	xã Diên Thái	H. Diên Châu	18° 59' 50"	105° 31' 33"						E-48-32-A-a	
xóm 2	DC	xã Diên Thái	H. Diên Châu	18° 59' 57"	105° 31' 24"						E-48-32-A-a	
xóm 3	DC	xã Diên Thái	H. Diên Châu	19° 00' 11"	105° 31' 26"						E-48-20-C-c	
xóm 4	DC	xã Diên Thái	H. Diên Châu	19° 00' 27"	105° 31' 11"						E-48-20-C-c	
xóm 5	DC	xã Diên Thái	H. Diên Châu	19° 00' 29"	105° 31' 22"						E-48-20-C-c	
xóm 6	DC	xã Diên Thái	H. Diên Châu	19° 00' 35"	105° 31' 18"						E-48-20-C-c	
xóm 7	DC	xã Diên Thái	H. Diên Châu	19° 00' 47"	105° 31' 19"						E-48-20-C-c	
xóm 8	DC	xã Diên Thái	H. Diên Châu	19° 00' 44"	105° 30' 58"						E-48-20-C-c	
xóm 9	DC	xã Diên Thái	H. Diên Châu	19° 01' 06"	105° 31' 08"						E-48-20-C-c	
xóm 10	DC	xã Diên Thái	H. Diên Châu	19° 00' 56"	105° 31' 22"						E-48-20-C-c	
đường tỉnh 538	KX	xã Diên Thái	H. Diên Châu			19° 00' 42"	105° 35' 09"	18° 55' 25"	105° 26' 30"		E-48-20-C-c	
sông Cầu Bà	TV	xã Diên Thái	H. Diên Châu			19° 01' 08"	105° 30' 16"	18° 58' 29"	105° 31' 24"		E-48-20-C-c	
xóm 1	DC	xã Diên Thắng	H. Diên Châu	18° 56' 32"	105° 31' 23"						E-48-32-A-a	
xóm 2	DC	xã Diên Thắng	H. Diên Châu	18° 56' 36"	105° 31' 43"						E-48-32-A-a	
xóm 3	DC	xã Diên Thắng	H. Diên Châu	18° 56' 26"	105° 31' 40"						E-48-32-A-a	
xóm 4	DC	xã Diên Thắng	H. Diên Châu	18° 56' 15"	105° 32' 12"						E-48-32-A-a	
xóm 5	DC	xã Diên Thắng	H. Diên Châu	18° 56' 54"	105° 32' 45"						E-48-32-A-a	
xóm 6	DC	xã Diên Thắng	H. Diên Châu	18° 57' 14"	105° 32' 20"						E-48-32-A-a	
quốc lộ 7	KX	xã Diên Thắng	H. Diên Châu			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"		E-48-32-A-a	
xóm 7	DC	xã Diên Thắng	H. Diên Châu	18° 57' 23"	105° 32' 16"						E-48-32-A-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Lèn Hai Vai	SV	xã Diên Thắng	H. Diên Châu	18° 57' 36"	105° 31' 50"							E-48-32-A-a
kênh N201	TV	xã Diên Thắng	H. Diên Châu			18° 56' 26"	105° 25' 04"	18° 57' 40"	105° 36' 17"			E-48-20-C-a
quốc lộ 1	KX	xã Diên Thành	H. Diên Châu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"			E-48-32-A-a
xóm 1	DC	xã Diên Thành	H. Diên Châu	18° 59' 18"	105° 36' 03"							E-48-32-A-a
xóm 2	DC	xã Diên Thành	H. Diên Châu	18° 58' 52"	105° 36' 03"							E-48-32-A-a
xóm 3	DC	xã Diên Thành	H. Diên Châu	18° 58' 57"	105° 35' 45"							E-48-32-A-a
xóm 4	DC	xã Diên Thành	H. Diên Châu	18° 58' 54"	105° 36' 17"							E-48-32-A-a
xóm 5	DC	xã Diên Thành	H. Diên Châu	18° 58' 39"	105° 36' 59"							E-48-32-A-a
xóm 6	DC	xã Diên Thành	H. Diên Châu	18° 58' 39"	105° 36' 21"			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-32-A-a
quốc lộ 7	KX	xã Diên Thành	H. Diên Châu									E-48-32-A-a
xóm 7	DC	xã Diên Thành	H. Diên Châu	18° 58' 19"	105° 36' 03"							E-48-32-A-a
xóm 8	DC	xã Diên Thành	H. Diên Châu	18° 58' 10"	105° 36' 02"							E-48-32-A-a
xóm 9	DC	xã Diên Thành	H. Diên Châu	18° 57' 56"	105° 36' 04"							E-48-32-A-a
xóm 10	DC	xã Diên Thành	H. Diên Châu	18° 58' 15"	105° 36' 26"							E-48-32-A-a
xóm 11	DC	xã Diên Thành	H. Diên Châu	18° 58' 02"	105° 36' 36"			18° 57' 10"	105° 28' 49"	19° 00' 18"	105° 35' 24"	E-48-32-A-a
Sông Bùng	TV	xã Diên Thành	H. Diên Châu			18° 59' 00"	105° 36' 48"					E-48-32-A-a
cửa Lạch Vạn	TV	xã Diên Thành	H. Diên Châu									E-48-32-A-a
sông Lạch Vạn	TV	xã Diên Thành	H. Diên Châu			19° 01' 43"	105° 36' 04"	18° 59' 00"	105° 36' 48"			E-48-32-A-a
xóm 1	DC	xã Diên Tháp	H. Diên Châu	19° 01' 46"	105° 34' 40"							E-48-20-C-c
xóm 2	DC	xã Diên Tháp	H. Diên Châu	19° 02' 01"	105° 33' 45"							E-48-20-C-c
xóm 3	DC	xã Diên Tháp	H. Diên Châu	19° 02' 09"	105° 33' 49"							E-48-20-C-c
xóm 4	DC	xã Diên Tháp	H. Diên Châu	19° 02' 18"	105° 33' 40"							E-48-20-C-c
xóm 5	DC	xã Diên Tháp	H. Diên Châu	19° 02' 25"	105° 33' 49"							E-48-20-C-c
xóm 6	DC	xã Diên Tháp	H. Diên Châu	19° 02' 36"	105° 33' 44"							E-48-20-C-c
xóm 7	DC	xã Diên Tháp	H. Diên Châu	19° 02' 47"	105° 33' 46"							E-48-20-C-c
xóm 8	DC	xã Diên Tháp	H. Diên Châu	19° 02' 58"	105° 33' 47"							E-48-20-C-c
xóm 9	DC	xã Diên Tháp	H. Diên Châu	19° 01' 51"	105° 33' 45"					18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-C-c
quốc lộ 1	KX	xã Diên Thịnh	H. Diên Châu					19° 18' 42"	105° 43' 15"			E-48-32-A-a
xóm 1	DC	xã Diên Thịnh	H. Diên Châu	18° 57' 29"	105° 36' 03"							E-48-32-A-a
xóm 2	DC	xã Diên Thịnh	H. Diên Châu	18° 57' 20"	105° 36' 03"							E-48-32-A-a
xóm 3	DC	xã Diên Thịnh	H. Diên Châu	18° 57' 42"	105° 36' 01"							E-48-32-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 4	DC	xã Diên Thịnh	H. Diên Châu	18° 57' 34"	105° 36' 28"					E-48-32-A-a
xóm 5	DC	xã Diên Thịnh	H. Diên Châu	18° 57' 29"	105° 36' 25"					E-48-32-A-a
xóm 6	DC	xã Diên Thịnh	H. Diên Châu	18° 57' 22"	105° 35' 59"					E-48-32-A-a
xóm 7	DC	xã Diên Thịnh	H. Diên Châu	18° 57' 11"	105° 36' 00"					E-48-32-A-a
xóm 8	DC	xã Diên Thịnh	H. Diên Châu	18° 56' 56"	105° 36' 03"					E-48-32-A-a
xóm 9A	DC	xã Diên Thịnh	H. Diên Châu	18° 57' 02"	105° 36' 07"					E-48-32-A-a
xóm 9B	DC	xã Diên Thịnh	H. Diên Châu	18° 57' 05"	105° 36' 26"					E-48-32-A-a
xóm 10	DC	xã Diên Thịnh	H. Diên Châu	18° 56' 42"	105° 36' 35"					E-48-32-A-a
xóm 11A	DC	xã Diên Thịnh	H. Diên Châu	18° 56' 52"	105° 36' 28"					E-48-32-A-a
xóm 11B	DC	xã Diên Thịnh	H. Diên Châu	18° 56' 58"	105° 36' 26"					E-48-32-A-a
xóm 12	DC	xã Diên Thịnh	H. Diên Châu	18° 56' 45"	105° 36' 12"					E-48-32-A-a
xóm 13	DC	xã Diên Thịnh	H. Diên Châu	18° 56' 36"	105° 36' 10"					E-48-32-A-a
xóm 14	DC	xã Diên Thịnh	H. Diên Châu	18° 56' 29"	105° 36' 09"					E-48-32-A-a
xóm 15	DC	xã Diên Thịnh	H. Diên Châu	18° 56' 18"	105° 36' 10"					E-48-32-A-a
xóm 16	DC	xã Diên Thịnh	H. Diên Châu	18° 56' 34"	105° 36' 43"					E-48-32-A-a
xóm 17	DC	xã Diên Thịnh	H. Diên Châu	18° 56' 31"	105° 36' 32"					E-48-32-A-a
xóm 18	DC	xã Diên Thịnh	H. Diên Châu	18° 56' 24"	105° 36' 39"					E-48-32-A-a
xóm 19	DC	xã Diên Thịnh	H. Diên Châu	18° 56' 18"	105° 36' 39"					E-48-32-A-a
xóm 20	DC	xã Diên Thịnh	H. Diên Châu	18° 56' 18"	105° 36' 03"					E-48-32-A-a
kênh N201	TV	xã Diên Thịnh	H. Diên Châu			18° 56' 26"	105° 25' 04"	18° 57' 40"	105° 36' 17"	E-48-20-C-a
đường Quốc Phòng	KX	xã Diên Thịnh	H. Diên Châu			18° 56' 15"	105° 29' 29"	18° 51' 58"	105° 41' 15"	E-48-32-A-a
xóm 1 Đông	DC	xã Diên Thọ	H. Diên Châu	18° 56' 31"	105° 34' 14"					E-48-32-A-a
xóm 1 Tây	DC	xã Diên Thọ	H. Diên Châu	18° 56' 12"	105° 33' 53"					E-48-32-A-a
xóm 2 Đông	DC	xã Diên Thọ	H. Diên Châu	18° 56' 26"	105° 34' 12"					E-48-32-A-a
xóm 2 Tây	DC	xã Diên Thọ	H. Diên Châu	18° 56' 06"	105° 33' 54"					E-48-32-A-a
xóm 3 Đông	DC	xã Diên Thọ	H. Diên Châu	18° 56' 24"	105° 34' 20"					E-48-32-A-a
xóm 3 Tây	DC	xã Diên Thọ	H. Diên Châu	18° 56' 14"	105° 34' 01"					E-48-32-A-a
xóm 4 Đông	DC	xã Diên Thọ	H. Diên Châu	18° 56' 18"	105° 34' 23"					E-48-32-A-a
xóm 4 Tây	DC	xã Diên Thọ	H. Diên Châu	18° 56' 16"	105° 34' 07"					E-48-32-A-a
xóm 5 Đông	DC	xã Diên Thọ	H. Diên Châu	18° 56' 16"	105° 34' 15"					E-48-32-A-a
xóm 5 Tây	DC	xã Diên Thọ	H. Diên Châu	18° 56' 21"	105° 34' 02"					E-48-32-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
xóm 6 Đông	DC	xã Diên Thọ	H. Diên Châu	18° 56' 09"	105° 34' 17"							E-48-32-A-a
xóm 6 Tây	DC	xã Diên Thọ	H. Diên Châu	18° 56' 26"	105° 34' 05"							E-48-32-A-a
xóm 7 Đông	DC	xã Diên Thọ	H. Diên Châu	18° 56' 00"	105° 34' 22"							E-48-32-A-a
xóm 7 Tây	DC	xã Diên Thọ	H. Diên Châu	18° 56' 32"	105° 34' 05"							E-48-32-A-a
xóm 8 Đông	DC	xã Diên Thọ	H. Diên Châu	18° 56' 05"	105° 34' 29"							E-48-32-A-a
xóm 8 Tây	DC	xã Diên Thọ	H. Diên Châu	18° 56' 33"	105° 33' 59"							E-48-32-A-a
xóm 9 Đông	DC	xã Diên Thọ	H. Diên Châu	18° 56' 10"	105° 34' 29"							E-48-32-A-a
xóm 9 Tây	DC	xã Diên Thọ	H. Diên Châu	18° 56' 35"	105° 33' 49"							E-48-32-A-a
xóm 10 Đông	DC	xã Diên Thọ	H. Diên Châu	18° 56' 09"	105° 34' 23"							E-48-32-A-a
xóm 10 Tây	DC	xã Diên Thọ	H. Diên Châu	18° 56' 23"	105° 33' 55"							E-48-32-A-a
xóm 11 Đông	DC	xã Diên Thọ	H. Diên Châu	18° 56' 05"	105° 34' 16"							E-48-32-A-a
xóm 11 Tây	DC	xã Diên Thọ	H. Diên Châu	18° 56' 28"	105° 33' 54"							E-48-32-A-a
kênh Nhà Lê	TV	xã Diên Thọ	H. Diên Châu			18° 50' 52"	105° 38' 50"	18° 58' 35"	105° 34' 23"			E-48-32-A-a
quốc lộ 1	KX	xã Diên Trung	H. Diên Châu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"			E-48-32-A-a
xóm 1A	DC	xã Diên Trung	H. Diên Châu	18° 55' 50"	105° 36' 21"							E-48-32-A-a
xóm 1B	DC	xã Diên Trung	H. Diên Châu	18° 55' 58"	105° 36' 47"							E-48-32-A-a
xóm 2A	DC	xã Diên Trung	H. Diên Châu	18° 55' 36"	105° 36' 28"							E-48-32-A-a
xóm 2B	DC	xã Diên Trung	H. Diên Châu	18° 55' 46"	105° 36' 40"							E-48-32-A-a
xóm 3	DC	xã Diên Trung	H. Diên Châu	18° 55' 42"	105° 36' 55"							E-48-32-A-a
xóm 4	DC	xã Diên Trung	H. Diên Châu	18° 55' 41"	105° 36' 43"							E-48-32-A-a
xóm 5	DC	xã Diên Trung	H. Diên Châu	18° 55' 24"	105° 36' 50"							E-48-32-A-a
xóm 6	DC	xã Diên Trung	H. Diên Châu	18° 55' 30"	105° 36' 24"							E-48-32-A-a
xóm 7A	DC	xã Diên Trung	H. Diên Châu	18° 55' 01"	105° 36' 32"							E-48-32-A-a
xóm 7B	DC	xã Diên Trung	H. Diên Châu	18° 55' 05"	105° 36' 53"							E-48-32-A-a
xóm 8	DC	xã Diên Trung	H. Diên Châu	18° 55' 10"	105° 37' 13"							E-48-32-A-a
xóm 9	DC	xã Diên Trung	H. Diên Châu	18° 55' 04"	105° 37' 23"							E-48-32-A-a
xóm 10	DC	xã Diên Trung	H. Diên Châu	18° 54' 54"	105° 37' 14"							E-48-32-A-b
xóm 11	DC	xã Diên Trung	H. Diên Châu	18° 54' 25"	105° 36' 29"							E-48-32-A-a
xóm 12A	DC	xã Diên Trung	H. Diên Châu	18° 54' 40"	105° 37' 17"							E-48-32-A-a
xóm 12B	DC	xã Diên Trung	H. Diên Châu	18° 54' 44"	105° 37' 32"							E-48-32-A-b
xóm 13	DC	xã Diên Trung	H. Diên Châu	18° 54' 37"	105° 37' 22"							E-48-32-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)			
xóm 14	DC	xã Diễn Trung	H. Diễn Châu	18° 54' 32"	105° 37' 33"							E-48-32-A-b
xóm 15	DC	xã Diễn Trung	H. Diễn Châu	18° 54' 22"	105° 36' 39"							E-48-32-A-a
đường Quốc Phòng	KX	xã Diễn Trung	H. Diễn Châu					18° 56' 15"	105° 29' 29"	18° 51' 58"	105° 41' 15"	E-48-32-A-a, E-48-32-A-b
	KX	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu					19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-C-c
quốc lộ 1	DC	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu	19° 05' 58"	105° 35' 48"							E-48-20-C-c
xóm 1B	DC	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu	19° 05' 23"	105° 35' 59"							E-48-20-C-c
xóm 2	DC	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu	19° 05' 34"	105° 35' 58"							E-48-20-C-c
xóm 3	DC	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu	19° 05' 41"	105° 36' 01"							E-48-20-C-c
xóm 4	DC	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu	19° 05' 50"	105° 36' 11"							E-48-20-C-c
xóm 5	DC	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu	19° 06' 01"	105° 36' 12"							E-48-20-C-c
xóm 6	DC	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu	19° 06' 09"	105° 36' 18"							E-48-20-C-c
xóm 7	DC	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu	19° 06' 21"	105° 36' 10"							E-48-20-C-c
xóm 8	DC	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu	19° 06' 06"	105° 36' 25"							E-48-20-C-c
xóm 9B	DC	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu	19° 06' 11"	105° 36' 24"							E-48-20-C-c
xóm 9N	DC	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu	19° 06' 19"	105° 36' 32"							E-48-20-C-c
xóm 10	DC	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu	19° 06' 27"	105° 36' 39"							E-48-20-C-c
xóm 11	DC	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu	19° 06' 01"	105° 36' 36"							E-48-20-C-c
xóm 12	DC	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu	19° 06' 24"	105° 36' 53"							E-48-20-C-c
xóm 13	DC	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu	19° 06' 11"	105° 36' 55"							E-48-20-C-c
xóm 14	DC	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu	19° 06' 00"	105° 36' 46"							E-48-20-C-c
xóm 15	DC	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu	19° 05' 40"	105° 36' 43"							E-48-20-C-c
xóm 16	DC	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu	19° 05' 33"	105° 36' 47"							E-48-20-C-c
xóm 17	DC	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu	19° 05' 46"	105° 36' 57"							E-48-20-C-c
xóm 18	DC	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu	19° 06' 03"	105° 35' 49"							E-48-20-C-c
xóm N1	TV	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu			18° 56' 26"	105° 25' 04"	18° 57' 40"	105° 36' 17"			E-48-20-C-a
kênh Sơn Tinh	TV	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu			19° 04' 16"	105° 34' 42"	19° 03' 30"	105° 37' 27"			E-48-20-C-c
sông Sơn Tinh	TV	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu			19° 06' 30"	105° 34' 08"	19° 05' 35"	105° 35' 43"			E-48-20-C-d
sông Cầu Bùng	TV	xã Diễn Vạn	H. Diễn Châu			19° 00' 18"	105° 35' 24"	19° 01' 43"	105° 36' 04"			E-48-20-C-c
xóm Đồng Ân	DC	xã Diễn Vạn	H. Diễn Châu	19° 02' 19"	105° 36' 03"							E-48-20-C-c
xóm Đồng Hà	DC	xã Diễn Vạn	H. Diễn Châu	19° 02' 07"	105° 35' 47"							E-48-20-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)			
sông Lạch Vạn	TV	xã Diễn Vạn	H. Diễn Châu			19° 01' 43"	105° 36' 04"	18° 59' 00"	105° 36' 48"	E-48-20-C-c		
xóm Trung Hậu	DC	xã Diễn Vạn	H. Diễn Châu	19° 01' 52"	105° 36' 10"					E-48-20-C-c		
xóm Trung Phú	DC	xã Diễn Vạn	H. Diễn Châu	19° 02' 01"	105° 36' 10"					E-48-20-C-c		
kênh Vách Bắc	TV	xã Diễn Vạn	H. Diễn Châu			19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"	E-48-20-C-c		
xóm Vạn Đông	DC	xã Diễn Vạn	H. Diễn Châu	19° 01' 58"	105° 36' 32"					E-48-20-C-c		
xóm Vạn Nam	DC	xã Diễn Vạn	H. Diễn Châu	19° 01' 32"	105° 35' 52"					E-48-20-C-c		
xóm Vạn Tài	DC	xã Diễn Vạn	H. Diễn Châu	19° 01' 04"	105° 35' 34"					E-48-20-C-c		
xóm Xuân Bắc	DC	xã Diễn Vạn	H. Diễn Châu	19° 02' 08"	105° 35' 31"					E-48-20-C-c		
xóm Yên Đồng	DC	xã Diễn Vạn	H. Diễn Châu	19° 02' 08"	105° 36' 02"					E-48-20-C-c		
xóm 1	DC	xã Diễn Xuân	H. Diễn Châu	19° 00' 38"	105° 33' 52"					E-48-20-C-c		
xóm 2	DC	xã Diễn Xuân	H. Diễn Châu	19° 00' 49"	105° 33' 47"					E-48-20-C-c		
xóm 3	DC	xã Diễn Xuân	H. Diễn Châu	19° 00' 50"	105° 33' 50"					E-48-20-C-c		
xóm 4	DC	xã Diễn Xuân	H. Diễn Châu	19° 01' 12"	105° 33' 45"					E-48-20-C-c		
xóm 5	DC	xã Diễn Xuân	H. Diễn Châu	19° 01' 21"	105° 33' 42"					E-48-20-C-c		
xóm 6	DC	xã Diễn Xuân	H. Diễn Châu	19° 01' 36"	105° 33' 43"					E-48-20-C-c		
xóm 7	DC	xã Diễn Xuân	H. Diễn Châu	19° 00' 57"	105° 33' 49"					E-48-20-C-c		
xóm 8	DC	xã Diễn Xuân	H. Diễn Châu	19° 01' 06"	105° 33' 53"					E-48-20-C-c		
xóm 9	DC	xã Diễn Xuân	H. Diễn Châu	19° 00' 28"	105° 33' 50"					E-48-20-C-c		
xóm 10	DC	xã Diễn Xuân	H. Diễn Châu	19° 00' 16"	105° 33' 56"					E-48-20-C-c		
đường tỉnh 538	KX	xã Diễn Xuân	H. Diễn Châu			19° 00' 42"	105° 35' 09"	18° 55' 25"	105° 26' 30"	E-48-20-C-c		
quốc lộ 1	KX	xã Diễn Yên	H. Diễn Châu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-C-c		
xóm 1	DC	xã Diễn Yên	H. Diễn Châu	19° 05' 07"	105° 36' 28"					E-48-20-C-c		
xóm 2	DC	xã Diễn Yên	H. Diễn Châu	19° 04' 57"	105° 36' 28"					E-48-20-C-c		
xóm 3	DC	xã Diễn Yên	H. Diễn Châu	19° 04' 38"	105° 36' 16"					E-48-20-C-c		
xóm 4	DC	xã Diễn Yên	H. Diễn Châu	19° 04' 53"	105° 35' 48"					E-48-20-C-c		
xóm 5	DC	xã Diễn Yên	H. Diễn Châu	19° 04' 47"	105° 35' 38"					E-48-20-C-c		
xóm 6	DC	xã Diễn Yên	H. Diễn Châu	19° 04' 44"	105° 35' 53"					E-48-20-C-c		
xóm 7	DC	xã Diễn Yên	H. Diễn Châu	19° 04' 35"	105° 35' 49"					E-48-20-C-c		
xóm 8	DC	xã Diễn Yên	H. Diễn Châu	19° 04' 31"	105° 35' 48"					E-48-20-C-c		
xóm 9	DC	xã Diễn Yên	H. Diễn Châu	19° 04' 15"	105° 35' 30"					E-48-20-C-c		
xóm 10	DC	xã Diễn Yên	H. Diễn Châu	19° 04' 32"	105° 35' 31"					E-48-20-C-c		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 11	DC	xã Diên Yên	H. Diên Châu	19° 04' 13"	105° 35' 46"					E-48-20-C-c
xóm 12	DC	xã Diên Yên	H. Diên Châu	19° 04' 18"	105° 35' 54"					E-48-20-C-c
xóm 13	DC	xã Diên Yên	H. Diên Châu	19° 05' 08"	105° 34' 14"					E-48-20-C-c
xóm 14	DC	xã Diên Yên	H. Diên Châu	19° 05' 46"	105° 34' 28"					E-48-20-C-c
xóm 15	DC	xã Diên Yên	H. Diên Châu	19° 05' 49"	105° 34' 10"					E-48-20-C-c
xóm 16	DC	xã Diên Yên	H. Diên Châu	19° 05' 08"	105° 35' 14"					E-48-20-C-c
xóm 17	DC	xã Diên Yên	H. Diên Châu	19° 04' 39"	105° 35' 05"					E-48-20-C-c
quốc lộ 48	KX	xã Diên Yên	H. Diên Châu			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-20-C-c
núi Hòn Rồng	SV	xã Diên Yên	H. Diên Châu	19° 05' 02"	105° 33' 39"					E-48-20-C-c
cầu Khe Cát	KX	xã Diên Yên	H. Diên Châu	19° 05' 46"	105° 34' 34"					E-48-20-C-c
kênh N201	TV	xã Diên Yên	H. Diên Châu			18° 56' 26"	105° 25' 04"	18° 57' 40"	105° 36' 17"	E-48-20-C-a
kênh Sơn Tinh	TV	xã Diên Hoàng	H. Diên Châu			19° 04' 16"	105° 34' 42"	19° 03' 30"	105° 37' 27"	E-48-20-C-c
cầu Yên Lý	KX	xã Diên Yên	H. Diên Châu	19° 05' 01"	105° 35' 09"					E-48-20-C-c
ga Yên Lý	KX	xã Diên Yên	H. Diên Châu	19° 04' 37"	105° 35' 01"					E-48-20-C-c
khối 1	DC	TT. Đô Lương	H. Đô Lương	18° 54' 23"	105° 18' 10"					E-48-31-B-a
khối 2	DC	TT. Đô Lương	H. Đô Lương	18° 54' 19"	105° 18' 32"					E-48-31-B-a
khối 3	DC	TT. Đô Lương	H. Đô Lương	18° 54' 18"	105° 18' 37"					E-48-31-B-a
khối 4	DC	TT. Đô Lương	H. Đô Lương	18° 54' 10"	105° 18' 30"					E-48-31-B-a
khối 5	DC	TT. Đô Lương	H. Đô Lương	18° 54' 15"	105° 18' 27"					E-48-31-B-a
khối 6	DC	TT. Đô Lương	H. Đô Lương	18° 54' 11"	105° 18' 22"					E-48-31-B-a
khối 7	DC	TT. Đô Lương	H. Đô Lương	18° 54' 06"	105° 18' 17"					E-48-31-B-a
quốc lộ 7	KX	TT. Đô Lương	H. Đô Lương			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-31-B-a
khối 8	DC	TT. Đô Lương	H. Đô Lương	18° 54' 05"	105° 18' 10"					E-48-31-B-a
khối 9	DC	TT. Đô Lương	H. Đô Lương	18° 53' 58"	105° 18' 03"					E-48-31-B-a
khối 10	DC	TT. Đô Lương	H. Đô Lương	18° 54' 01"	105° 17' 51"					E-48-31-B-a
quốc lộ 15	KX	TT. Đô Lương	H. Đô Lương			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-31-B-a
quốc lộ 46B	KX	TT. Đô Lương	H. Đô Lương			18° 53' 20"	105° 18' 32"	18° 44' 07"	105° 22' 18"	E-48-31-B-a
Sông Lam	TV	TT. Đô Lương	H. Đô Lương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-a
xóm 1	DC	xã Bắc Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 06"	105° 15' 42"					E-48-31-B-a
xóm 2	DC	xã Bắc Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 19"	105° 15' 48"					E-48-31-B-a
xóm 3	DC	xã Bắc Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 22"	105° 15' 59"					E-48-31-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 4	DC	xã Bắc Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 31"	105° 16' 04"					E-48-31-B-a
xóm 5	DC	xã Bắc Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 53"	105° 16' 32"					E-48-31-B-a
xóm 6	DC	xã Bắc Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 41"	105° 16' 46"					E-48-31-B-a
xóm 7	DC	xã Bắc Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 32"	105° 16' 53"					E-48-31-B-a
xóm 8	DC	xã Bắc Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 01"	105° 17' 10"					E-48-31-B-a
Sông Lam	TV	xã Bắc Sơn	H. Đô Lương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-a
đập Đá Bàn	TV	xã Bài Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 16"	105° 20' 43"					E-48-31-B-a
xóm Đò Sơn	DC	xã Bài Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 37"	105° 20' 45"					E-48-31-B-a
núi Gốc Lim	SV	xã Bài Sơn	H. Đô Lương	18° 57' 42"	105° 21' 06"					E-48-31-B-a
xóm Hương Sơn	DC	xã Bài Sơn	H. Đô Lương	18° 57' 36"	105° 20' 56"					E-48-31-B-a
suối Khe Qum	TV	xã Bài Sơn	H. Đô Lương			18° 57' 10"	105° 20' 22"	18° 58' 00"	105° 17' 30"	E-48-31-B-a
xóm Lạc Sơn	DC	xã Bài Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 53"	105° 20' 01"					E-48-31-B-a
xóm Liên Sơn	DC	xã Bài Sơn	H. Đô Lương	18° 57' 10"	105° 20' 44"					E-48-31-B-a
xóm Mỹ Sơn	DC	xã Bài Sơn	H. Đô Lương	18° 57' 33"	105° 20' 33"					E-48-31-B-a
đập Năm Khe	TV	xã Bài Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 15"	105° 20' 22"					E-48-31-B-a
xóm Tân Sơn	DC	xã Bài Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 36"	105° 20' 08"					E-48-31-B-a
xóm Thái Sơn	DC	xã Bài Sơn	H. Đô Lương	18° 57' 03"	105° 19' 39"					E-48-31-B-a
núi Trảng Dinh	SV	xã Bài Sơn	H. Đô Lương	18° 57' 59"	105° 19' 18"					E-48-31-B-a
xóm Xuân Sơn	DC	xã Bài Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 54"	105° 20' 45"					E-48-31-B-a
núi Yên Du	SV	xã Bài Sơn	H. Đô Lương	18° 57' 48"	105° 19' 42"					E-48-31-B-a
xóm Yên Sơn	DC	xã Bài Sơn	H. Đô Lương	18° 57' 34"	105° 19' 03"					E-48-31-B-a
xóm 1	DC	xã Bôi Sơn	H. Đô Lương	18° 57' 05"	105° 16' 03"					E-48-31-B-a
xóm 2	DC	xã Bôi Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 45"	105° 16' 17"					E-48-31-B-a
xóm 3	DC	xã Bôi Sơn	H. Đô Lương	18° 57' 07"	105° 16' 24"					E-48-31-B-a
xóm 4	DC	xã Bôi Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 53"	105° 16' 46"					E-48-31-B-a
xóm 5	DC	xã Bôi Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 53"	105° 16' 46"					E-48-31-B-a
xóm 6	DC	xã Bôi Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 11"	105° 16' 45"					E-48-31-B-a
xóm 7	DC	xã Bôi Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 39"	105° 17' 05"					E-48-31-B-a
xóm 8	DC	xã Bôi Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 56"	105° 17' 16"					E-48-31-B-a
suối Cây Thị	TV	xã Bôi Sơn	H. Đô Lương			18° 59' 25"	105° 19' 58"	18° 55' 42"	105° 17' 25"	E-48-31-B-a
Sông Lam	TV	xã Bôi Sơn	H. Đô Lương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
núi Lèn Vút	SV	xã Bồi Sơn	H. Đò Lương	18° 58' 19"	105° 16' 26"					E-48-31-B-a
xóm 1	DC	xã Đà Sơn	H. Đò Lương	18° 53' 23"	105° 17' 55"					E-48-31-B-a
xóm 2	DC	xã Đà Sơn	H. Đò Lương	18° 53' 12"	105° 17' 58"					E-48-31-B-a
xóm 3	DC	xã Đà Sơn	H. Đò Lương	18° 53' 04"	105° 18' 04"					E-48-31-B-a
xóm 4	DC	xã Đà Sơn	H. Đò Lương	18° 53' 00"	105° 18' 41"					E-48-31-B-a
xóm 5	DC	xã Đà Sơn	H. Đò Lương	18° 52' 59"	105° 18' 12"					E-48-31-B-a
xóm 6	DC	xã Đà Sơn	H. Đò Lương	18° 52' 50"	105° 18' 12"					E-48-31-B-a
xóm 7	DC	xã Đà Sơn	H. Đò Lương	18° 52' 44"	105° 18' 18"					E-48-31-B-a
xóm 8	DC	xã Đà Sơn	H. Đò Lương	18° 52' 33"	105° 18' 28"					E-48-31-B-a
xóm 9	DC	xã Đà Sơn	H. Đò Lương	18° 52' 22"	105° 18' 00"					E-48-31-B-c
xóm 10	DC	xã Đà Sơn	H. Đò Lương	18° 52' 39"	105° 17' 52"					E-48-31-B-a
xóm 11	DC	xã Đà Sơn	H. Đò Lương	18° 53' 14"	105° 18' 26"					E-48-31-B-a
xóm 12	DC	xã Đà Sơn	H. Đò Lương	18° 53' 16"	105° 18' 38"					E-48-31-B-a
quốc lộ 15	KX	xã Đà Sơn	H. Đò Lương			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-31-B-a
quốc lộ 46B	KX	xã Đà Sơn	H. Đò Lương			18° 53' 20"	105° 18' 32"	18° 44' 07"	105° 22' 18"	E-48-31-B-a
Sông Lam	TV	xã Đà Sơn	H. Đò Lương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-a
xóm 1	DC	xã Đại Sơn	H. Đò Lương	18° 52' 26"	105° 27' 49"					E-48-31-B-d
xóm 2	DC	xã Đại Sơn	H. Đò Lương	18° 52' 10"	105° 26' 56"					E-48-31-B-d
xóm 3	DC	xã Đại Sơn	H. Đò Lương	18° 51' 53"	105° 27' 38"					E-48-31-B-d
xóm 4	DC	xã Đại Sơn	H. Đò Lương	18° 51' 18"	105° 27' 35"					E-48-31-B-d
xóm 5	DC	xã Đại Sơn	H. Đò Lương	18° 51' 01"	105° 27' 13"					E-48-31-B-d
xóm 6	DC	xã Đại Sơn	H. Đò Lương	18° 50' 36"	105° 27' 23"					E-48-31-B-d
xóm 7	DC	xã Đại Sơn	H. Đò Lương	18° 50' 15"	105° 27' 22"					E-48-31-B-d
xóm 8	DC	xã Đại Sơn	H. Đò Lương	18° 50' 13"	105° 27' 32"					E-48-31-B-d
xóm 9	DC	xã Đại Sơn	H. Đò Lương	18° 50' 17"	105° 28' 01"					E-48-31-B-d
xóm 10	DC	xã Đại Sơn	H. Đò Lương	18° 50' 00"	105° 27' 45"					E-48-31-B-d
xóm 11	DC	xã Đại Sơn	H. Đò Lương	18° 48' 13"	105° 27' 36"					E-48-31-B-d
sông Bao A	TV	xã Đại Sơn	H. Đò Lương			18° 51' 09"	105° 28' 38"	18° 50' 32"	105° 24' 20"	E-48-31-B-d
sông Bao Tham	TV	xã Đại Sơn	H. Đò Lương			18° 51' 03"	105° 17' 52"	18° 50' 05"	105° 19' 52"	E-48-31-B-d
núi Động Khơ	SV	xã Đại Sơn	H. Đò Lương	18° 51' 24"	105° 26' 41"					E-48-31-B-d
núi Động Trí	SV	xã Đại Sơn	H. Đò Lương	18° 52' 48"	105° 27' 19"					E-48-31-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Vàng Neo	SV	xã Đại Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 35"	105° 26' 51"					E-48-31-B-b, E-48-31-B-d
xóm 1	DC	xã Đặng Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 37"	105° 17' 34"					E-48-31-B-a
xóm 2	DC	xã Đặng Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 23"	105° 17' 36"					E-48-31-B-a
xóm 3	DC	xã Đặng Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 37"	105° 16' 17"					E-48-31-B-a
xóm 4	DC	xã Đặng Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 30"	105° 17' 39"					E-48-31-B-a
xóm 5	DC	xã Đặng Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 32"	105° 16' 09"					E-48-31-B-a
xóm 6	DC	xã Đặng Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 30"	105° 17' 39"					E-48-31-B-a
quốc lộ 7	KX	xã Đặng Sơn	H. Đô Lương			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-31-B-a
xóm 7	DC	xã Đặng Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 49"	105° 17' 29"					E-48-31-B-a
đập Ba Ra	TV	xã Đặng Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 47"	105° 17' 46"					E-48-31-B-a
cầu Đô Lương	KX	xã Đặng Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 06"	105° 17' 30"					E-48-31-B-a
Sông Lam	TV	xã Đặng Sơn	H. Đô Lương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-a
xóm 1	DC	xã Đông Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 58"	105° 19' 16"					E-48-31-B-a
xóm 2	DC	xã Đông Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 06"	105° 19' 07"					E-48-31-B-a
xóm 3	DC	xã Đông Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 55"	105° 19' 13"					E-48-31-B-a
xóm 4	DC	xã Đông Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 20"	105° 19' 04"					E-48-31-B-a
xóm 5	DC	xã Đông Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 07"	105° 19' 10"					E-48-31-B-a
xóm 6	DC	xã Đông Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 24"	105° 18' 38"					E-48-31-B-a
xóm 7	DC	xã Đông Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 43"	105° 18' 36"					E-48-31-B-a
xóm 8	DC	xã Đông Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 48"	105° 18' 27"					E-48-31-B-a
quốc lộ 15	KX	xã Đông Sơn	H. Đô Lương			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-31-B-a
đập Bà Cự Thường	TV	xã Đông Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 45"	105° 18' 55"					E-48-31-B-a
cầu Ba Ra	KX	xã Đông Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 58"	105° 17' 57"					E-48-31-B-a
Núi Cam	SV	xã Đông Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 56"	105° 18' 46"					E-48-31-B-a
Núi Cơm	SV	xã Đông Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 29"	105° 19' 31"					E-48-31-B-a
Kênh Đào	TV	xã Đông Sơn	H. Đô Lương			18° 54' 17"	105° 21' 12"	18° 54' 52"	105° 17' 49"	E-48-31-B-a
núi Eo Động Giang	SV	xã Đông Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 01"	105° 19' 32"					E-48-31-B-a
suối Khe Qum	TV	xã Đông Sơn	H. Đô Lương			18° 57' 10"	105° 20' 22"	18° 58' 00"	105° 17' 30"	E-48-31-B-a
Sông Lam	TV	xã Đông Sơn	H. Đô Lương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-a
Chợ Lường	KX	xã Đông Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 33"	105° 18' 24"					E-48-31-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Thống Nhất	DC	xã Đông Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 58"	105° 18' 56"						E-48-31-B-a	
quốc lộ 15	KX	xã Giang Sơn Đông	H. Đô Lương			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"		E-48-19-D-c	
xóm Đông Sơn	DC	xã Giang Sơn Đông	H. Đô Lương	19° 00' 29"	105° 17' 41"						E-48-19-D-c	
xóm Đồng Xuân	DC	xã Giang Sơn Đông	H. Đô Lương	19° 00' 40"	105° 17' 00"						E-48-19-D-c	
xóm Hoà Bình	DC	xã Giang Sơn Đông	H. Đô Lương	19° 00' 53"	105° 17' 13"						E-48-19-D-c	
xóm Liên Giang	DC	xã Giang Sơn Đông	H. Đô Lương	18° 59' 40"	105° 17' 24"						E-48-31-B-a	
xóm Mỹ Hoà	DC	xã Giang Sơn Đông	H. Đô Lương	19° 01' 26"	105° 17' 23"						E-48-19-D-c	
xóm Nam Tân	DC	xã Giang Sơn Đông	H. Đô Lương	19° 01' 26"	105° 18' 20"						E-48-19-D-c	
xóm Nguyễn Tạo	DC	xã Giang Sơn Đông	H. Đô Lương	19° 00' 32"	105° 16' 31"						E-48-19-D-c	
Xóm Phố	DC	xã Giang Sơn Đông	H. Đô Lương	19° 00' 21"	105° 17' 07"						E-48-19-D-c	
xóm Phương Đông	DC	xã Giang Sơn Đông	H. Đô Lương	19° 01' 40"	105° 18' 28"						E-48-19-D-c	
xóm Quang Giang	DC	xã Giang Sơn Đông	H. Đô Lương	19° 01' 05"	105° 17' 48"						E-48-19-D-c	
xóm Quang Mỹ	DC	xã Giang Sơn Đông	H. Đô Lương	19° 00' 50"	105° 18' 23"						E-48-19-D-c	
xóm Tân Tiến	DC	xã Giang Sơn Đông	H. Đô Lương	19° 01' 06"	105° 16' 37"						E-48-19-D-c	
xóm Tây Xuân	DC	xã Giang Sơn Đông	H. Đô Lương	19° 00' 39"	105° 16' 42"						E-48-19-D-c	
xóm Thị Tứ	DC	xã Giang Sơn Đông	H. Đô Lương	19° 00' 21"	105° 16' 47"						E-48-19-D-c	
xóm Thịnh Đông	DC	xã Giang Sơn Đông	H. Đô Lương	19° 00' 45"	105° 16' 04"						E-48-19-D-c	
xóm Xuân Thịnh	DC	xã Giang Sơn Đông	H. Đô Lương	19° 00' 12"	105° 17' 50"						E-48-19-D-c	
xóm Yên Lương	DC	xã Giang Sơn Đông	H. Đô Lương	19° 01' 21"	105° 17' 44"						E-48-19-D-c	
xóm Yên Sơn	DC	xã Giang Sơn Đông	H. Đô Lương	18° 59' 41'	105° 17' 32"						E-48-31-B-a	
xóm Yên Tân	DC	xã Giang Sơn Đông	H. Đô Lương	19° 01' 33"	105° 18' 01"						E-48-19-D-c	
xóm Bắc Giang	DC	xã Giang Sơn Tây	H. Đô Lương	18° 59' 11"	105° 14' 59"						E-48-31-B-a, E-48-31-A	
xóm Bắc Lam	DC	xã Giang Sơn Tây	H. Đô Lương	18° 59' 29"	105° 16' 12"						E-48-31-B-a	
xóm Bắc Long	DC	xã Giang Sơn Tây	H. Đô Lương	18° 59' 33"	105° 16' 44"						E-48-31-B-a	
xóm Đồng Minh	DC	xã Giang Sơn Tây	H. Đô Lương	18° 59' 39"	105° 15' 48"						E-48-31-B-a	
đập Đồng Thiêng	TV	xã Giang Sơn Tây	H. Đô Lương	18° 59' 35"	105° 15' 07"						E-48-31-B-a	
xóm Lê Lai	DC	xã Giang Sơn Tây	H. Đô Lương	18° 59' 59"	105° 15' 56"						E-48-31-B-a	
xóm Minh Thuận	DC	xã Giang Sơn Tây	H. Đô Lương	18° 59' 36"	105° 14' 47"						E-48-31-A	
đập Mộ Dạ	TV	xã Giang Sơn Tây	H. Đô Lương	19° 00' 22"	105° 15' 32"						E-48-19-D-c	
xóm Ngọc Mỹ	DC	xã Giang Sơn Tây	H. Đô Lương	18° 59' 28"	105° 15' 28"						E-48-31-B-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Ngọc Thành	DC	xã Giang Sơn Tây	H. Đồ Lương	18° 58' 50"	105° 15' 52"					E-48-31-B-a
Núi Nhuyễn	SV	xã Giang Sơn Tây	H. Đồ Lương	18° 58' 34"	105° 16' 07"					E-48-31-B-a
xóm Quang Trung	DC	xã Giang Sơn Tây	H. Đồ Lương	19° 00' 03"	105° 15' 15"					E-48-19-D-c
xóm Quyết Thắng	DC	xã Giang Sơn Tây	H. Đồ Lương	18° 59' 01"	105° 15' 18"					E-48-31-B-a
xóm Trảng Giang	DC	xã Giang Sơn Tây	H. Đồ Lương	18° 59' 13"	105° 15' 44"					E-48-31-B-a
xóm Trung Hậu	DC	xã Giang Sơn Tây	H. Đồ Lương	19° 00' 05"	105° 16' 26"					E-48-31-B-a
xóm Ba Mười	DC	xã Hiến Sơn	H. Đồ Lương	18° 51' 27"	105° 25' 02"					E-48-31-B-d
đập Ba Thi	TV	xã Hiến Sơn	H. Đồ Lương	18° 26' 02"	105° 26' 02"					E-48-31-B-d
núi Động Khơ	SV	xã Hiến Sơn	H. Đồ Lương	18° 51' 24"	105° 26' 41"					E-48-31-B-d
xóm Gia Khách	DC	xã Hiến Sơn	H. Đồ Lương	18° 50' 44"	105° 24' 15"					E-48-31-B-d
xóm Hoà Bắc	DC	xã Hiến Sơn	H. Đồ Lương	18° 50' 44"	105° 25' 15"					E-48-31-B-d
xóm Hoà Long	DC	xã Hiến Sơn	H. Đồ Lương	18° 50' 45"	105° 25' 41"					E-48-31-B-d
xóm Hoà Minh	DC	xã Hiến Sơn	H. Đồ Lương	18° 51' 19"	105° 24' 47"					E-48-31-B-d
xóm Hoà Nam	DC	xã Hiến Sơn	H. Đồ Lương	18° 50' 33"	105° 25' 14"					E-48-31-B-d
xóm Hoà Phú	DC	xã Hiến Sơn	H. Đồ Lương	18° 50' 26"	105° 25' 47"					E-48-31-B-d
xóm Hoà Thanh	DC	xã Hiến Sơn	H. Đồ Lương	18° 51' 13"	105° 24' 29"					E-48-31-B-d
xóm Hoà Thiện	DC	xã Hiến Sơn	H. Đồ Lương	18° 51' 19"	105° 25' 53"					E-48-31-B-d
xóm Hoà Thọ	DC	xã Hiến Sơn	H. Đồ Lương	18° 50' 40"	105° 25' 48"					E-48-31-B-d
xóm Hoà Yên	DC	xã Hiến Sơn	H. Đồ Lương	18° 50' 41"	105° 24' 50"					E-48-31-B-d
Bàu Mới	TV	xã Hiến Sơn	H. Đồ Lương		18° 51' 09"	105° 28' 38"	18° 50' 32"	105° 24' 20"		E-48-31-B-d
xóm Rú Đền	DC	xã Hiến Sơn	H. Đồ Lương	18° 51' 36"	105° 25' 40"					E-48-31-B-d
thôn Rú Hối	DC	xã Hiến Sơn	H. Đồ Lương	18° 50' 45"	105° 26' 22"					E-48-31-B-d
xóm Thanh Lương	DC	xã Hiến Sơn	H. Đồ Lương	18° 51' 55"	105° 26' 33"					E-48-31-B-d
đập Trọt Lãng	TV	xã Hiến Sơn	H. Đồ Lương	18° 51' 29"	105° 26' 14"					E-48-31-B-d
thôn Văn Đồng	DC	xã Hiến Sơn	H. Đồ Lương	18° 51' 10"	105° 25' 19"					E-48-31-B-d
núi Vàng Neo	SV	xã Hiến Sơn	H. Đồ Lương	18° 52' 35"	105° 26' 51"					E-48-31-B-b, E-48-31-B-d
quốc lộ 7	KX	xã Hoà Sơn	H. Đồ Lương			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-31-B-a E-48-31-B-b
Động Cao	SV	xã Hoà Sơn	H. Đồ Lương	18° 54' 14"	105° 23' 05"					E-48-31-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu			Toạ độ điểm cuối			
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
xóm Cồn Mội	DC	xã Hoà Sơn	H. Đố Lương	18° 54' 31"	105° 21' 35"			18° 45' 12"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	105° 29' 35"	E-48-31-B-a
Sông Đào	TV	xã Hoà Sơn	H. Đố Lương									E-48-32-C-a
Đập Đình	TV	xã Hoà Sơn	H. Đố Lương	18° 55' 14"	105° 20' 55"							E-48-31-B-a
xóm Đông Xuân	DC	xã Hoà Sơn	H. Đố Lương	18° 54' 11"	105° 21' 53"							E-48-31-B-a
xóm Hiệp Hoà	DC	xã Hoà Sơn	H. Đố Lương	18° 54' 37"	105° 22' 00"							E-48-31-B-a
xóm Hồ Sen	DC	xã Hoà Sơn	H. Đố Lương	18° 53' 20"	105° 21' 32"							E-48-31-B-a
Cầu Khuôn	KX	xã Hoà Sơn	H. Đố Lương	18° 53' 46"	105° 21' 10"							E-48-31-B-a
Xóm Khuôn	DC	xã Hoà Sơn	H. Đố Lương	18° 53' 45"	105° 21' 17"							E-48-31-B-a
xóm Minh Thọ	DC	xã Hoà Sơn	H. Đố Lương	18° 53' 33'	105° 22' 05"							E-48-31-B-a
xóm Mỹ Hoà	DC	xã Hoà Sơn	H. Đố Lương	18° 54' 37"	105° 22' 39"							E-48-31-B-b
Suối Sau	TV	xã Hoà Sơn	H. Đố Lương					18° 54' 16"	105° 21' 10"	18° 51' 05"	105° 22' 29"	E-48-31-B-a, E-48-31-B-c
Núi Ti	SV	xã Hoà Sơn	H. Đố Lương	18° 53' 21"	105° 22' 24"							E-48-31-B-a, E-48-31-B-b
xóm Vạn Yên	DC	xã Hoà Sơn	H. Đố Lương	18° 54' 11"	105° 22' 18"							E-48-31-B-a
xóm Vũ Vũ	DC	xã Hoà Sơn	H. Đố Lương	18° 53' 42"	105° 22' 28"							E-48-31-B-a, E-48-31-B-b
xóm Yên Sơn 1	DC	xã Hoà Sơn	H. Đố Lương	18° 54' 54"	105° 21' 12"							E-48-31-B-a
xóm Yên Sơn 2	DC	xã Hoà Sơn	H. Đố Lương	18° 54' 35"	105° 21' 15"							E-48-31-B-a
xóm 1	DC	xã Hồng Sơn	H. Đố Lương	18° 57' 28"	105° 17' 24"							E-48-31-B-a
xóm 2	DC	xã Hồng Sơn	H. Đố Lương	18° 57' 38"	105° 17' 42"							E-48-31-B-a
xóm 3	DC	xã Hồng Sơn	H. Đố Lương	18° 57' 28"	105° 18' 10"							E-48-31-B-a
xóm 4	DC	xã Hồng Sơn	H. Đố Lương	18° 57' 51"	105° 17' 41"							E-48-31-B-a
xóm 5	DC	xã Hồng Sơn	H. Đố Lương	18° 57' 57"	105° 18' 43"							E-48-31-B-a
xóm 6	DC	xã Hồng Sơn	H. Đố Lương	18° 58' 27"	105° 18' 13"							E-48-31-B-a
xóm 7	DC	xã Hồng Sơn	H. Đố Lương	18° 58' 59"	105° 17' 58"							E-48-31-B-a
xóm 8	DC	xã Hồng Sơn	H. Đố Lương	18° 58' 18"	105° 16' 54"							E-48-31-B-a
xóm 9	DC	xã Hồng Sơn	H. Đố Lương	18° 58' 32"	105° 17' 27"							E-48-31-B-a
quốc lộ 15	KX	xã Hồng Sơn	H. Đố Lương					19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-31-B-a
suối Cây Thị	TV	xã Hồng Sơn	H. Đố Lương					18° 59' 25"	105° 19' 58"	18° 55' 42"	105° 17' 25"	E-48-31-B-a
núi Đồng Quan	SV	xã Hồng Sơn	H. Đố Lương	18° 58' 25"	105° 18' 48"							E-48-31-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
cầu Hồng Sơn	KX	xã Hồng Sơn	H. Đô Lương	18° 58' 19"	105° 17' 24"					E-48-31-B-a
suối Khe Qum	TV	xã Hồng Sơn	H. Đô Lương			18° 57' 10"	105° 20' 22"	18° 58' 00"	105° 17' 30"	E-48-31-B-a
núi Lèn Vút	SV	xã Hồng Sơn	H. Đô Lương	18° 58' 19"	105° 16' 26"					E-48-31-B-a
Núi Nhuyên	SV	xã Hồng Sơn	H. Đô Lương	18° 58' 34"	105° 16' 07"					E-48-31-B-a
cầu Tiên Nông	KX	xã Hồng Sơn	H. Đô Lương	18° 57' 49"	105° 17' 20"					E-48-31-B-a
núi Trảng Dinh	SV	xã Hồng Sơn	H. Đô Lương	18° 57' 59"	105° 19' 18"					E-48-31-B-a
xóm 1	DC	xã Lạc Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 47"	105° 18' 31"					E-48-31-B-c
xóm 2	DC	xã Lạc Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 42"	105° 18' 41"					E-48-31-B-a
xóm 3	DC	xã Lạc Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 01"	105° 18' 58"					E-48-31-B-a
xóm 4	DC	xã Lạc Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 54"	105° 18' 46"					E-48-31-B-a
xóm 5	DC	xã Lạc Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 43"	105° 19' 14"					E-48-31-B-a
xóm 6	DC	xã Lạc Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 38"	105° 19' 25"					E-48-31-B-a
xóm 7	DC	xã Lạc Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 47"	105° 19' 29"					E-48-31-B-a
xóm 8	DC	xã Lạc Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 49"	105° 19' 50"					E-48-31-B-a
xóm 9	DC	xã Lạc Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 22"	105° 20' 21"					E-48-31-B-c
xóm 10	DC	xã Lạc Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 17"	105° 20' 24"					E-48-31-B-c
quốc lộ 15	KX	xã Lạc Sơn	H. Đô Lương			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-31-B-a, E-48-31-B-c
xóm 1	DC	xã Lam Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 10"	105° 15' 05"					E-48-31-A, E-48-31-B-a
xóm 2	DC	xã Lam Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 37"	105° 14' 35"					E-48-31-B-a
xóm 3	DC	xã Lam Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 03"	105° 15' 43"					E-48-31-B-a
xóm 4	DC	xã Lam Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 11"	105° 15' 50"					E-48-31-B-a
xóm 5	DC	xã Lam Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 44"	105° 15' 57"					E-48-31-B-a
xóm 6	DC	xã Lam Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 50"	105° 15' 29"					E-48-31-B-a
xóm 7	DC	xã Lam Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 52"	105° 14' 53"					E-48-31-A, E-48-31-B-a
xóm 8	DC	xã Lam Sơn	H. Đô Lương	18° 57' 18"	105° 15' 41"					E-48-31-B-a
xóm 9	DC	xã Lam Sơn	H. Đô Lương	18° 57' 17"	105° 15' 23"					E-48-31-B-a
xóm 10	DC	xã Lam Sơn	H. Đô Lương	18° 57' 45"	105° 15' 37"					E-48-31-B-a
xóm 11	DC	xã Lam Sơn	H. Đô Lương	18° 57' 51"	105° 15' 13"					E-48-31-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)			
xóm 12	DC	xã Lam Sơn	H. Đô Lương	18° 57' 52"	105° 14' 43"							E-48-31-A, E-48-31-B-a
xóm 13	DC	xã Lam Sơn	H. Đô Lương	18° 57' 31"	105° 14' 52"							E-48-31-A, E-48-31-B-a
xóm 14	DC	xã Lam Sơn	H. Đô Lương	18° 58' 23"	105° 15' 00"							E-48-31-A, E-48-31-B-a
đập Cồn Lều	TV	xã Lam Sơn	H. Đô Lương	18° 58' 11	105° 14' 38"							E-48-31-A
Núi Hội	SV	xã Lam Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 33"	105° 14' 35"							E-48-31-B-a
quốc lộ 7	KX	xã Lưu Sơn	H. Đô Lương			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"			E-48-31-B-a
xóm Điện Biên	DC	xã Lưu Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 56"	105° 16' 57"							E-48-31-B-a
xóm Diên Hồng	DC	xã Lưu Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 47"	105° 17' 34"							E-48-31-B-a
xóm Diên Tiên	DC	xã Lưu Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 58"	105° 17' 37"							E-48-31-B-a
cầu Đô Lương	KX	xã Lưu Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 06"	105° 17' 30"							E-48-31-B-a
xóm Hồng Phong	DC	xã Lưu Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 57"	105° 16' 13"							E-48-31-B-a
Sông Lam	TV	xã Lưu Sơn	H. Đô Lương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"			E-48-31-B-a
xóm Phú Thọ	DC	xã Lưu Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 58"	105° 16' 31"							E-48-31-B-a
xóm Quang Trung	DC	xã Lưu Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 00"	105° 17' 24"							E-48-31-B-a
xóm Trần Phú	DC	xã Lưu Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 34"	105° 17' 34"							E-48-31-B-a
quốc lộ 15	KX	xã Minh Sơn	H. Đô Lương			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"			E-48-31-B-c
xóm Bình Minh	DC	xã Minh Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 52"	105° 21' 35"							E-48-31-B-c
xóm Cát Minh	DC	xã Minh Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 49"	105° 21' 48"							E-48-31-B-c
xóm Đại Minh	DC	xã Minh Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 09"	105° 21' 11"							E-48-31-B-c
xóm Đông Minh	DC	xã Minh Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 51"	105° 22' 11"							E-48-31-B-c
Sông Gang	TV	xã Minh Sơn	H. Đô Lương			18° 51' 44"	105° 24' 55"	18° 41' 54"	105° 27' 23"			E-48-31-B-c
xóm Hội Minh	DC	xã Minh Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 50"	105° 21' 26"							E-48-31-B-c
xóm Long Minh	DC	xã Minh Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 45"	105° 21' 41"							E-48-31-B-c
xóm Nguyên Minh	DC	xã Minh Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 29"	105° 22' 04"							E-48-31-B-c
xóm Quang Minh	DC	xã Minh Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 35"	105° 21' 48"							E-48-31-B-c
Suối Sau	TV	xã Minh Sơn	H. Đô Lương									E-48-31-B-c
xóm Thái Minh	DC	xã Minh Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 59"	105° 21' 30"					18° 51' 05"	105° 22' 29"	E-48-31-B-c
xóm Thọ Minh	DC	xã Minh Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 36"	105° 22' 11"							E-48-31-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
xóm Thượng Minh	DC	xã Minh Sơn	H. Đò Lương	18° 51' 07"	105° 20' 59"						E-48-31-B-c	
xóm Trung Minh	DC	xã Minh Sơn	H. Đò Lương	18° 51' 05"	105° 21' 20"						E-48-31-B-c	
xóm Văn Minh	DC	xã Minh Sơn	H. Đò Lương	18° 51' 33"	105° 22' 00"						E-48-31-B-c	
xóm Yên Minh	DC	xã Minh Sơn	H. Đò Lương	18° 51' 40"	105° 22' 00"						E-48-31-B-c	
xóm 1	DC	xã Mỹ Sơn	H. Đò Lương	18° 49' 38"	105° 24' 11"						E-48-31-B-d	
xóm 2	DC	xã Mỹ Sơn	H. Đò Lương	18° 49' 47"	105° 24' 06"						E-48-31-B-d	
xóm 3	DC	xã Mỹ Sơn	H. Đò Lương	18° 49' 35"	105° 23' 56"						E-48-31-B-d	
xóm 4	DC	xã Mỹ Sơn	H. Đò Lương	18° 49' 20"	105° 23' 57"						E-48-31-B-d	
xóm 5	DC	xã Mỹ Sơn	H. Đò Lương	18° 49' 12"	105° 24' 16"						E-48-31-B-d	
xóm 6	DC	xã Mỹ Sơn	H. Đò Lương	18° 48' 53"	105° 24' 14"						E-48-31-B-d	
xóm 7	DC	xã Mỹ Sơn	H. Đò Lương	18° 49' 00"	105° 23' 50"						E-48-31-B-d	
xóm 8	DC	xã Mỹ Sơn	H. Đò Lương	18° 48' 12"	105° 23' 53"						E-48-31-B-d	
xóm 9	DC	xã Mỹ Sơn	H. Đò Lương	18° 47' 54"	105° 24' 20"						E-48-31-B-d	
xóm 10	DC	xã Mỹ Sơn	H. Đò Lương	18° 47' 22"	105° 24' 42"						E-48-31-B-d	
quốc lộ 15	KX	xã Mỹ Sơn	H. Đò Lương			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"		E-48-31-B-d	
sông Bao A	TV	xã Mỹ Sơn	H. Đò Lương			18° 51' 09"	105° 28' 38"	18° 50' 32"	105° 24' 20"		E-48-31-B-d	
núi Động Cáo	SV	xã Mỹ Sơn	H. Đò Lương	18° 47' 41"	105° 25' 33"						E-48-31-B-d	
đập Khe Khé	TV	xã Mỹ Sơn	H. Đò Lương	18° 47' 55"	105° 24' 47"						E-48-31-B-d	
núi Linh Anh	SV	xã Mỹ Sơn	H. Đò Lương	18° 46' 51"	105° 24' 00"						E-48-31-B-d	
Bầu Nại	TV	xã Mỹ Sơn	H. Đò Lương	18° 48' 34"	105° 24' 44"						E-48-31-B-d	
xóm 1	DC	xã Nam Sơn	H. Đò Lương	18° 53' 47"	105° 14' 14"						E-48-31-A	
xóm 2	DC	xã Nam Sơn	H. Đò Lương	18° 54' 5."	105° 14' 51"						E-48-31-A	
xóm 3	DC	xã Nam Sơn	H. Đò Lương	18° 53' 35"	105° 15' 18"						E-48-31-B-a	
xóm 4	DC	xã Nam Sơn	H. Đò Lương	18° 54' 33"	105° 15' 07"						E-48-31-B-a	
xóm 5A	DC	xã Nam Sơn	H. Đò Lương	18° 54' 51"	105° 15' 35"						E-48-31-B-a	
xóm 5B	DC	xã Nam Sơn	H. Đò Lương	18° 54' 45"	105° 15' 26"						E-48-31-B-a	
xóm 6	DC	xã Nam Sơn	H. Đò Lương	18° 54' 38"	105° 15' 56"						E-48-31-B-a	
quốc lộ 7	KX	xã Nam Sơn	H. Đò Lương			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"		E-48-31-B-a	
xóm 7	DC	xã Nam Sơn	H. Đò Lương	18° 54' 43"	105° 16' 07"						E-48-31-B-a	
xóm 8	DC	xã Nam Sơn	H. Đò Lương	18° 53' 11"	105° 14' 21"						E-48-31-A	
đường tỉnh 533	KX	xã Nam Sơn	H. Đò Lương			18° 54' 45"	105° 15' 14"	18° 38' 32"	105° 30' 37"		E-48-31-B-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
Sông Lam	TV	xã Nam Sơn	H. Đò Lương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-a		
xóm 1	DC	xã Ngọc Sơn	H. Đò Lương	18° 56' 12"	105° 14' 49"					E-48-31-A		
xóm 2	DC	xã Ngọc Sơn	H. Đò Lương	18° 55' 43"	105° 14' 48"					E-48-31-A		
xóm 3	DC	xã Ngọc Sơn	H. Đò Lương	18° 55' 38"	105° 14' 36"					E-48-31-A		
xóm 4	DC	xã Ngọc Sơn	H. Đò Lương	18° 55' 47"	105° 14' 25"					E-48-31-A		
xóm 5	DC	xã Ngọc Sơn	H. Đò Lương	18° 55' 58"	105° 14' 49"					E-48-31-A		
xóm 6	DC	xã Ngọc Sơn	H. Đò Lương	18° 55' 50"	105° 14' 40"					E-48-31-A		
xóm 7	DC	xã Ngọc Sơn	H. Đò Lương	18° 55' 18"	105° 14' 39"					E-48-31-B-a		
xóm 8	DC	xã Ngọc Sơn	H. Đò Lương	18° 55' 16"	105° 15' 22"					E-48-31-A		
xóm 9	DC	xã Ngọc Sơn	H. Đò Lương	18° 55' 28"	105° 14' 19"					E-48-31-B-a, E-48-31-A		
Núi Hới	SV	xã Ngọc Sơn	H. Đò Lương	18° 56' 33"	105° 14' 35"					E-48-31-B-a, E-48-31-A		
Sông Lam	TV	xã Ngọc Sơn	H. Đò Lương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-d		
xóm 1	DC	xã Nhân Sơn	H. Đò Lương	18° 50' 29"	105° 22' 28"					E-48-31-B-c		
xóm 2	DC	xã Nhân Sơn	H. Đò Lương	18° 50' 10"	105° 22' 35"					E-48-31-B-d		
xóm 3	DC	xã Nhân Sơn	H. Đò Lương	18° 49' 55"	105° 22' 35"					E-48-31-B-d		
xóm 4	DC	xã Nhân Sơn	H. Đò Lương	18° 50' 07"	105° 22' 48"					E-48-31-B-d		
xóm 5	DC	xã Nhân Sơn	H. Đò Lương	18° 50' 17"	105° 23' 09"					E-48-31-B-d		
xóm 6	DC	xã Nhân Sơn	H. Đò Lương	18° 49' 57"	105° 23' 16"					E-48-31-B-d		
xóm 7	DC	xã Nhân Sơn	H. Đò Lương	18° 49' 57"	105° 22' 58"					E-48-31-B-d		
xóm 8	DC	xã Nhân Sơn	H. Đò Lương	18° 49' 33"	105° 23' 09"					E-48-31-B-d		
xóm 9	DC	xã Nhân Sơn	H. Đò Lương	18° 49' 10"	105° 23' 24"					E-48-19-B-b, E-48-31-B-c		
quốc lộ 15	KX	xã Nhân Sơn	H. Đò Lương			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-31-B-c		
Núi Đỉnh	SV	xã Nhân Sơn	H. Đò Lương	18° 49' 40"	105° 22' 17"					E-48-24-B-d		
Sông Gang	TV	xã Nhân Sơn	H. Đò Lương			18° 51' 44"	105° 24' 55"	18° 41' 54"	105° 27' 23"	E-48-19-B-b, E-48-31-B-c		
xóm 1	DC	xã Quang Sơn	H. Đò Lương	18° 52' 49"	105° 23' 35"					E-48-31-B-b		
xóm 2	DC	xã Quang Sơn	H. Đò Lương	18° 51' 19"	105° 23' 46"					E-48-31-B-b		
xóm 3	DC	xã Quang Sơn	H. Đò Lương	18° 51' 31"	105° 23' 29"					E-48-31-B-b		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 4	DC	xã Quang Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 12"	105° 23' 30"					E-48-31-B-b
xóm 5	DC	xã Quang Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 54"	105° 23' 50"					E-48-31-B-b
xóm 6	DC	xã Quang Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 39"	105° 23' 55"					E-48-31-B-b
xóm 7	DC	xã Quang Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 50"	105° 24' 19"					E-48-31-B-d
xóm 8	DC	xã Quang Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 41"	105° 24' 20"					E-48-31-B-d
xóm 9	DC	xã Quang Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 12"	105° 24' 02"					E-48-31-B-d
xóm 10	DC	xã Quang Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 28"	105° 23' 46"					E-48-31-B-d
xóm 11	DC	xã Quang Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 06"	105° 23' 27"	18° 51' 44"	105° 24' 55"	18° 41' 54"	105° 27' 23"	E-48-31-B-d
Sông Gang	TV	xã Quang Sơn	H. Đô Lương							E-48-31-B-b
núi Tù Lip	SV	xã Quang Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 17"	105° 23' 49"					E-48-31-B-b
núi Tùng Tạo	SV	xã Quang Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 50"	105° 23' 32"					E-48-31-B-b
đập Văn Sơn	TV	xã Quang Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 10"	105° 24' 18"					E-48-31-B-b
xóm 1	DC	xã Tân Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 09"	105° 20' 52"					E-48-31-B-c
xóm 2	DC	xã Tân Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 19"	105° 20' 50"					E-48-31-B-c
xóm 3	DC	xã Tân Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 21"	105° 20' 44"					E-48-31-B-c
xóm 4	DC	xã Tân Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 30"	105° 20' 56"					E-48-31-B-a
xóm 5	DC	xã Tân Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 37"	105° 21' 08"					E-48-31-B-a
xóm 6	DC	xã Tân Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 34"	105° 21' 18"					E-48-31-B-a
xóm 7	DC	xã Tân Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 00"	105° 21' 26"					E-48-31-B-a
xóm 8	DC	xã Tân Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 00"	105° 21' 41"					E-48-31-B-c
xóm 9	DC	xã Tân Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 01"	105° 21' 48"					E-48-31-B-a
xóm 10	DC	xã Tân Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 00"	105° 22' 04"					E-48-31-B-a
xóm 11	DC	xã Tân Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 42"	105° 22' 05"					E-48-31-B-a
xóm 12	DC	xã Tân Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 24"	105° 21' 51"					E-48-31-B-a
xóm 13	DC	xã Tân Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 17"	105° 21' 46"					E-48-31-B-c
xóm 14	DC	xã Tân Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 33"	105° 21' 47"					E-48-31-B-a
Suối Sau	TV	xã Tân Sơn	H. Đô Lương			18° 54' 16"	105° 21' 10"	18° 51' 05"	105° 22' 29"	E-48-31-B-a, E-48-31-B-c
Núi Ti	SV	xã Tân Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 21"	105° 22' 24"					E-48-31-B-a, E-48-31-B-b
xóm 1	DC	xã Thái Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 02"	105° 22' 35"					E-48-31-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
xóm 2	DC	xã Thái Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 59"	105° 23' 07"						E-48-31-B-b	
xóm 3	DC	xã Thái Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 38"	105° 23' 24"						E-48-31-B-b	
xóm 4	DC	xã Thái Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 15"	105° 23' 16"						E-48-31-B-b	
xóm 5	DC	xã Thái Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 10"	105° 23' 10"						E-48-31-B-d	
xóm 6	DC	xã Thái Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 27"	105° 23' 15"						E-48-31-B-d	
xóm 7	DC	xã Thái Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 46"	105° 22' 42"						E-48-31-B-b	
xóm 8	DC	xã Thái Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 34"	105° 22' 29"						E-48-31-B-a	
xóm 9	DC	xã Thái Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 22"	105° 22' 18"						E-48-31-B-c	
xóm 10	DC	xã Thái Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 50"	105° 22' 36"						E-48-31-B-d	
xóm 11	DC	xã Thái Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 53"	105° 22' 48"						E-48-31-B-d	
xóm 12	DC	xã Thái Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 52"	105° 22' 49"			18° 26' 02"	105° 26' 02"	18° 41' 54"	105° 27' 23"	E-48-31-B-d, E-48-31-B-c
Sông Gang	TV	xã Thái Sơn	H. Đô Lương									E-48-31-B-d
đập Long Thái	TV	xã Thái Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 05"	105° 23' 19"						105° 22' 29"	E-48-31-B-c
Suối Sau	TV	xã Thái Sơn	H. Đô Lương					18° 54' 16"	105° 21' 10"	18° 51' 05"		E-48-31-B-a, E-48-31-B-b
Núi Ti	SV	xã Thái Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 21"	105° 22' 24"							E-48-31-B-b
núi Tù Líp	SV	xã Thái Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 17"	105° 23' 49"							E-48-31-B-b
núi Tùng Tạo	SV	xã Thái Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 50"	105° 23' 32"							E-48-31-B-b
núi U Bò	SV	xã Thái Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 14"	105° 23' 05"							E-48-31-B-b
xóm 1	DC	xã Thịnh Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 53"	105° 20' 23"							E-48-31-B-a
xóm 2	DC	xã Thịnh Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 00"	105° 20' 50"							E-48-31-B-a
xóm 3	DC	xã Thịnh Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 15"	105° 20' 30"							E-48-31-B-a
xóm 4	DC	xã Thịnh Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 04"	105° 20' 45"							E-48-31-B-a
xóm 5	DC	xã Thịnh Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 45"	105° 20' 26"							E-48-31-B-a
xóm 6	DC	xã Thịnh Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 08"	105° 21' 08"							E-48-31-B-a
quốc lộ 7	KX	xã Thịnh Sơn	H. Đô Lương					19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-31-B-a
xóm 7	DC	xã Thịnh Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 53"	105° 20' 26"							E-48-31-B-a
xóm 8	DC	xã Thịnh Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 55"	105° 20' 18"							E-48-31-B-a
xóm 9	DC	xã Thịnh Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 37"	105° 20' 07"							E-48-31-B-a
xóm 10	DC	xã Thịnh Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 30"	105° 20' 29"							E-48-31-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 11	DC	xã Thịnh Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 43"	105° 20' 28"					E-48-31-B-a
xóm 12	DC	xã Thịnh Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 56"	105° 20' 31"					E-48-31-B-a
xóm 13	DC	xã Thịnh Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 51"	105° 20' 03"					E-48-31-B-a
xóm 14	DC	xã Thịnh Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 08"	105° 20' 40"					E-48-31-B-a
xóm 15	DC	xã Thịnh Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 20"	105° 20' 19"					E-48-31-B-a
Kênh Đào	TV	xã Thịnh Sơn	H. Đô Lương			18° 54' 17"	105° 21' 12"	18° 54' 52"	105° 17' 49"	E-48-31-B-a
Đập Đình	TV	xã Thịnh Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 14"	105° 20' 55"					E-48-31-B-a
Suối Sau	TV	xã Thịnh Sơn	H. Đô Lương			18° 54' 16"	105° 21' 10"	18° 51' 05"	105° 22' 29"	E-48-31-B-a, E-48-31-B-c
đập Yên Thế	TV	xã Thịnh Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 07"	105° 20' 14"					E-48-31-B-a
xóm 1	DC	xã Thuận Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 52"	105° 16' 39"					E-48-31-B-c
xóm 2	DC	xã Thuận Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 45"	105° 16' 47"					E-48-31-B-c
xóm 3	DC	xã Thuận Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 44"	105° 17' 41"					E-48-31-B-c
xóm 4	DC	xã Thuận Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 43"	105° 18' 00"					E-48-31-B-c
xóm 5	DC	xã Thuận Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 25"	105° 17' 55"					E-48-31-B-c
xóm 6	DC	xã Thuận Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 50"	105° 18' 39"					E-48-31-B-c
xóm 7	DC	xã Thuận Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 24"	105° 18' 30"					E-48-31-B-c
xóm 8	DC	xã Thuận Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 07"	105° 18' 17"					E-48-31-B-c
quốc lộ 46B	KX	xã Thuận Sơn	H. Đô Lương			18° 53' 20"	105° 18' 32"	18° 44' 07"	105° 22' 18"	E-48-31-B-a
sông Bao Tham	TV	xã Thuận Sơn	H. Đô Lương			18° 51' 03"	105° 17' 52"	18° 50' 05"	105° 19' 52"	E-48-31-B-c
Sông Lam	TV	xã Thuận Sơn	H. Đô Lương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-c
Đập Và	TV	xã Thuận Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 40"	105° 18' 24"					E-48-31-B-c
xóm 1	DC	xã Thuận Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 22"	105° 25' 48"					E-48-31-B-d
xóm 2	DC	xã Thuận Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 35"	105° 25' 35"					E-48-31-B-b
xóm 3	DC	xã Thuận Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 49"	105° 25' 48"					E-48-31-B-b
xóm 4	DC	xã Thuận Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 02"	105° 25' 59"					E-48-31-B-b
xóm 5	DC	xã Thuận Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 01"	105° 25' 25"					E-48-31-B-b
xóm 6	DC	xã Thuận Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 07"	105° 25' 10"					E-48-31-B-b
xóm 7	DC	xã Thuận Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 31"	105° 25' 03"					E-48-31-B-d
xóm 8	DC	xã Thuận Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 35"	105° 24' 50"					E-48-31-B-b
xóm 9	DC	xã Thuận Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 08"	105° 24' 41"					E-48-31-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)			
xóm 10	DC	xã Thượng Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 23"	105° 24' 36"						E-48-31-B-d	
xóm 11	DC	xã Thượng Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 49"	105° 24' 43"						E-48-31-B-d	
xóm 12	DC	xã Thượng Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 02"	105° 24' 47"						E-48-31-B-d	
xóm 13	DC	xã Thượng Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 13"	105° 24' 55"						E-48-31-B-d	
xóm 14	DC	xã Thượng Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 09"	105° 24' 28"						E-48-31-B-d	
đập Đồng Hồ	TV	xã Thượng Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 09"	105° 26' 34"						E-48-31-B-b	
núi Tú Líp	SV	xã Thượng Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 35"	105° 27' 10"						E-48-31-B-b	
núi Tú Và	SV	xã Thượng Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 53"	105° 26' 22"						E-48-31-B-b	
xóm 1	DC	xã Trảng Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 28"	105° 17' 37"						E-48-31-B-a	
xóm 2	DC	xã Trảng Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 08"	105° 17' 37"						E-48-31-B-a	
xóm 3	DC	xã Trảng Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 09"	105° 17' 55"						E-48-31-B-a	
xóm 4	DC	xã Trảng Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 55"	105° 17' 37"						E-48-31-B-a	
xóm 5	DC	xã Trảng Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 50"	105° 18' 08"						E-48-31-B-a	
xóm 6	DC	xã Trảng Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 40"	105° 18' 15"						E-48-31-B-a	
xóm 7	DC	xã Trảng Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 51"	105° 18' 25"						E-48-31-B-a	
xóm 8	DC	xã Trảng Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 19"	105° 18' 21"						E-48-31-B-a	
xóm 9	DC	xã Trảng Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 14"	105° 18' 43"						E-48-31-B-a	
xóm 10	DC	xã Trảng Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 31"	105° 18' 53"						E-48-31-B-a	
xóm 11	DC	xã Trảng Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 37"	105° 18' 16"						E-48-31-B-a	
xóm 12	DC	xã Trảng Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 51"	105° 18' 14"						E-48-31-B-a	
xóm 13	DC	xã Trảng Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 47"	105° 18' 09"						E-48-31-B-a	
quốc lộ 15	KX	xã Trảng Sơn	H. Đô Lương			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"		E-48-31-B-a	
cầu Ba Ra	KX	xã Trảng Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 58"	105° 17' 57"						E-48-31-B-a	
Núi Cam	SV	xã Trảng Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 56"	105° 18' 46"						E-48-31-B-a	
suối Cây Thị	TV	xã Trảng Sơn	H. Đô Lương			18° 59' 25"	105° 19' 58"	18° 55' 42"	105° 17' 25"		E-48-31-B-a	
Kênh Đào	TV	xã Trảng Sơn	H. Đô Lương			18° 54' 17"	105° 21' 12"	18° 54' 52"	105° 17' 49"		E-48-31-B-a	
Sông Lam	TV	xã Trảng Sơn	H. Đô Lương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"		E-48-31-B-a	
xóm 1	DC	xã Trù Sơn	H. Đô Lương	18° 49' 03"	105° 25' 21"						E-48-31-B-d	
xóm 2	DC	xã Trù Sơn	H. Đô Lương	18° 48' 54"	105° 25' 13"						E-48-31-B-d	
xóm 3	DC	xã Trù Sơn	H. Đô Lương	18° 48' 45"	105° 25' 30"						E-48-31-B-d	
xóm 4	DC	xã Trù Sơn	H. Đô Lương	18° 48' 44"	105° 25' 42"						E-48-31-B-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 5	DC	xã Trù Sơn	H. Đố Lương	18° 49' 02"	105° 26' 04"					E-48-31-B-d
xóm 6	DC	xã Trù Sơn	H. Đố Lương	18° 49' 13"	105° 26' 19"					E-48-31-B-d
xóm 7	DC	xã Trù Sơn	H. Đố Lương	18° 49' 20"	105° 26' 45"					E-48-31-B-d
xóm 8	DC	xã Trù Sơn	H. Đố Lương	18° 49' 30"	105° 26' 48"					E-48-31-B-d
xóm 9	DC	xã Trù Sơn	H. Đố Lương	18° 49' 19"	105° 26' 49"					E-48-31-B-d
xóm 10	DC	xã Trù Sơn	H. Đố Lương	18° 50' 07"	105° 26' 19"					E-48-31-B-d
xóm 11	DC	xã Trù Sơn	H. Đố Lương	18° 50' 14"	105° 26' 23"					E-48-31-B-d
xóm 12	DC	xã Trù Sơn	H. Đố Lương	18° 50' 09"	105° 26' 32"					E-48-31-B-d
xóm 13	DC	xã Trù Sơn	H. Đố Lương	18° 50' 14"	105° 26' 42"					E-48-31-B-d
xóm 14	DC	xã Trù Sơn	H. Đố Lương	18° 50' 09"	105° 26' 58"					E-48-31-B-d
xóm 15	DC	xã Trù Sơn	H. Đố Lương	18° 51' 04"	105° 26' 36"					E-48-31-B-d
xóm 16	DC	xã Trù Sơn	H. Đố Lương	18° 48' 03"	105° 26' 33"	18° 51' 09"	105° 28' 38"	18° 50' 32"	105° 24' 20"	E-48-31-B-d
sông Bao A	TV	xã Trù Sơn	H. Đố Lương							E-48-31-B-d
đập Bầu đá	TV	xã Trù Sơn	H. Đố Lương	18° 48' 55"	105° 26' 58"					E-48-31-B-d
núi Động Cáo	SV	xã Trù Sơn	H. Đố Lương	18° 47' 41"	105° 25' 33"					E-48-31-B-d
núi Động Lim	SV	xã Trù Sơn	H. Đố Lương	18° 48' 26"	105° 25' 23"					E-48-31-B-d
xóm 1	DC	xã Trung Sơn	H. Đố Lương	18° 52' 08"	105° 18' 23"					E-48-31-B-c
xóm 2	DC	xã Trung Sơn	H. Đố Lương	18° 51' 50"	105° 18' 43"					E-48-31-B-c
xóm 3	DC	xã Trung Sơn	H. Đố Lương	18° 51' 49"	105° 17' 57"					E-48-31-B-c
xóm 4	DC	xã Trung Sơn	H. Đố Lương	18° 51' 01"	105° 18' 54"					E-48-31-B-c
xóm 5	DC	xã Trung Sơn	H. Đố Lương	18° 51' 04"	105° 18' 20"					E-48-31-B-c
xóm 6	DC	xã Trung Sơn	H. Đố Lương	18° 51' 10"	105° 17' 50"					E-48-31-B-c
xóm 7	DC	xã Trung Sơn	H. Đố Lương	18° 51' 16"	105° 17' 19"					E-48-31-B-c
xóm 8	DC	xã Trung Sơn	H. Đố Lương	18° 52' 12"	105° 18' 01"					E-48-31-B-c
quốc lộ 15	KX	xã Trung Sơn	H. Đố Lương			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-31-B-c
quốc lộ 46B	KX	xã Trung Sơn	H. Đố Lương			18° 53' 20"	105° 18' 32"	18° 44' 07"	105° 22' 18"	E-48-31-B-c
Núi Cuối	SV	xã Trung Sơn	H. Đố Lương	18° 51' 35"	105° 18' 59"					E-48-31-B-c
Sông Lam	TV	xã Trung Sơn	H. Đố Lương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-c
Đồi Si	SV	xã Trung Sơn	H. Đố Lương	18° 50' 57"	105° 17' 47"					E-48-31-B-c
xóm 1	DC	xã Văn Sơn	H. Đố Lương	18° 54' 05"	105° 19' 18"					E-48-31-B-a
xóm 2	DC	xã Văn Sơn	H. Đố Lương	18° 54' 09"	105° 19' 27"					E-48-31-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
xóm 3	DC	xã Văn Sơn	H. Đồ Lương	18° 54' 05"	105° 19' 37"						E-48-31-B-a	
xóm 4	DC	xã Văn Sơn	H. Đồ Lương	18° 54' 46"	105° 19' 58"						E-48-31-B-a	
xóm 5	DC	xã Văn Sơn	H. Đồ Lương	18° 54' 08"	105° 19' 21"						E-48-31-B-a	
xóm 6	DC	xã Văn Sơn	H. Đồ Lương	18° 54' 36"	105° 19' 54"						E-48-31-B-a	
quốc lộ 7	KX	xã Văn Sơn	H. Đồ Lương			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"		E-48-31-B-a	
xóm 7	DC	xã Văn Sơn	H. Đồ Lương	18° 54' 51"	105° 20' 03"						E-48-31-B-a	
xóm 8	DC	xã Văn Sơn	H. Đồ Lương	18° 54' 58"	105° 20' 00"						E-48-31-B-a	
xóm 9	DC	xã Văn Sơn	H. Đồ Lương	18° 55' 06"	105° 19' 57"						E-48-31-B-a	
xóm 10	DC	xã Văn Sơn	H. Đồ Lương	18° 55' 15"	105° 19' 46"						E-48-31-B-a	
xóm 11	DC	xã Văn Sơn	H. Đồ Lương	18° 54' 58"	105° 19' 49"						E-48-31-B-a	
xóm 12	DC	xã Văn Sơn	H. Đồ Lương	18° 54' 50"	105° 19' 40"						E-48-31-B-a	
xóm 13	DC	xã Văn Sơn	H. Đồ Lương	18° 54' 57"	105° 20' 14"	18° 45' 12"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	105° 29' 35"		E-48-32-C-a	
Sông Đào	TV	xã Văn Sơn	H. Đồ Lương								E-48-31-B-a	
núi Đông Bắc Trọc	SV	xã Văn Sơn	H. Đồ Lương	18° 55' 47"	105° 19' 55"						E-48-31-B-a	
xóm 1	DC	xã Xuân Sơn	H. Đồ Lương	18° 51' 51"	105° 20' 25"						E-48-31-B-c	
xóm 2	DC	xã Xuân Sơn	H. Đồ Lương	18° 51' 41"	105° 19' 34"						E-48-31-B-c	
xóm 3	DC	xã Xuân Sơn	H. Đồ Lương	18° 51' 25"	105° 19' 47"						E-48-31-B-c	
xóm 4	DC	xã Xuân Sơn	H. Đồ Lương	18° 51' 05"	105° 20' 00"						E-48-31-B-c	
xóm 5	DC	xã Xuân Sơn	H. Đồ Lương	18° 50' 51"	105° 20' 02"						E-48-31-B-c	
xóm 6	DC	xã Xuân Sơn	H. Đồ Lương	18° 50' 37"	105° 19' 41"						E-48-31-B-c	
xóm 7	DC	xã Xuân Sơn	H. Đồ Lương	18° 50' 20"	105° 19' 45"						E-48-31-B-c	
xóm 8	DC	xã Xuân Sơn	H. Đồ Lương	18° 50' 56"	105° 19' 37"						E-48-31-B-c	
xóm 9	DC	xã Xuân Sơn	H. Đồ Lương	18° 51' 22"	105° 19' 23"						E-48-31-B-c	
xóm 10	DC	xã Xuân Sơn	H. Đồ Lương	18° 51' 42"	105° 19' 15"						E-48-31-B-c	
quốc lộ 15	KX	xã Xuân Sơn	H. Đồ Lương			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"		E-48-31-B-c	
sông Bao Tham	TV	xã Xuân Sơn	H. Đồ Lương			18° 51' 03"	105° 17' 52"	18° 50' 05"	105° 19' 52"		E-48-31-B-c	
Rủ Cười	SV	xã Xuân Sơn	H. Đồ Lương	18° 51' 35"	105° 18' 59"						E-48-31-B-c	
quốc lộ 7	KX	xã Yên Sơn	H. Đồ Lương			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"		E-48-31-B-a	
Kênh Đào	TV	xã Yên Sơn	H. Đồ Lương			18° 54' 17"	105° 21' 12"	18° 54' 52"	105° 17' 49"		E-48-31-B-a	
xóm Yên Định	DC	xã Yên Sơn	H. Đồ Lương	18° 53' 58"	105° 18' 59"						E-48-31-B-a	
xóm Yên Hoa	DC	xã Yên Sơn	H. Đồ Lương	18° 54' 07"	105° 18' 35"						E-48-31-B-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Yên Hoà	DC	xã Yên Sơn	H. Đồ Lương	18° 53' 54"	105° 19' 11"					E-48-31-B-a
xóm Yên Hương	DC	xã Yên Sơn	H. Đồ Lương	18° 54' 17"	105° 18' 50"					E-48-31-B-a
xóm Yên Khánh	DC	xã Yên Sơn	H. Đồ Lương	18° 54' 11"	105° 19' 16"					E-48-31-B-a
xóm Yên Minh	DC	xã Yên Sơn	H. Đồ Lương	18° 53' 56"	105° 19' 05"					E-48-31-B-a
xóm Yên phú	DC	xã Yên Sơn	H. Đồ Lương	18° 54' 01"	105° 18' 53"					E-48-31-B-a
xóm Yên Quang	DC	xã Yên Sơn	H. Đồ Lương	18° 54' 15"	105° 19' 00"					E-48-31-B-a
xóm Yên Tân	DC	xã Yên Sơn	H. Đồ Lương	18° 54' 45"	105° 19' 34"					E-48-31-B-a
xóm Yên Thế	DC	xã Yên Sơn	H. Đồ Lương	18° 54' 11"	105° 19' 09"					E-48-31-B-a
xóm Yên Thịnh	DC	xã Yên Sơn	H. Đồ Lương	18° 55' 10"	105° 19' 36"					E-48-31-B-a
xóm Yên Trung	DC	xã Yên Sơn	H. Đồ Lương	18° 54' 58"	105° 19' 30"					E-48-31-B-a
xóm Yên Trường	DC	xã Yên Sơn	H. Đồ Lương	18° 54' 05"	105° 18' 44"					E-48-31-B-a
khối 1	DC	TT. Hưng Nguyên	H. Hưng Nguyên	18° 39' 31"	105° 37' 09"					E-48-32-C-a
khối 2	DC	TT. Hưng Nguyên	H. Hưng Nguyên	18° 39' 27"	105° 37' 22"					E-48-32-C-a
khối 3	DC	TT. Hưng Nguyên	H. Hưng Nguyên	18° 39' 29"	105° 37' 35"					E-48-32-C-b
khối 4	DC	TT. Hưng Nguyên	H. Hưng Nguyên	18° 39' 36"	105° 37' 40"					E-48-32-C-b
khối 5	DC	TT. Hưng Nguyên	H. Hưng Nguyên	18° 39' 19"	105° 37' 50"					E-48-32-C-b
khối 6	DC	TT. Hưng Nguyên	H. Hưng Nguyên	18° 39' 25"	105° 38' 17"					E-48-32-C-b
khối 7	DC	TT. Hưng Nguyên	H. Hưng Nguyên	18° 40' 06"	105° 37' 42"					E-48-32-C-b
khối 8	DC	TT. Hưng Nguyên	H. Hưng Nguyên	18° 39' 53"	105° 37' 33"					E-48-32-C-b
khối 9	DC	TT. Hưng Nguyên	H. Hưng Nguyên	18° 39' 57"	105° 38' 02"					E-48-32-C-b
khối 10	DC	TT. Hưng Nguyên	H. Hưng Nguyên	18° 40' 44"	105° 37' 54"					E-48-32-C-b
khối 11	DC	TT. Hưng Nguyên	H. Hưng Nguyên	18° 40' 45"	105° 37' 31"					E-48-32-C-a
khối 12	DC	TT. Hưng Nguyên	H. Hưng Nguyên	18° 41' 09"	105° 37' 25"					E-48-32-C-a
khối 13	DC	TT. Hưng Nguyên	H. Hưng Nguyên	18° 40' 20"	105° 37' 15"					E-48-32-C-a
khối 14	DC	TT. Hưng Nguyên	H. Hưng Nguyên	18° 40' 29"	105° 37' 37"					E-48-32-C-b
khối 15	DC	TT. Hưng Nguyên	H. Hưng Nguyên	18° 40' 13"	105° 37' 58"					E-48-32-C-b
khối 16	DC	TT. Hưng Nguyên	H. Hưng Nguyên	18° 40' 11"	105° 38' 10"					E-48-32-C-b
khối 17	DC	TT. Hưng Nguyên	H. Hưng Nguyên	18° 39' 52"	105° 37' 48"					E-48-32-C-b
quốc lộ 46	KX	TT. Hưng Nguyên	H. Hưng Nguyên			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-C-b
Xí nghiệp Gạch 22/12	KX	TT. Hưng Nguyên	H. Hưng Nguyên	18° 39' 32"	105° 38' 10"					E-48-32-C-b
đường tỉnh 542C	KX	TT. Hưng Nguyên	H. Hưng Nguyên			18° 36' 53"	105° 36' 13"	18° 40' 18"	105° 37' 52"	E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Núi Mượu	SV	xã Hưng Đạo	H. Hưng Nguyên	18° 41' 21"	105° 36' 13"						E-48-32-C-a	
xóm Nền Dầu	DC	xã Hưng Đạo	H. Hưng Nguyên	18° 40' 20"	105° 37' 15"						E-48-32-C-a	
xóm 1	DC	xã Hưng Khánh	H. Hưng Nguyên	18° 35' 15"	105° 39' 09"						E-48-32-C-d	
xóm 2	DC	xã Hưng Khánh	H. Hưng Nguyên	18° 35' 16"	105° 39' 13"						E-48-32-C-d	
xóm 3	DC	xã Hưng Khánh	H. Hưng Nguyên	18° 35' 15"	105° 39' 22"						E-48-32-C-d	
xóm 4	DC	xã Hưng Khánh	H. Hưng Nguyên	18° 35' 26"	105° 39' 23"						E-48-32-C-d	
xóm 5	DC	xã Hưng Khánh	H. Hưng Nguyên	18° 35' 38"	105° 39' 27"						E-48-32-C-d	
đường tỉnh 542	KX	xã Hưng Khánh	H. Hưng Nguyên			18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"		E-48-32-C-d	
Sông Lam	TV	xã Hưng Khánh	H. Hưng Nguyên			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"		E-48-32-C-d	
hỏi Lam Giang	TV	xã Hưng Khánh	H. Hưng Nguyên			18° 35' 10"	105° 39' 26"	18° 36' 35"	105° 41' 08"		E-48-32-C-d	
xóm 1	DC	xã Hưng Lam	H. Hưng Nguyên	18° 35' 39"	105° 37' 37"						E-48-32-C-d	
xóm 2	DC	xã Hưng Lam	H. Hưng Nguyên	18° 35' 31"	105° 37' 20"						E-48-32-C-c	
xóm 3	DC	xã Hưng Lam	H. Hưng Nguyên	18° 35' 26"	105° 37' 18"						E-48-32-C-c	
xóm 4	DC	xã Hưng Lam	H. Hưng Nguyên	18° 35' 30"	105° 37' 14"						E-48-32-C-c	
xóm 5	DC	xã Hưng Lam	H. Hưng Nguyên	18° 35' 19"	105° 37' 10"						E-48-32-C-c	
xóm 6	DC	xã Hưng Lam	H. Hưng Nguyên	18° 34' 46"	105° 37' 10"						E-48-32-C-c	
xóm 7	DC	xã Hưng Lam	H. Hưng Nguyên	18° 34' 45"	105° 37' 12"						E-48-32-C-c	
xóm 8	DC	xã Hưng Lam	H. Hưng Nguyên	18° 35' 03"	105° 37' 44"						E-48-32-C-c	
xóm 9	DC	xã Hưng Lam	H. Hưng Nguyên	18° 34' 33"	105° 37' 14"						E-48-32-C-c	
xóm 10	DC	xã Hưng Lam	H. Hưng Nguyên	18° 35' 44"	105° 37' 22"						E-48-32-C-c	
đường tỉnh 542	KX	xã Hưng Lam	H. Hưng Nguyên			18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"		E-48-32-C-d	
Sông Lam	TV	xã Hưng Lam	H. Hưng Nguyên			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"		E-48-32-C-c, E-48-32-C-d	
Núi Thành	SV	xã Hưng Lam	H. Hưng Nguyên	18° 35' 24"	105° 37' 56"						E-48-32-C-d	
xóm 1A	DC	xã Hưng Lĩnh	H. Hưng Nguyên	18° 37' 24"	105° 34' 26"						E-48-32-C-a	
xóm 1B	DC	xã Hưng Lĩnh	H. Hưng Nguyên	18° 37' 32"	105° 34' 28"						E-48-32-C-a	
xóm 2	DC	xã Hưng Lĩnh	H. Hưng Nguyên	18° 37' 37"	105° 34' 11"						E-48-32-C-a	
xóm 3	DC	xã Hưng Lĩnh	H. Hưng Nguyên	18° 37' 45"	105° 33' 56"						E-48-32-C-a	
xóm 4A	DC	xã Hưng Lĩnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 08"	105° 33' 31"						E-48-32-C-a	
xóm 4B	DC	xã Hưng Lĩnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 01"	105° 33' 39"						E-48-32-C-a	
xóm 5A	DC	xã Hưng Lĩnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 01"	105° 33' 45"						E-48-32-C-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 5B	DC	xã Hưng Lĩnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 12"	105° 33' 52"					E-48-32-C-a
xóm 6	DC	xã Hưng Lĩnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 21"	105° 34' 01"					E-48-32-C-a
xóm 7	DC	xã Hưng Lĩnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 45"	105° 34' 02"					E-48-32-C-a
xóm 8	DC	xã Hưng Lĩnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 30"	105° 34' 06"					E-48-32-C-a
xóm 9A	DC	xã Hưng Lĩnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 02"	105° 34' 13"					E-48-32-C-a
xóm 9B	DC	xã Hưng Lĩnh	H. Hưng Nguyên	18° 37' 55"	105° 34' 29"					E-48-32-C-a
đường tỉnh 542	KX	xã Hưng Lĩnh	H. Hưng Nguyên			18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-d
đồ Chợ Liều	KX	xã Hưng Lĩnh	H. Hưng Nguyên	18° 37' 49"	105° 33' 23"					E-48-32-C-a
núi Chùa Khê	SV	xã Hưng Lĩnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 22"	105° 34' 21"					E-48-32-C-a
Sông Lam	TV	xã Hưng Lĩnh	H. Hưng Nguyên			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-a
xóm 1	DC	xã Hưng Lợi	H. Hưng Nguyên	18° 36' 45"	105° 40' 39"					E-48-32-C-d
xóm 2	DC	xã Hưng Lợi	H. Hưng Nguyên	18° 36' 48"	105° 40' 52"					E-48-32-C-d
xóm 3	DC	xã Hưng Lợi	H. Hưng Nguyên	18° 37' 01"	105° 40' 53"					E-48-32-C-d
xóm 4	DC	xã Hưng Lợi	H. Hưng Nguyên	18° 37' 31"	105° 40' 19"					E-48-32-C-b
xóm 5	DC	xã Hưng Lợi	H. Hưng Nguyên	18° 37' 33"	105° 40' 42"					E-48-32-C-b
xóm 6	DC	xã Hưng Lợi	H. Hưng Nguyên	18° 37' 49"	105° 41' 00"					E-48-32-C-b
xóm 7	DC	xã Hưng Lợi	H. Hưng Nguyên	18° 38' 12"	105° 41' 10"					E-48-32-C-b
xóm 8	DC	xã Hưng Lợi	H. Hưng Nguyên	18° 38' 45"	105° 40' 58"					E-48-32-C-b
đường tỉnh 542	KX	xã Hưng Lợi	H. Hưng Nguyên			18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-d
đập Ba Ra	TV	xã Hưng Lợi	H. Hưng Nguyên	18° 38' 38"	105° 41' 50"					E-48-32-C-b
sông Cầu Gáy	TV	xã Hưng Lợi	H. Hưng Nguyên			18° 37' 58"	105° 39' 47"	18° 38' 33"	105° 41' 34"	E-48-32-C-b
sông Cửa Tiền	TV	xã Hưng Lợi	H. Hưng Nguyên			18° 39' 56"	105° 39' 07"	18° 38' 25"	105° 42' 16"	E-48-32-C-b
xóm Hồng Lam 1	DC	xã Hưng Lợi	H. Hưng Nguyên	18° 37' 54"	105° 40' 46"					E-48-32-C-b
xóm Hồng Lam 2	DC	xã Hưng Lợi	H. Hưng Nguyên	18° 38' 35"	105° 41' 40"					E-48-32-C-b
Sông Lam	TV	xã Hưng Lợi	H. Hưng Nguyên			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-b, E-48-32-C-d
hỏi Lam Giang	TV	xã Hưng Lợi	H. Hưng Nguyên			18° 35' 10"	105° 39' 26"	18° 36' 35"	105° 41' 08"	E-48-32-C-d
xóm 7A	DC	xã Hưng Long	H. Hưng Nguyên	18° 37' 30"	105° 35' 09"					E-48-32-C-a
xóm 7B	DC	xã Hưng Long	H. Hưng Nguyên	18° 37' 44"	105° 34' 55"					E-48-32-C-a
xóm 8	DC	xã Hưng Long	H. Hưng Nguyên	18° 37' 17"	105° 35' 33"					E-48-32-C-a
xóm 9A	DC	xã Hưng Long	H. Hưng Nguyên	18° 37' 25"	105° 35' 22"					E-48-32-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
xóm 9B	DC	xã Hưng Long	H. Hưng Nguyên	18° 37' 24"	105° 35' 29"					E-48-32-C-a		
xóm 10	DC	xã Hưng Long	H. Hưng Nguyên	18° 37' 41"	105° 35' 48"					E-48-32-C-a		
xóm 11A	DC	xã Hưng Long	H. Hưng Nguyên	18° 37' 14"	105° 35' 38"					E-48-32-C-a		
xóm 11B	DC	xã Hưng Long	H. Hưng Nguyên	18° 37' 06"	105° 35' 56"					E-48-32-C-a		
xóm 12	DC	xã Hưng Long	H. Hưng Nguyên	18° 37' 08"	105° 35' 22"					E-48-32-C-a		
xóm 16	DC	xã Hưng Long	H. Hưng Nguyên	18° 36' 55"	105° 35' 24"					E-48-32-C-a		
đường tỉnh 542	KX	xã Hưng Long	H. Hưng Nguyên			18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-d		
Sông Lam	TV	xã Hưng Long	H. Hưng Nguyên			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-a, E-48-32-C-c		
xóm 1	DC	xã Hưng Mỹ	H. Hưng Nguyên	18° 38' 00"	105° 38' 55"					E-48-32-C-b		
xóm 2	DC	xã Hưng Mỹ	H. Hưng Nguyên	18° 38' 11"	105° 38' 49"					E-48-32-C-b		
xóm 3	DC	xã Hưng Mỹ	H. Hưng Nguyên	18° 38' 37"	105° 38' 59"					E-48-32-C-b		
xóm 4A	DC	xã Hưng Mỹ	H. Hưng Nguyên	18° 38' 50"	105° 39' 03"					E-48-32-C-b		
xóm 4B	DC	xã Hưng Mỹ	H. Hưng Nguyên	18° 38' 51"	105° 38' 56"					E-48-32-C-b		
xóm 5A	DC	xã Hưng Mỹ	H. Hưng Nguyên	18° 39' 13"	105° 38' 45"					E-48-32-C-b		
xóm 5B	DC	xã Hưng Mỹ	H. Hưng Nguyên	18° 39' 09"	105° 38' 40"					E-48-32-C-b		
xóm 6	DC	xã Hưng Mỹ	H. Hưng Nguyên	18° 39' 01"	105° 38' 18"					E-48-32-C-b		
xóm 7	DC	xã Hưng Mỹ	H. Hưng Nguyên	18° 38' 52"	105° 38' 09"					E-48-32-C-b		
xóm 8	DC	xã Hưng Mỹ	H. Hưng Nguyên	18° 38' 49"	105° 38' 17"					E-48-32-C-b		
xóm 9	DC	xã Hưng Mỹ	H. Hưng Nguyên	18° 38' 33"	105° 38' 25"			18° 45' 11"	105° 36' 44"	E-48-32-C-b		
sông Hoàng Cản	TV	xã Hưng Mỹ	H. Hưng Nguyên						105° 29' 35"	E-48-32-C-b		
xóm 1	DC	xã Hưng Nhân	H. Hưng Nguyên	18° 36' 13"	105° 40' 57"					E-48-32-C-d		
xóm 2	DC	xã Hưng Nhân	H. Hưng Nguyên	18° 35' 55"	105° 40' 41"					E-48-32-C-d		
xóm 3	DC	xã Hưng Nhân	H. Hưng Nguyên	18° 35' 23"	105° 40' 43"					E-48-32-C-d		
xóm 4	DC	xã Hưng Nhân	H. Hưng Nguyên	18° 35' 25"	105° 40' 21"					E-48-32-C-d		
xóm 5	DC	xã Hưng Nhân	H. Hưng Nguyên	18° 35' 27"	105° 40' 12"					E-48-32-C-d		
xóm 6	DC	xã Hưng Nhân	H. Hưng Nguyên	18° 35' 34"	105° 40' 20"					E-48-32-C-d		
xóm 7	DC	xã Hưng Nhân	H. Hưng Nguyên	18° 35' 43"	105° 40' 12"					E-48-32-C-d		
xóm 8	DC	xã Hưng Nhân	H. Hưng Nguyên	18° 35' 53"	105° 40' 18"					E-48-32-C-d		
xóm 9	DC	xã Hưng Nhân	H. Hưng Nguyên	18° 35' 29"	105° 40' 50"					E-48-32-C-d		
Sông Lam	TV	xã Hưng Nhân	H. Hưng Nguyên			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-d		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)			
hới Lam Giang	TV	xã Hưng Nhân	H. Hưng Nguyên			18° 35' 10"	105° 39' 26"	18° 36' 35"	105° 41' 08"	E-48-32-C-d		
	DC	xã Hưng Phú	H. Hưng Nguyên	18° 35' 07"	105° 39' 03"					E-48-32-C-d		
	DC	xã Hưng Phú	H. Hưng Nguyên	18° 35' 03"	105° 38' 58"					E-48-32-C-d		
	DC	xã Hưng Phú	H. Hưng Nguyên	18° 35' 00"	105° 38' 49"					E-48-32-C-d		
	DC	xã Hưng Phú	H. Hưng Nguyên	18° 34' 59"	105° 38' 40"					E-48-32-C-d		
	DC	xã Hưng Phú	H. Hưng Nguyên	18° 34' 53"	105° 38' 27"					E-48-32-C-d		
	DC	xã Hưng Phú	H. Hưng Nguyên	18° 35' 05"	105° 38' 28"					E-48-32-C-d		
	DC	xã Hưng Phú	H. Hưng Nguyên	18° 35' 39"	105° 38' 26"					E-48-32-C-d		
	DC	xã Hưng Phú	H. Hưng Nguyên	18° 35' 54"	105° 38' 32"	19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-d		
đường tỉnh 542B	TV	xã Hưng Phú	H. Hưng Nguyên							E-48-32-C-b		
	DC	xã Hưng Phúc	H. Hưng Nguyên	18° 37' 31"	105° 40' 19"					E-48-32-C-b		
	DC	xã Hưng Phúc	H. Hưng Nguyên	18° 37' 38"	105° 39' 42"					E-48-32-C-b		
	DC	xã Hưng Phúc	H. Hưng Nguyên	18° 37' 13"	105° 39' 59"					E-48-32-C-d		
	DC	xã Hưng Phúc	H. Hưng Nguyên	18° 37' 10"	105° 39' 40"					E-48-32-C-d		
	DC	xã Hưng Phúc	H. Hưng Nguyên	18° 36' 56"	105° 39' 33"					E-48-32-C-d		
	DC	xã Hưng Phúc	H. Hưng Nguyên	18° 37' 15"	105° 39' 21"					E-48-32-C-d		
	DC	xã Hưng Phúc	H. Hưng Nguyên	18° 37' 11"	105° 39' 17"					E-48-32-C-d		
	DC	xã Hưng Phúc	H. Hưng Nguyên	18° 37' 26"	105° 39' 04"					E-48-32-C-b		
Sông Đào	DC	xã Hưng Phúc	H. Hưng Nguyên	18° 37' 38"	105° 39' 13"					E-48-32-C-b		
	KX	xã Hưng Phúc	H. Hưng Nguyên			18° 36' 07"	105° 39' 48"	18° 39' 00"	105° 39' 55"	E-48-32-C-b, E-48-32-C-d		
	TV	xã Hưng Phúc	H. Hưng Nguyên			18° 45' 12"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	105° 29' 35"	E-48-32-C-a		
	SV	xã Hưng Phúc	H. Hưng Nguyên	18° 36' 42"	105° 39' 07"					E-48-32-C-d		
	DC	xã Hưng Tân	H. Hưng Nguyên	18° 38' 56"	105° 37' 05"					E-48-32-C-a		
	DC	xã Hưng Tân	H. Hưng Nguyên	18° 38' 44"	105° 37' 16"					E-48-32-C-a		
	DC	xã Hưng Tân	H. Hưng Nguyên	18° 38' 35"	105° 37' 35"					E-48-32-C-b		
	DC	xã Hưng Tân	H. Hưng Nguyên	18° 38' 43"	105° 37' 38"					E-48-32-C-b		
	DC	xã Hưng Tân	H. Hưng Nguyên	18° 38' 22"	105° 37' 37"					E-48-32-C-a		
Núi Nhón	DC	xã Hưng Tân	H. Hưng Nguyên	18° 38' 21"	105° 37' 23"					E-48-32-C-a		
	DC	xã Hưng Tân	H. Hưng Nguyên	18° 38' 15"	105° 37' 28"					E-48-32-C-a		
	DC	xã Hưng Tân	H. Hưng Nguyên	18° 38' 00"	105° 37' 47"					E-48-32-C-b		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
xóm 9	DC	xã Hưng Tân	H. Hưng Nguyên	18° 38' 11"	105° 37' 53"						E-48-32-C-b	
đường tỉnh 542C	KX	xã Hưng Tân	H. Hưng Nguyên			18° 36' 53"	105° 36' 13"	18° 40' 18"	105° 37' 52"		E-48-32-C-b, E-48-32-C-a	
sông Hoàng Cản	TV	xã Hưng Tân	H. Hưng Nguyên			18° 45' 11"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	105° 29' 35"		E-48-32-C-b	
kênh 17	TV	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên			18° 47' 50"	105° 34' 17"	18° 42' 32"	105° 38' 05"		E-48-32-C-a, E-48-32-C-b	
xóm Bắc Kê Gai 1	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 43' 11"	105° 37' 43"						E-48-32-C-b	
xóm Bắc Kê Gai 2	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 43' 02"	105° 37' 47"						E-48-32-C-b	
xóm Bắc Kê Gai 3	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 42' 49"	105° 37' 54"						E-48-32-C-b	
xóm Bắc Phúc Hoà	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 41' 47"	105° 38' 13"						E-48-32-C-b	
xóm Bắc Phúc Long	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 41' 29"	105° 38' 23"						E-48-32-C-b	
xóm Đại Đồng	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 42' 19"	105° 36' 35"						E-48-32-C-a	
xóm Đại Huệ 1	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 41' 51"	105° 36' 40"						E-48-32-C-a	
xóm Đại Huệ 7	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 41' 30"	105° 36' 39"						E-48-32-C-a	
Xóm Đình	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 42' 03"	105° 37' 13"						E-48-32-C-a	
xóm Hưng Thịnh 1	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 44' 05"	105° 37' 14"						E-48-32-C-a	
xóm Hưng Thịnh 2	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 43' 47"	105° 37' 21"						E-48-32-C-a	
xóm Hưng Thịnh 3	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 43' 37"	105° 37' 26"						E-48-32-C-a	
xóm Khoa Đà 1	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 42' 21"	105° 38' 04"						E-48-32-C-b	
xóm Khoa Đà 2	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 42' 15"	105° 38' 06"						E-48-32-C-b	
xóm Khoa Đà 3	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 42' 02"	105° 38' 09"						E-48-32-C-b	
Xóm Kỳ	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 41' 42"	105° 37' 20"						E-48-32-C-a	
xóm Lam Đồng	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 42' 24"	105° 37' 19"						E-48-32-C-b	
núi Lưỡi Hái	SV	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 43' 55"	105° 36' 23"						E-48-32-C-b	
xóm Nam Kê Gai	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 42' 38"	105° 38' 01"						E-48-32-C-b	
xóm Nam Phúc Long	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 41' 23"	105° 38' 24"						E-48-32-C-b	
xóm Nam Phúc Hoà	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 41' 35"	105° 38' 18"						E-48-32-C-a	
xóm Phúc Điền 1	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 43' 24"	105° 36' 59"						E-48-32-C-a	
xóm Phúc Điền 2	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 43' 06"	105° 37' 01"						E-48-32-C-a	
xóm Thượng Khê 3	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 42' 52"	105° 37' 04"						E-48-32-C-a	
xóm Thượng Khê 4	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 42' 37"	105° 37' 08"						E-48-32-C-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)			
xóm Trung Kê Gai	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 42' 55"	105° 37' 57"						E-48-32-C-b	
Xóm Vạc	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 41' 20"	105° 37' 24"						E-48-32-C-a	
xóm 16	DC	xã Hưng Thắng	H. Hưng Nguyên	18° 36' 53"	105° 38' 43"						E-48-32-C-d	
xóm 17	DC	xã Hưng Thắng	H. Hưng Nguyên	18° 37' 07"	105° 38' 19"						E-48-32-C-d	
xóm 18	DC	xã Hưng Thắng	H. Hưng Nguyên	18° 37' 23"	105° 38' 25"						E-48-32-C-d	
xóm 19	DC	xã Hưng Thắng	H. Hưng Nguyên	18° 37' 22"	105° 38' 12"						E-48-32-C-d	
Xóm Ao	DC	xã Hưng Thắng	H. Hưng Nguyên	18° 37' 44"	105° 38' 23"						E-48-32-C-b	
đường sắt Bắc Nam	KX	xã Hưng Thắng	H. Hưng Nguyên			18° 35' 49"	105° 36' 48"	18° 41' 43"	105° 39' 45"		E-48-32-C-b, E-48-32-C-d	
Xóm Đồng	DC	xã Hưng Thắng	H. Hưng Nguyên	18° 37' 53"	105° 38' 28"						E-48-32-C-b	
kênh Lê Xuân Đào	TV	xã Hưng Thắng	H. Hưng Nguyên			18° 37' 04"	105° 38' 44"	18° 38' 52"	105° 36' 17"		E-48-32-C-a, E-48-32-C-d	
Núi Nhón	SV	xã Hưng Thắng	H. Hưng Nguyên	18° 36' 42"	105° 39' 07"						E-48-32-C-d	
đường tỉnh 542B	KX	xã Hưng Thịnh	H. Hưng Nguyên			18° 36' 07"	105° 39' 48"	18° 39' 00"	105° 39' 55"		E-48-32-C-b, E-48-32-C-d	
sông Cầu Gậy	TV	xã Hưng Thịnh	H. Hưng Nguyên								E-48-32-C-b	
sông Cửa Tiền	TV	xã Hưng Thịnh	H. Hưng Nguyên			18° 37' 58"	105° 39' 47"	18° 38' 33"	105° 41' 34"		E-48-32-C-b	
xóm Đồng Phong	DC	xã Hưng Thịnh	H. Hưng Nguyên			18° 39' 56"	105° 39' 07"	18° 38' 25"	105° 42' 16"		E-48-32-C-b	
sông Hoàng Cản	TV	xã Hưng Thịnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 14"	105° 39' 44"						E-48-32-C-b	
đền Ông Mười	KX	xã Hưng Thịnh	H. Hưng Nguyên			18° 45' 11"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	105° 29' 35"		E-48-32-C-b	
xóm Xuân Am	DC	xã Hưng Thịnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 31"	105° 41' 22"						E-48-32-C-b	
xóm Xuân Tân	DC	xã Hưng Thịnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 18"	105° 40' 46"						E-48-32-C-b	
xóm Yên Đồng	DC	xã Hưng Thịnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 28"	105° 40' 40"						E-48-32-C-b	
xóm Yên Hạ	DC	xã Hưng Thịnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 01"	105° 39' 42"						E-48-32-C-b	
xóm Yên Hoà	DC	xã Hưng Thịnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 33"	105° 40' 16"						E-48-32-C-b	
xóm Yên Phong	DC	xã Hưng Thịnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 21"	105° 40' 00"						E-48-32-C-b	
xóm Yên Phú	DC	xã Hưng Thịnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 50"	105° 39' 56"						E-48-32-C-b	
xóm Yên Thọ	DC	xã Hưng Thịnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 09"	105° 39' 51"						E-48-32-C-b	
xóm Yên Thượng	DC	xã Hưng Thịnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 58"	105° 39' 57"						E-48-32-C-b	
xóm Yên Trung	DC	xã Hưng Thịnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 39"	105° 40' 04"						E-48-32-C-b	
xóm Yên Túy	DC	xã Hưng Thịnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 16"	105° 40' 06"						E-48-32-C-b	
	DC	xã Hưng Thịnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 03"	105° 40' 37"						E-48-32-C-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
xóm 1	DC	xã Hưng Thông	H. Hưng Nguyên	18° 38' 48"	105° 36' 28"						E-48-32-C-a	
xóm 2	DC	xã Hưng Thông	H. Hưng Nguyên	18° 38' 42"	105° 36' 20"						E-48-32-C-a	
xóm 3	DC	xã Hưng Thông	H. Hưng Nguyên	18° 38' 41"	105° 36' 29"						E-48-32-C-a	
xóm 4	DC	xã Hưng Thông	H. Hưng Nguyên	18° 37' 57"	105° 36' 43"						E-48-32-C-a	
xóm 5	DC	xã Hưng Thông	H. Hưng Nguyên	18° 38' 09"	105° 36' 42"						E-48-32-C-a	
xóm 6	DC	xã Hưng Thông	H. Hưng Nguyên	18° 38' 03"	105° 36' 48"						E-48-32-C-a	
xóm 7	DC	xã Hưng Thông	H. Hưng Nguyên	18° 37' 44"	105° 37' 01"						E-48-32-C-a	
xóm 8	DC	xã Hưng Thông	H. Hưng Nguyên	18° 37' 38"	105° 36' 53"						E-48-32-C-a	
xóm 9	DC	xã Hưng Thông	H. Hưng Nguyên	18° 37' 33"	105° 37' 03"						E-48-32-C-c	
xóm 10	DC	xã Hưng Thông	H. Hưng Nguyên	18° 37' 26"	105° 37' 05"						E-48-32-C-c	
xóm 11	DC	xã Hưng Thông	H. Hưng Nguyên	18° 37' 12"	105° 37' 05"			18° 36' 53"	105° 36' 13"	18° 40' 18"	105° 37' 52"	E-48-32-C-a
đường tỉnh 542C	KX	xã Hưng Thông	H. Hưng Nguyên					18° 37' 04"	105° 38' 44"	18° 38' 52"	105° 36' 17"	E-48-32-C-a, E-48-32-C-b
kênh Lê Xuân Đào	TV	xã Hưng Thông	H. Hưng Nguyên									E-48-32-C-d
xóm 1	DC	xã Hưng Tiến	H. Hưng Nguyên	18° 36' 40"	105° 37' 31"							E-48-32-C-d
xóm 2	DC	xã Hưng Tiến	H. Hưng Nguyên	18° 36' 43"	105° 37' 33"							E-48-32-C-d
xóm 3	DC	xã Hưng Tiến	H. Hưng Nguyên	18° 36' 56"	105° 37' 45"							E-48-32-C-d
xóm 4	DC	xã Hưng Tiến	H. Hưng Nguyên	18° 36' 50"	105° 37' 55"							E-48-32-C-d
xóm 5	DC	xã Hưng Tiến	H. Hưng Nguyên	18° 36' 53"	105° 38' 00"							E-48-32-C-d
xóm 6	DC	xã Hưng Tiến	H. Hưng Nguyên	18° 37' 12"	105° 37' 41"							E-48-32-C-d
xóm 7	DC	xã Hưng Tiến	H. Hưng Nguyên	18° 37' 11"	105° 37' 48"							E-48-32-C-d
đường sắt Bắc Nam	KX	xã Hưng Tiến	H. Hưng Nguyên					18° 35' 49"	105° 36' 48"	18° 41' 43"	105° 39' 45"	E-48-32-C-b, E-48-32-C-d
kênh Lê Xuân Đào	TV	xã Hưng Tiến	H. Hưng Nguyên					18° 37' 04"	105° 38' 44"	18° 38' 52"	105° 36' 17"	E-48-32-C-c, E-48-32-C-d
xóm 1	DC	xã Hưng Trung	H. Hưng Nguyên	18° 46' 42"	105° 36' 34"							E-48-32-A-c
xóm 2	DC	xã Hưng Trung	H. Hưng Nguyên	18° 47' 08"	105° 36' 36"							E-48-32-A-c
xóm 3	DC	xã Hưng Trung	H. Hưng Nguyên	18° 47' 30"	105° 36' 41"							E-48-32-A-c
xóm 4	DC	xã Hưng Trung	H. Hưng Nguyên	18° 47' 48"	105° 36' 16"							E-48-32-A-c
xóm 5	DC	xã Hưng Trung	H. Hưng Nguyên	18° 47' 26"	105° 36' 11"							E-48-32-A-c
xóm 6	DC	xã Hưng Trung	H. Hưng Nguyên	18° 47' 22"	105° 36' 00"							E-48-32-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
xóm 7	DC	xã Hưng Trung	H. Hưng Nguyên	18° 47' 15"	105° 36' 16"						E-48-32-A-c	
xóm 8	DC	xã Hưng Trung	H. Hưng Nguyên	18° 47' 11"	105° 36' 01"						E-48-32-A-c	
xóm 9A	DC	xã Hưng Trung	H. Hưng Nguyên	18° 47' 03"	105° 35' 55"						E-48-32-A-c	
xóm 9B	DC	xã Hưng Trung	H. Hưng Nguyên	18° 47' 03"	105° 35' 40"						E-48-32-A-c	
xóm 10	DC	xã Hưng Trung	H. Hưng Nguyên	18° 47' 36"	105° 35' 10"						E-48-32-A-c	
xóm 11	DC	xã Hưng Trung	H. Hưng Nguyên	18° 47' 37"	105° 35' 18"						E-48-32-A-c	
xóm 12	DC	xã Hưng Trung	H. Hưng Nguyên	18° 47' 20"	105° 35' 23"						E-48-32-A-c	
xóm 13	DC	xã Hưng Trung	H. Hưng Nguyên	18° 46' 44"	105° 35' 12"						E-48-32-A-c	
xóm 14	DC	xã Hưng Trung	H. Hưng Nguyên	18° 46' 36"	105° 34' 57"						E-48-32-A-c	
kênh 17	TV	xã Hưng Trung	H. Hưng Nguyên			18° 47' 50"	105° 34' 17"	18° 42' 32"	105° 38' 05"		E-48-32-A-c	
sông Thanh Hương	TV	xã Hưng Trung	H. Hưng Nguyên			18° 48' 31"	105° 32' 39"	18° 47' 43"	105° 36' 46"		E-48-32-A-c	
xóm 1	DC	xã Hưng Xá	H. Hưng Nguyên	18° 37' 05"	105° 36' 03"						E-48-32-C-c	
xóm 2	DC	xã Hưng Xá	H. Hưng Nguyên	18° 37' 03"	105° 36' 11"						E-48-32-C-c	
xóm 3	DC	xã Hưng Xá	H. Hưng Nguyên	18° 36' 57"	105° 36' 13"						E-48-32-C-c	
xóm 4	DC	xã Hưng Xá	H. Hưng Nguyên	18° 36' 57"	105° 36' 23"						E-48-32-C-c	
xóm 5	DC	xã Hưng Xá	H. Hưng Nguyên	18° 36' 57"	105° 36' 35"						E-48-32-C-c	
xóm 6	DC	xã Hưng Xá	H. Hưng Nguyên	18° 36' 58"	105° 36' 41"						E-48-32-C-c	
đường tỉnh 542C	KX	xã Hưng Xá	H. Hưng Nguyên			18° 36' 53"	105° 36' 13"	18° 40' 18"	105° 37' 52"		E-48-32-C-c	
Sông Đào	TV	xã Hưng Xá	H. Hưng Nguyên			18° 45' 12"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	105° 29' 35"		E-48-32-C-a	
xóm 1	DC	xã Hưng Xuân	H. Hưng Nguyên	18° 36' 55"	105° 36' 48"						E-48-32-C-c	
xóm 2	DC	xã Hưng Xuân	H. Hưng Nguyên	18° 36' 43"	105° 36' 50"						E-48-32-C-c	
xóm 3	DC	xã Hưng Xuân	H. Hưng Nguyên	18° 36' 25"	105° 36' 57"						E-48-32-C-c	
xóm 4	DC	xã Hưng Xuân	H. Hưng Nguyên	18° 36' 19"	105° 36' 59"						E-48-32-C-c	
xóm 5	DC	xã Hưng Xuân	H. Hưng Nguyên	18° 36' 08"	105° 37' 14"						E-48-32-C-c	
xóm 6	DC	xã Hưng Xuân	H. Hưng Nguyên	18° 35' 57"	105° 37' 19"						E-48-32-C-c	
xóm 7	DC	xã Hưng Xuân	H. Hưng Nguyên	18° 35' 54"	105° 37' 58"						E-48-32-C-c	
xóm 8	DC	xã Hưng Xuân	H. Hưng Nguyên	18° 35' 52"	105° 37' 04"						E-48-32-C-c	
xóm 9	DC	xã Hưng Xuân	H. Hưng Nguyên	18° 35' 45"	105° 37' 05"						E-48-32-C-c	
xóm 10	DC	xã Hưng Xuân	H. Hưng Nguyên	18° 35' 37"	105° 37' 57"						E-48-32-C-c	
đường tỉnh 542	KX	xã Hưng Xuân	H. Hưng Nguyên			18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"		E-48-32-C-c	
đường sắt Bắc Nam	KX	xã Hưng Xuân	H. Hưng Nguyên			18° 35' 49"	105° 36' 48"	18° 41' 43"	105° 39' 45"		E-48-32-C-c	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
Sông Lam	TV	xã Hưng Xuân	H. Hưng Nguyên			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-c		
cầu Yên Xuân	KX	xã Hưng Xuân	H. Hưng Nguyên	18° 35' 49"	105° 36' 45"					E-48-32-C-c		
ga Yên Xuân	KX	xã Hưng Xuân	H. Hưng Nguyên	18° 36' 13"	105° 37' 05"					E-48-32-C-c		
xóm 1	DC	xã Hưng Yên Bắc	H. Hưng Nguyên	18° 45' 49"	105° 35' 02"					E-48-32-A-c		
xóm 2A	DC	xã Hưng Yên Bắc	H. Hưng Nguyên	18° 45' 44"	105° 35' 03"					E-48-32-A-c		
xóm 2B	DC	xã Hưng Yên Bắc	H. Hưng Nguyên	18° 45' 54"	105° 35' 04"					E-48-32-A-c		
xóm 3A	DC	xã Hưng Yên Bắc	H. Hưng Nguyên	18° 45' 37"	105° 35' 06"					E-48-32-A-c		
xóm 3B	DC	xã Hưng Yên Bắc	H. Hưng Nguyên	18° 45' 35"	105° 35' 16"					E-48-32-A-c		
xóm 4	DC	xã Hưng Yên Bắc	H. Hưng Nguyên	18° 45' 49"	105° 35' 02"					E-48-32-A-c		
xóm 5	DC	xã Hưng Yên Bắc	H. Hưng Nguyên	18° 45' 43"	105° 35' 37"					E-48-32-A-c		
xóm 6A	DC	xã Hưng Yên Bắc	H. Hưng Nguyên	18° 45' 31"	105° 35' 46"					E-48-32-A-c		
xóm 6B	DC	xã Hưng Yên Bắc	H. Hưng Nguyên	18° 45' 34"	105° 35' 55"					E-48-32-A-c		
xóm 7A	DC	xã Hưng Yên Bắc	H. Hưng Nguyên	18° 46' 02"	105° 36' 24"					E-48-32-A-c		
xóm 7B	DC	xã Hưng Yên Bắc	H. Hưng Nguyên	18° 46' 08"	105° 36' 28"	18° 48' 31"	105° 32' 39"	18° 44' 22"	105° 36' 55"	E-48-32-C-a		
kênh Nhà Lê	TV	xã Hưng Yên Bắc	H. Hưng Nguyên							E-48-32-C-a		
hồ Thạch Tiền	TV	xã Hưng Yên Bắc	H. Hưng Nguyên	18° 43' 39"	105° 35' 28"					E-48-32-A-c		
xóm 1	DC	xã Hưng Yên Nam	H. Hưng Nguyên	18° 45' 05"	105° 34' 42"					E-48-32-A-c		
xóm 2	DC	xã Hưng Yên Nam	H. Hưng Nguyên	18° 45' 15"	105° 35' 16"					E-48-32-A-c		
xóm 3	DC	xã Hưng Yên Nam	H. Hưng Nguyên	18° 45' 18"	105° 35' 32"					E-48-32-A-c		
xóm 4	DC	xã Hưng Yên Nam	H. Hưng Nguyên	18° 45' 24"	105° 35' 51"					E-48-32-A-c		
xóm 5	DC	xã Hưng Yên Nam	H. Hưng Nguyên	18° 45' 21"	105° 36' 05"					E-48-32-C-a		
xóm 6A	DC	xã Hưng Yên Nam	H. Hưng Nguyên	18° 45' 33"	105° 36' 13"					E-48-32-A-c		
xóm 6B	DC	xã Hưng Yên Nam	H. Hưng Nguyên	18° 45' 38"	105° 36' 19"					E-48-32-C-a		
xóm 7A	DC	xã Hưng Yên Nam	H. Hưng Nguyên	18° 45' 27"	105° 36' 25"					E-48-32-A-c		
xóm 7B	DC	xã Hưng Yên Nam	H. Hưng Nguyên	18° 45' 25"	105° 36' 34"					E-48-32-C-a		
xóm 8A	DC	xã Hưng Yên Nam	H. Hưng Nguyên	18° 44' 21"	105° 35' 46"					E-48-32-C-a		
xóm 8B	DC	xã Hưng Yên Nam	H. Hưng Nguyên	18° 44' 34"	105° 36' 00"					E-48-32-C-a		
xóm 9	DC	xã Hưng Yên Nam	H. Hưng Nguyên	18° 44' 33"	105° 36' 12"					E-48-32-C-a		
xóm 10	DC	xã Hưng Yên Nam	H. Hưng Nguyên	18° 44' 42"	105° 35' 31"					E-48-32-C-a		
xóm 11	DC	xã Hưng Yên Nam	H. Hưng Nguyên	18° 44' 13"	105° 34' 51"	18° 48' 31"	105° 32' 39"	18° 44' 22"	105° 36' 55"	E-48-32-C-a		
kênh Nhà Lê	TV	xã Hưng Yên Nam	H. Hưng Nguyên							E-48-32-C-a		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
hồ Thạch Tiền	TV	xã Hưng Yên Nam	H. Hưng Nguyên	18° 43' 39"	105° 35' 28"							E-48-32-C-a
khối 1	DC	TT. Mường Xén	H. Kỳ Sơn	19° 24' 05"	104° 08' 33"							E-48-17-A
khối 2	DC	TT. Mường Xén	H. Kỳ Sơn	19° 24' 00"	104° 08' 58"							E-48-17-A
khối 3	DC	TT. Mường Xén	H. Kỳ Sơn	19° 23' 38"	104° 09' 11"							E-48-17-A
khối 4	DC	TT. Mường Xén	H. Kỳ Sơn	19° 23' 33"	104° 09' 32"							E-48-17-A
khối 5	DC	TT. Mường Xén	H. Kỳ Sơn	19° 23' 31"	104° 09' 53"							E-48-17-A
quốc lộ 7	KX	TT. Mường Xén	H. Kỳ Sơn					19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-17-A
Nằm Mộ	TV	TT. Mường Xén	H. Kỳ Sơn					19° 18' 07"	103° 52' 56"	19° 17' 11"	104° 25' 36"	E-48-17-A
Khe Toáng	TV	TT. Mường Xén	H. Kỳ Sơn					19° 21' 43"	104° 07' 41"	19° 24' 08"	104° 08' 35"	E-48-17-A
Bản Buộc	DC	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn	19° 36' 58"	104° 14' 55"							E-48-5-C
Suối Cáng	TV	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn					19° 33' 21"	104° 16' 08"	19° 35' 36"	104° 16' 11"	E-48-5-D
bản Cha Nga	DC	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn	19° 39' 25"	104° 11' 01"							E-48-5-C
bản Huồi Bắc	DC	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn	19° 36' 35"	104° 13' 19"							E-48-5-D
bản Huồi Cáng 1	DC	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn	19° 35' 33"	104° 16' 06"							E-48-5-D
bản Huồi Cáng 2	DC	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn	19° 35' 03"	104° 16' 07"							E-48-5-C
bản Kẹo Nam	DC	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn	19° 39' 59"	104° 11' 26"							E-48-5-C
bản Kẹo Pha Tú	DC	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn	19° 38' 17"	104° 12' 39"							E-48-5-D
bản Na Kho	DC	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn	19° 37' 45"	104° 16' 08"							E-48-5-C
Suối Nháng	TV	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn					19° 35' 54"	104° 13' 58"	19° 35' 11"	104° 14' 00"	E-48-5-D
Suối Nho	TV	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn					19° 34' 47"	104° 17' 17"	19° 35' 24"	104° 16' 08"	E-48-5-C
bản Nhọt Kho	DC	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn	19° 37' 23"	104° 13' 06"							E-48-5-D
Suối Niếng	TV	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn					19° 36' 08"	104° 11' 52"	19° 36' 49"	104° 14' 04"	E-48-5-D
bản Phà Coóng	DC	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn	19° 35' 16"	104° 17' 21"							E-48-5-D
núi Pha Han	SV	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn	19° 36' 01"	104° 17' 08"							E-48-5-D
núi Pha Lai	SV	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn	19° 36' 33"	104° 16' 19"							E-48-5-D
suối Phà Nét	TV	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn					19° 33' 58"	104° 15' 53"	19° 34' 53"	104° 16' 15"	E-48-5-C
bản Phia Khảm 1	DC	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn	19° 34' 58"	104° 14' 39"							E-48-5-C
bản Phia Khảm 2	DC	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn	19° 35' 15"	104° 14' 04"							E-48-5-C
Huồi Sắc	TV	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn					19° 37' 37"	104° 11' 08"	19° 36' 49"	104° 14' 04"	E-48-5-C
Suối Tầm	TV	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn					19° 34' 06"	104° 13' 18"	19° 36' 44"	104° 18' 44"	E-48-5-C
bản Xám Thang	DC	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn	19° 38' 29"	104° 11' 49"							E-48-5-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
suối Xiềng Dưới	TV	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn			19° 36' 49"	104° 14' 04"	19° 37' 05"	104° 17' 02"	E-48-5-C
bản Hín Pén	DC	xã Bảo Nam	H. Kỳ Sơn	19° 24' 26"	104° 17' 09"					E-48-17-B
bản Huồi Hốc	DC	xã Bảo Nam	H. Kỳ Sơn	19° 26' 04"	104° 18' 46"					E-48-17-B
khe Huồi Kha	TV	xã Bảo Nam	H. Kỳ Sơn			19° 30' 24"	104° 14' 42"	19° 28' 05"	104° 16' 21"	E-48-17-B
bản Huồi Lau	DC	xã Bảo Nam	H. Kỳ Sơn	19° 28' 42"	104° 16' 42"					E-48-17-B
khe Huồi Phan	TV	xã Bảo Nam	H. Kỳ Sơn			19° 26' 52"	104° 18' 09"	19° 26' 45"	104° 16' 27"	E-48-17-B
bản Khe Nạp	DC	xã Bảo Nam	H. Kỳ Sơn	19° 29' 07"	104° 16' 35"					E-48-17-B
bản Lưu Tán	DC	xã Bảo Nam	H. Kỳ Sơn	19° 24' 47"	104° 18' 25"					E-48-17-B
Núi Mòn	SV	xã Bảo Nam	H. Kỳ Sơn	19° 25' 13"	104° 17' 09"					E-48-17-B
bản Nam Tiến 1	DC	xã Bảo Nam	H. Kỳ Sơn	19° 24' 21"	104° 15' 52"					E-48-17-B
bản Nam Tiến 2	DC	xã Bảo Nam	H. Kỳ Sơn	19° 24' 48"	104° 16' 24"					E-48-17-B
Suối Nhi	TV	xã Bảo Nam	H. Kỳ Sơn			19° 32' 06"	104° 20' 07"	19° 22' 55"	104° 12' 02"	E-48-17-B
bản Phia Khoáng	DC	xã Bảo Nam	H. Kỳ Sơn	19° 29' 05"	104° 17' 12"					E-48-17-B
bản Thảo Đi	DC	xã Bảo Nam	H. Kỳ Sơn	19° 25' 53"	104° 17' 08"					E-48-17-B
Suối Thay	TV	xã Bảo Nam	H. Kỳ Sơn			19° 27' 44"	104° 19' 48"	19° 22' 44"	104° 17' 10"	E-48-17-B
bản Xà Lồng	DC	xã Bảo Nam	H. Kỳ Sơn	19° 29' 19"	104° 16' 47"			19° 29' 03"	104° 17' 37"	E-48-17-B
khe Xà Lồng	TV	xã Bảo Nam	H. Kỳ Sơn							E-48-17-B
bản Ca Da	DC	xã Bảo Thắng	H. Kỳ Sơn	19° 25' 32"	104° 25' 20"					E-48-17-B
bản Cha Ca 1	DC	xã Bảo Thắng	H. Kỳ Sơn	19° 23' 50"	104° 23' 52"					E-48-17-B
bản Cha Ca 2	DC	xã Bảo Thắng	H. Kỳ Sơn	19° 24' 07"	104° 23' 56"					E-48-17-B
Khe Com	TV	xã Bảo Thắng	H. Kỳ Sơn			19° 27' 02"	104° 22' 35"	19° 23' 56"	104° 31' 21"	E-48-17-B
Suối Con	TV	xã Bảo Thắng	H. Kỳ Sơn			19° 24' 13"	105° 25' 17"	19° 22' 56"	105° 24' 11"	E-48-19-B-b
núi Huồi Com	SV	xã Bảo Thắng	H. Kỳ Sơn	19° 27' 03"	104° 23' 22"					E-48-17-B
Khe Lem	TV	xã Bảo Thắng	H. Kỳ Sơn			19° 27' 08"	104° 26' 32"	19° 24' 55"	104° 27' 40"	E-48-17-B
Núi Nghé	SV	xã Bảo Thắng	H. Kỳ Sơn	19° 25' 51"	104° 21' 10"					E-48-17-B
núi Ten Tạo	SV	xã Bảo Thắng	H. Kỳ Sơn	19° 24' 21"	104° 23' 13"					E-48-17-B
bản Thà Lạng	DC	xã Bảo Thắng	H. Kỳ Sơn	19° 25' 49"	104° 24' 40"					E-48-17-B
núi Xa Khao	SV	xã Bảo Thắng	H. Kỳ Sơn	19° 24' 13"	104° 21' 45"					E-48-17-B
bản Xao Va	DC	xã Bảo Thắng	H. Kỳ Sơn	19° 26' 26"	104° 22' 42"					E-48-17-B
quốc lộ 7	KX	xã Chiêu Lưu	H. Kỳ Sơn			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-17-B
suối Ca Nan	TV	xã Chiêu Lưu	H. Kỳ Sơn			19° 18' 49"	104° 13' 15"	19° 20' 33"	104° 16' 53"	E-48-17-B